

Số: 106/QĐ-TTĐLCL

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình chứng nhận hợp quy

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG

Căn cứ Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông” được sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2018 và Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2246/QĐ-BKHCN ngày 18/08/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông trực thuộc Cục Viễn thông;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình chứng nhận hợp quy.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 228/QĐ-TTĐLCL ngày 05/11/2024 ban hành “Quy trình chứng nhận hợp quy” của Giám đốc Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng Bộ phận Kế hoạch – Tài chính, Trưởng phòng Chứng nhận, Trưởng Chi nhánh Miền Nam, Trưởng Chi nhánh Miền Trung và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- Phó Cục trưởng Nguyễn Anh Cường (để b/c);
- Các PGĐ;
- Lưu: VT, CN.



Hồ Đức Lượng

QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN HỢP QUY

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành

Quy trình này áp dụng trong phạm vi nội bộ Trung tâm để quản lý rủi ro, hướng dẫn nghiệp vụ nội bộ nhằm bảo đảm thống nhất cách thức giải quyết các tình huống trong hoạt động CNHQ; không làm căn cứ giải quyết các quan hệ pháp lý với tổ chức, cá nhân bên ngoài.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Tổ chức CNHQ tại văn bản này là Trung tâm. Công tác CNHQ được triển khai tại 04 đơn vị thuộc Trung tâm gồm: Tổ 1 cửa (thuộc Phòng Hành Chính – Tổng hợp) và Phòng Chứng nhận tại Hà Nội, Chi nhánh Miền Trung (CNMT) tại Đà Nẵng), Chi nhánh Miền Nam (CNMN) tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nhân sự tham gia quy trình CNHQ

- Người phê duyệt (NPD): là người được phân quyền phê duyệt hồ sơ trên phần mềm CNHQ.
- Người phân công (NPC): là người được phân quyền phân công NTĐ1, NTĐ2 và NXL trên hệ thống phần mềm CNHQ;
- Người tiếp nhận (NTN): là người được giao tiếp nhận hồ sơ, có trách nhiệm đảm bảo hồ sơ có đầy đủ thành phần phù hợp với phương thức.
- Người xử lý (NXL): là người được giao nhiệm vụ xử lý hồ sơ và có trách nhiệm đảm bảo tính chính xác đối với các thông tin tại kết quả xử lý hồ sơ.
- Người thẩm định bước 1 (NTĐ1): là người được giao nhiệm vụ soát xét toàn bộ quá trình xử lý: đánh giá việc lựa chọn PTCN, đánh giá đặc tính kỹ thuật của SP, đánh giá sự phù hợp. NXL và NTĐ1 là nhân sự nội bộ thuộc cùng một đơn vị.

- Người thẩm định bước 2 (NTĐ2): là người được giao nhiệm vụ thẩm định đảm bảo quá trình xử lý hồ sơ tuân thủ đầy đủ các bước theo quy trình CNHQ. NTĐ2 là nhân sự độc lập với các đơn vị và phải nằm trong danh sách được Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt.

- Người phát hành (NPH): là người được giao nhiệm vụ phát hành và trả các kết quả xử lý hồ sơ (gồm việc in và đóng dấu bản gốc, các bản sao kết quả xử lý hồ sơ).

- Người soạn hợp đồng (NSHD): là người được giao soạn thảo Dự thảo hợp đồng và theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng.

3. CNHQ trọn gói

- CNHQ trọn gói là hình thức cung cấp dịch vụ mà trong đó Trung tâm thực hiện hoạt động CNHQ kết hợp với dịch vụ đo kiểm hoặc tổ chức thực hiện việc đánh giá cơ sở sản xuất, đánh giá lô hàng và/hoặc lấy mẫu bằng nguồn lực của Trung tâm theo đề nghị của khách hàng.

- Các loại dịch vụ CNHQ trọn gói:

+ Dịch vụ đo kiểm và CNHQ trọn gói: là dịch vụ mà trong đó Trung tâm thực hiện đồng thời cả việc đo kiểm và đánh giá, xem xét cấp Giấy CNHQ cho khách hàng. Đối với dịch vụ này, Trung tâm phải xem xét khả năng thực hiện hợp đồng (Phiếu xem xét theo Biểu mẫu QT-BM17) và việc triển khai bắt buộc phải thực hiện thông qua hợp đồng dịch vụ (mẫu hợp đồng theo QT-BM16; nội dung hợp đồng phải được thống nhất và ký kết từ trước khi thực hiện quy trình CNHQ này).

+ Dịch vụ đánh giá lô hàng/cơ sở sản xuất trọn gói: là dịch vụ mà trong đó Trung tâm tự tổ chức hoạt động đánh giá lô hàng/cơ sở sản xuất bằng nguồn lực, phương tiện của Trung tâm (doanh nghiệp phải chi trả toàn bộ chi phí tổ chức thực hiện này). Dịch vụ này chỉ áp dụng đối với sản phẩm sản xuất trong nước được đề nghị CNHQ theo phương thức 1/phương thức 5 hoặc lô hàng nhập khẩu được đề nghị CNHQ theo Phương thức 7. Việc triển khai dịch vụ này không nhất thiết phải thực hiện thông qua hợp đồng.

Điều 3. Cơ sở dữ liệu CNHQ

- Cơ sở dữ liệu CNHQ là hệ thống thông tin tập trung, bao gồm các tài liệu, hồ sơ và dữ liệu điện tử liên quan đến hoạt động CNHQ, được lưu trữ và quản lý thống nhất nhằm phục vụ công tác quản lý, giám sát và báo cáo của Trung tâm.

- Việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ CNHQ phải được thực hiện thống nhất thông qua phần mềm CNHQ nội bộ do Trung tâm xây dựng và phát triển.
- Các đơn vị có trách nhiệm chủ động xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về hoạt động CNHQ phù hợp theo điều kiện của từng đơn vị.
- Phòng Chứng nhận có trách nhiệm đề xuất mẫu báo cáo thống nhất để Trung tâm xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu tập trung.

Điều 4. Quy định về nguyên tắc đánh số giấy CNHQ, xác định mã sản phẩm và tên sản phẩm

- Nguyên tắc đánh số giấy CNHQ, xác định mã sản phẩm và tên gọi sản phẩm: áp dụng theo Hướng dẫn QT-QĐ01.
- Phòng Chứng nhận chủ trì việc xây dựng và cập nhật bảng mã sản phẩm.
- Khi có sản phẩm mới cần cập nhật, các đơn vị lập Phiếu đề xuất theo mẫu tại Phụ lục 1 của QT-QĐ01 gửi Phòng Chứng nhận để xử lý trong thời hạn 01 ngày làm việc.

Điều 5. Phương thức chứng nhận hợp quy

Áp dụng theo các Phương thức 1, 5, 7 quy định tại Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 được sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT ngày 15/11/2018 và Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT ngày 07/05/2020.

Điều 6. Chi phí chứng nhận hợp quy

- Chi phí CNHQ áp dụng theo Quyết định của Giám đốc Trung tâm.
- Việc thu phí CNHQ áp dụng theo Hướng dẫn QT-HD09.

Điều 7. Giấy CNHQ

- Giấy CNHQ cấp theo Phương thức 1: áp dụng biểu mẫu QT-BM02-01, cách ghi thông tin theo QT-HD02.
- Giấy CNHQ cấp theo Phương thức 5: áp dụng biểu mẫu QT-BM02-02, cách ghi thông tin theo QT-HD03;
- Giấy CNHQ cấp theo Phương thức 7: áp dụng biểu mẫu QT-BM02-03, cách ghi thông tin theo QT-HD04.
- Giấy CNHQ có thể được ký trực tiếp hoặc ký số. Bản gốc Giấy CNHQ được in trên phôi giấy CNHQ. Việc quản lý phôi giấy CNHQ thực hiện theo QT-HD06.

- Giá trị của giấy CNHQ:

Phương thức CNHQ	Giá trị của giấy CNHQ	Điều kiện duy trì giá trị của giấy CNHQ
Phương thức 1	Tối đa 03 năm kể từ ngày cấp	Chúng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (HT QLCL) của dây chuyền sản xuất được duy trì hiệu lực liên tục.
Phương thức 5	Tối đa 03 năm kể từ ngày cấp	Sản phẩm được cấp giấy CNHQ được giám sát định kỳ hàng năm.
Phương thức 7	Chỉ có giá trị đối với lô hàng được chứng nhận	

Điều 8. Niêm yết thông tin

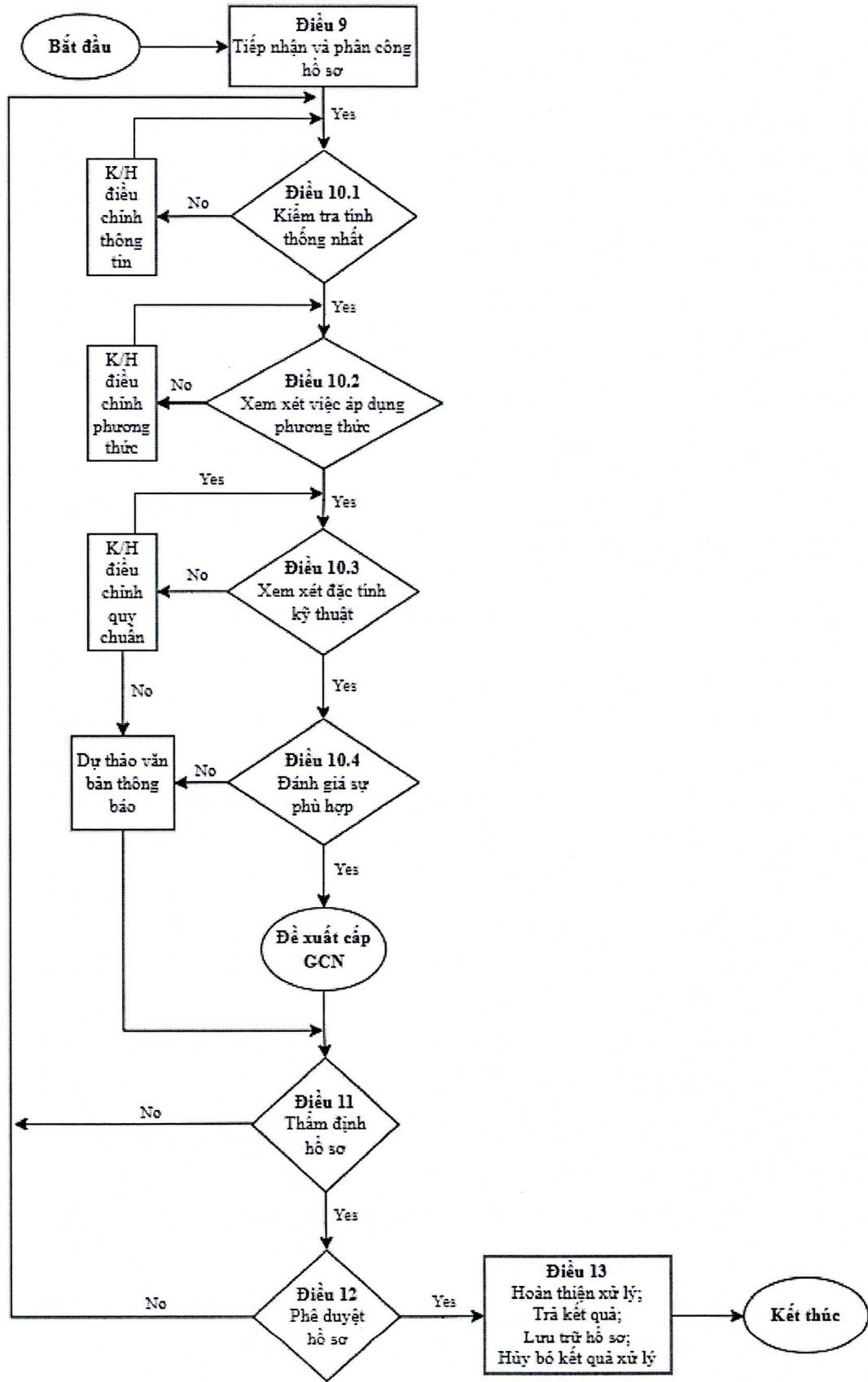
Trung tâm niêm yết công khai tại trụ sở làm việc và trên Trang web www.tqc.gov.vn các thông tin sau:

- Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011, Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT ngày 15/11/2018 và Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT ngày 07/5/2020;
- Thông tư 14/2026/TT-BKHCN ngày 09/4/2026;
- Thông tư “Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ” theo từng thời kỳ;
- Quy trình CNHQ;
- Hướng dẫn về thành phần hồ sơ CNHQ; phương thức CNHQ và trình tự tiếp nhận, xử lý hồ sơ CNHQ; thời gian xử lý hồ sơ.
- Mẫu hợp đồng dịch vụ CNHQ.
- Mẫu văn bản đề nghị CNHQ (mẫu số 1).
- Mẫu báo cáo hành động khắc phục (mẫu số 2).
- Quy định về hao phí dịch vụ CNHQ.

20

CHƯƠNG II

QUY TRÌNH CHỨNG NHẬN HỢP QUY



2/4

Điều 9. Tiếp nhận và phân công hồ sơ

1. Tiếp nhận hồ sơ

- Khách hàng có thể nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Trình tự tiếp nhận:

+ Bước 1: NTN kiểm tra thành phần hồ sơ CNHQ và chỉ tiếp nhận những hồ sơ có đầy đủ thành phần (thực hiện theo Hướng dẫn QT-HD01). Đối với hồ sơ Phương thức 1, trường hợp khách hàng nộp kèm KQĐK, NTN phải đảm bảo sản phẩm mẫu được đo kiểm phải được kiểm soát theo QT-HD11.

+ Bước 2: NTN nhập hồ sơ vào phần mềm CNHQ, tạo Phiếu tiếp nhận (theo biểu mẫu QT-BM01) và Phiếu báo giá dịch (thực hiện theo Hướng dẫn QT-HD09) thành 02 bản, 01 bản lưu hồ sơ, 01 bản trả khách.

- Kể từ khi tiếp nhận hồ sơ:

+ Trong vòng 01 ngày làm việc: NTN scan hồ sơ và tải lên server của Trung tâm theo hướng dẫn QT-HD07.

+ Trường hợp khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ đánh giá lô hàng/cơ sở sản xuất trọn gói (xem tại khoản 2 Điều 3), NTN dự thảo và phát hành Báo giá dịch vụ trong đó liệt kê toàn bộ các chi phí tổ chức hoạt động đánh giá (như chi phí đi lại, phòng nghỉ, công tác phí, ...) trình Lãnh đạo Trung tâm ký ban hành và gửi khách hàng. Nếu khách hàng có nhu cầu ký hợp đồng dịch vụ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ CNHQ, NTN lập Phiếu xem xét khả năng thực hiện hợp đồng (theo Biểu mẫu QT-BM17) gửi NSHĐ để soạn thảo hợp đồng theo mẫu QT-BM16 trình Lãnh đạo Trung tâm.

2. Phân công hồ sơ

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ được up lên server, NPC phân công NXL, NTĐ1, NTĐ2 (lưu ý: NXL, NTĐ1, NTĐ2 phải khác nhau) và tuân thủ nguyên tắc NTĐ1 và NTĐ2 không được tham gia vào quá trình đánh giá xem xét chứng nhận hợp quy.

- Việc phân công hồ sơ phải được thực hiện qua phần mềm CNHQ.

Điều 10. Xử lý hồ sơ

Việc xử lý được thực hiện theo trình tự sau:

1. Kiểm tra tính thống nhất của hồ sơ

- Thực hiện: đối chiếu để đảm bảo tính thống nhất giữa các thông tin có trong hồ sơ.

2. Xem xét việc áp dụng phương thức CNHQ

- Thực hiện: Xem xét tài liệu về phương thức nộp kèm hồ sơ CNHQ để đảm bảo sự phù hợp về phương thức CNHQ. Trong đó:

+ Đối với Phương thức 1: đảm bảo chứng chỉ chứng nhận HT QLCL phù hợp theo QT-HD02;

+ Đối với Phương thức 5: đảm bảo các tài liệu về phương thức nộp kèm theo hồ sơ phải đầy đủ theo hướng dẫn tại QT-HD03.

+ Đối với Phương thức 7: đảm bảo các tài liệu về phương thức nộp kèm theo hồ sơ phải đầy đủ theo hướng dẫn tại QT-HD04.

3. Xem xét đặc tính kỹ thuật của sản phẩm

Căn cứ tài liệu kỹ thuật do khách hàng cung cấp, NXL thực hiện việc đánh giá các nội dung sau:

a. Đánh giá việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật

- Thực hiện: NXL đối chiếu đặc tính kỹ thuật của sản phẩm với phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật (QCVN) và quy định tại Thông tư quy định Danh mục để đảm bảo sản phẩm thuộc đúng đối tượng bắt buộc phải CNHQ và được áp dụng đúng QCVN.

b. Đánh giá việc bắt buộc phải CNHQ

- Mục đích: Đảm bảo việc CNHQ được thực hiện đúng đối tượng.

- Trường hợp sản phẩm không thuộc “Danh mục sản phẩm, hàng hóa công nghệ thông tin và viễn thông bắt buộc phải CNHQ và công bố hợp quy”: NXL thông báo với khách hàng và đề xuất kết thúc xử lý hồ sơ (thực hiện tiếp trình tự xử lý từ Điều 11 đến Điều 13).

- Trường hợp sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN nhưng không thuộc “Danh mục sản phẩm, hàng hóa công nghệ thông tin và viễn thông bắt buộc phải CNHQ và công bố hợp quy” và khách hàng vẫn có nhu cầu CNHQ thì thực hiện theo hướng dẫn tại QT-HD05.

c. Đánh giá sự phù hợp về băng tần hoạt động/ điều kiện kỹ thuật và khai thác tương ứng

- Thực hiện: NXL xem xét tần số hoạt động của sản phẩm/ điều kiện kỹ thuật và khai thác tương ứng của sản phẩm tại tài liệu kỹ thuật để đảm bảo sản

phẩm có băng tần hoạt động phù hợp/ chức năng phát xạ vô tuyến điện phải tuân thủ các quy hoạch và phân bổ tần số vô tuyến điện của Việt Nam.

Lưu ý: Nếu hồ sơ chưa đáp ứng yêu cầu tại các mục 10.1, 10.2, 10.3, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ, NXL phải dự thảo văn bản thông báo theo Biểu mẫu QT-BM04 trình Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt.

4. Đánh giá sự phù hợp

- a. Hồ sơ CNHQ theo Phương thức 1: thực hiện theo Hướng dẫn QT-HD02.
- b. Hồ sơ CNHQ theo Phương thức 5: thực hiện theo Hướng dẫn QT-HD03.
- c. Hồ sơ CNHQ theo Phương thức 7: thực hiện theo Hướng dẫn QT-HD04.

Điều 11. Thẩm định hồ sơ

- NTĐ1 và NTĐ2 thực hiện việc thẩm định theo vai trò được giao tại khoản 2 Điều 2. Trình tự thẩm định như sau: NXL => NTĐ 1 => NTĐ. Thời hạn thẩm định là không quá 01 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ cần thẩm định (việc thẩm định thực hiện thông qua phần mềm CNHQ).

- Trường hợp không nhất trí với đề xuất của NXL, NTĐ1 và NTĐ2 phải ghi rõ lý do. Quá trình xử lý và thẩm định hồ sơ có thể được thực hiện nhiều lần đến khi đạt được sự thống nhất nhưng không quá 03 ngày làm việc kể từ khi gửi thẩm định lần đầu. Trường hợp không thể thống nhất với NTĐ1 và NTĐ2, NXL có thể báo cáo trực tiếp kết quả xử lý để NPD quyết định.

Điều 12. Phê duyệt hồ sơ

- NXL gửi hồ sơ đã thẩm định cho NPD để phê duyệt.
- Quá trình phê duyệt hồ sơ thực hiện theo QT-HD07.
- Trường hợp NPD không phê duyệt kết quả xử lý hồ sơ, NXL thực hiện lại trình tự xử lý từ Điều 10 đến Điều 12 cho đến khi NPD nhất trí với đề xuất của NXL.

Lưu ý: Thời gian giải quyết hồ sơ CNHQ theo các Hướng dẫn QT-HD02 (Phương thức 1), QT-HD03 (Phương thức 5) và QT-HD04 (Phương thức 7).

Điều 13. Hoàn thiện xử lý, trả kết quả, lưu trữ hồ sơ và hủy bỏ kết quả xử lý

1. Hoàn thiện xử lý

- Bước 1: NXL in và trình NTĐ1, NTĐ2 ký Phiếu đánh giá (biểu mẫu QT-BM11) và thẩm định các dự thảo gồm:

29

+ Trường hợp cấp Giấy CNHQ: dự thảo Thông báo nộp tiền Đợt 2 (theo Hướng dẫn QT-HD09) và dự thảo giấy CNHQ.

+ Trường hợp không cấp Giấy CNHQ: dự thảo công văn thông báo nêu rõ lý do không cấp Giấy CNHQ và dự thảo Thông báo nộp tiền Đợt 2 (theo Hướng dẫn QT-HD09) ghi rõ những chi phí cần thu (nếu có).

- Bước 2: NPD ký duyệt các dự thảo nêu tại Bước 1. Việc trình ký các dự thảo từ NXL đến NPD phải thông qua Trưởng đơn vị.

- Bước 3: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, NPH in các kết quả đã được NPD ký duyệt và chuyển bản gốc kèm 02 bản sao đến văn thư Trung tâm để đóng dấu.

2. Trả kết quả

- Đối với kết quả xử lý của Phòng Chứng nhận: Tổ 1 cửa trả;

- Đối với kết quả xử lý của các Chi nhánh: Tổ 1 cửa trả hoặc chuyển về các Chi nhánh tự trả. Trường hợp chuyển kết quả về các Chi nhánh, NPH lập Phiếu bàn giao theo Biểu mẫu QT-BM05.

- Việc trả kết quả thực hiện như sau:

+ Trường hợp cấp giấy CNHQ: trả bản gốc giấy CNHQ và 01 bản chính Thông báo nộp tiền dịch vụ CNHQ;

+ Trường hợp không cấp giấy CNHQ: trả 01 bản chính công văn thông báo và 01 bản chính Thông báo nộp tiền dịch vụ CNHQ (nếu có).

+ Trường hợp phát hiện sai sót trên kết quả chứng nhận, NPH thông báo đề NXL thực hiện việc báo cáo Lãnh đạo Trung về phương án đính chính.

3. Lưu trữ hồ sơ

- Trường hợp cấp giấy CNHQ: lưu kèm hồ sơ Phiếu đánh giá, 01 bản chính Giấy CNHQ.

- Trường hợp không cấp giấy CNHQ: lưu kèm hồ sơ Phiếu đánh giá và 01 bản chính công văn thông báo.

Ngoài các tài liệu nêu trên, hồ sơ CNHQ phải lưu kèm toàn bộ các tài liệu phát sinh trong quá trình xử lý hồ sơ, bao gồm: Báo giá dịch vụ; Thông báo nộp tiền; toàn bộ các tài liệu, văn bản thông báo, trao đổi với khách hàng; các bằng

chứng thực hiện việc đánh giá và/hoặc lấy mẫu (nếu có; sau khi giải quyết xong hồ sơ, NXL phải bàn giao các bằng chứng để NTN lưu hồ sơ).

- Hồ sơ CNHQ được lưu trữ trong túi riêng, có nhãn ghi rõ số hồ sơ, loại hồ sơ, năm tiếp nhận hồ sơ.

- Việc quản lý, khai thác hồ sơ CNHQ đã lưu trữ phải được thực hiện theo quy chế văn thư, lưu trữ.

4. Hủy bỏ kết quả xử lý

- Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Trung tâm cấp giấy CNHQ, nếu khách hàng không nộp tiền theo thông báo nộp tiền dịch vụ CNHQ (căn cứ theo xác nhận từ kế toán Trung tâm): NXL có thể dự thảo Phiếu trình đề xuất hủy bỏ kết quả xử lý hồ sơ (kèm theo dự thảo văn bản thông báo gửi khách hàng) để báo cáo và xin ý kiến Lãnh đạo Trung tâm.

Lưu ý: NTN là nhân sự có trách nhiệm thông báo kết quả xử lý hồ sơ CNHQ cho khách hàng.

CHƯƠNG III

XEM XÉT HIỆU LỰC CỦA GIẤY CHỨNG NHẬP HỢP QUY ĐÃ CẤP

Điều 14. Xem xét hiệu lực của Giấy CNHQ đã cấp

Hoạt động xem xét hiệu lực của Giấy CNHQ đã cấp bao gồm:

- Xem xét việc duy trì hiệu lực của giấy CNHQ đã cấp theo Phương thức 1 thông qua xem xét việc duy trì hiệu lực của chứng chỉ chứng nhận HT QLCL của dây chuyền sản xuất.

- Hoạt động giám sát sau CNHQ đối với sản phẩm đã được cấp giấy CNHQ theo Phương thức 5. Việc này được thực hiện định kỳ không quá 12 tháng kể từ ngày cấp giấy CNHQ hoặc kể từ lần giám sát trước đó.

Điều 15. Trình tự thực hiện việc xem xét hiệu lực của Giấy CNHQ đã cấp

Trình tự thực hiện theo Hướng dẫn QT-HD08.

CHƯƠNG IV

CẤP MÃ QUẢN LÝ DẤU HỢP QUY; THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY VÀ QUYỀN SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY

Điều 16. Cấp dấu hợp quy sử dụng cho sản phẩm đã được cấp Giấy CNHQ

- Phòng Chứng nhận chủ trì thực hiện việc cấp dấu hợp quy cho sản phẩm, hàng hoá đã được cấp Giấy CNHQ.

- Việc cấp dấu hợp quy thực hiện theo Hướng dẫn QT-HD10.

Điều 17. Thu hồi Giấy CNHQ và quyền sử dụng dấu hợp quy

Trung tâm ban hành Quyết định huỷ bỏ hiệu lực và thu hồi giấy CNHQ, quyền sử dụng dấu hợp quy theo biểu mẫu QT-BM13 trong các trường hợp sau:

- Khách hàng được cấp giấy CNHQ vi phạm các quy định của Pháp luật về chất lượng sản phẩm đối với sản phẩm đã được cấp giấy CNHQ.

- Giấy CNHQ đã được cấp không đảm bảo được điều kiện để duy trì hiệu lực.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Phối hợp nghiệp vụ CNHQ giữa các đơn vị

- Trong trường hợp cần thiết, Phòng Chứng nhận và các Chi nhánh có thể thực hiện việc phối hợp về nghiệp vụ CNHQ (VD: phối hợp đánh giá quá trình sản xuất/lô hàng/giám sát sau CNHQ, lấy mẫu, ...).

- Trường hợp cần phối hợp nghiệp vụ, đơn vị cần phối hợp dự thảo Phiếu trình Lãnh đạo Trung tâm phụ trách nêu rõ nội dung, kế hoạch và tên đơn vị đề xuất phối hợp.

Điều 19. Hoạt động giám sát nội bộ

- Trung tâm thực hiện hoạt động giám sát nội bộ theo định kỳ hàng năm để kiểm soát hoạt động CNHQ trong toàn Trung tâm. Dữ liệu về hồ sơ CNHQ đã tiếp nhận và Giấy CNHQ đã cấp được trích xuất trực tiếp từ phần mềm CNHQ.

- Phòng Chứng nhận chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch giám sát nội bộ trình Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt và phối hợp với Chi nhánh Miền Trung, Chi nhánh Miền Nam triển khai.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Điều khoản thi hành

- Phòng Hành Chính – Tổng hợp, Phòng Chứng nhận, Chi nhánh Miền Trung, Chi nhánh Miền Nam và các tổ chức, cá nhân đề nghị CNHQ chịu trách nhiệm thi hành quy định này.

- Trong quá trình thực hiện, nếu gặp phải vướng trong Quy trình nhưng chưa chắc chắn đã hiểu rõ, hiểu đúng hoặc vấn đề vướng mắc nằm ngoài Quy trình, các đơn vị gửi văn bản đến Phòng Chứng nhận để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Trung tâm hoặc phải trực tiếp trình kèm theo đề xuất về phương án giải quyết gửi đến Lãnh đạo Trung tâm để xin ý kiến chỉ đạo. Các đơn vị phải tuyệt đối tuân thủ theo chỉ đạo của Lãnh đạo Trung tâm và không tự ý giải quyết các vấn đề này.

GIÁM ĐỐC 



Hồ Đức Lượng

Mẫu số 1 (Tiếng Việt)

(Tên tổ chức, cá nhân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN HỢP QUY (1)

Kính gửi: Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp quy: ...

Địa chỉ: ...

Mã số doanh nghiệp/số định danh cá nhân (nếu có):

Tên người liên hệ: ... SĐT: ...

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị được báo phí và ghi hóa đơn: ... (2)

2. Sản phẩm đề nghị chứng nhận hợp quy:

a) Tên sản phẩm: (VD: Thiết bị đầu cuối thông tin di động E-UTRA FDD).

b) Ký hiệu: ...

c) Hãng sản xuất: ... (VD: Cisco Systems, Inc).

d) Nơi sản xuất: ... (3)

3. Phương thức chứng nhận hợp quy: (4)

4. Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: ... (5)

5. Tài liệu gửi kèm: ... (6)

Chúng tôi/Tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về chứng nhận hợp quy và các quy định về quản lý chất lượng sản phẩm.

Đại diện Tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Hướng dẫn cách ghi thông tin:

(1)	- Trường hợp đề nghị CNHQ mới: ghi “ ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN HỢP QUY ”; - Trường hợp đề nghị CNHQ bổ sung: ghi “ ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN HỢP QUY BỔ SUNG ”;
(2)	Chỉ ghi thông tin này nếu khác tên Tổ chức, cá nhân đề nghị CNHQ. Các thông tin cần ghi gồm: tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp, email của Tổ chức, cá nhân đề nghị được báo phí và ghi hóa đơn
(3)	- Đối với Phương thức 7: chỉ ghi xuất xứ của lô hàng; - Đối với Phương thức 1 và Phương thức 5: ghi rõ địa chỉ sản xuất. Trường hợp sản phẩm được gia công tại (các) cơ sở sản xuất khác: ghi rõ tên và địa chỉ tương ứng của (các) cơ sở sản xuất. Trường hợp đề nghị CNHQ bổ sung cơ sở sản xuất thì phải có ghi chú đối với cơ sở sản xuất đề nghị CNHQ bổ sung.
(4)	- Đối với Phương thức 1: ghi là “Phương thức 1”; - Đối với Phương thức 5: ghi là “Phương thức 5” và liệt kê thông tin về quy mô của cơ sở sản xuất. VD: Phương thức 5 (quy mô cơ sở sản xuất: 10 nhân sự hiệu dụng). - Đối với Phương thức 7: ghi là “Phương thức 7” kèm theo thông tin của lô hàng. VD: “Phương thức 7 (lô hàng gồm 100 chiếc, có ĐKCL số ... ngày ..., tờ khai thông quan số ... ngày ...). Trường hợp nhiều lô hàng thì liệt kê thông tin của từng lô hàng.
(5)	Ghi rõ tên QCVN. Trường hợp đề nghị CNHQ bổ sung QCVN hoặc bổ sung một phần QCVN phải có nội dung ghi chú phần nội dung đề nghị CNHQ bổ sung.
(6)	Liệt kê đầy đủ các tài liệu nộp kèm văn bản đề nghị CNHQ.

Template 1 (English)

(Name of Organization)

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Liberty - Happiness

Month date, Year

APPLICATION FOR TYPE APPROVAL CERTIFICATE

To: Telecom Metrology and Quality Center

1. Name of Applicant: ...

Address: ...

Contact: ... Cellphone No.: ...

Name of organization or individual get fee notification and invoice: ...

2. Product:

a) Name of product: ...

b) Model: ...

c) Name of manufacturer: ...

d) Place of manufacturing: ...

e) HS code: ...

3. Certification system: ...

4. Applied standard: ...

5. Attached documents: ...

We commit to fulfill Vietnam MST's regulation on conformity certification and product quality management.

On Behalf of (Name of Organization)

(sign and seal)



(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN)
BÁO CÁO HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC
(Hồ sơ CNHQ số ...)

1. Tổ chức, cá nhân: ...
2. Địa chỉ: ...
3. Ngày đánh giá: ...
4. Loại hình đánh giá: (ghi rõ đánh giá quá trình sản xuất/đánh giá quá trình sản xuất bổ sung/đánh giá giám sát lần .../đánh giá giám sát lần ... bổ sung).

I. NỘI DUNG KHÔNG PHÙ HỢP	
Loại lỗi	<i>(mức độ không phù hợp)</i>
Chuyên gia:	
II. NGUYÊN NHÂN	
III. HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC	
Ngày hoàn thành:	Đại diện Tổ chức, cá nhân:
IV. BẰNG CHỨNG KÈM THEO	
V. KIỂM TRA HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC	
<input type="checkbox"/> Chấp nhận	<input type="checkbox"/> Không chấp nhận
Nhận xét	
Ngày:	Chuyên gia:

ga

QT-BM01: MẪU PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

106./QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

CỤC VIỆN THÔNG

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG

Điện thoại: Fax:

PHIẾU NHẬN HỒ SƠ CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Số: .../CNHQ/TTĐLCL-...

- Đơn vị đề nghị CNHQ ...
Đơn vị nhận hóa đơn ...
Tên sản phẩm ...
Ký hiệu/Model ...
Nguồn gốc ...
Phương thức CNHQ ...
Doanh nghiệp có đề nghị Có Không
CNHQ trọn gói hay không?
Loại hình đề nghị CNHQ Chứng nhận mới Chứng nhận bổ sung
Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị chứng nhận hợp quy
 Giấy tờ về tư cách pháp nhân
 Tài liệu kỹ thuật
 Kết quả đo kiểm
 Quy trình sản xuất
 Quy trình bảo đảm chất lượng
 Chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng
 ...



Lưu ý

Yêu cầu trả kết quả

Địa điểm trả kết quả mong muốn

Miền Bắc Miền Nam Miền Trung

Hình thức trả kết quả

Trực tiếp
 Chuyển phát nhanh (bên nhận thanh toán chi phí vận chuyển)

Lưu ý:

- Đề nghị quý khách mang theo Phiếu nhận này khi đến liên hệ công tác.
- Quý khách hàng có thể quét mã QR gắn trên Phiếu tiếp nhận để theo dõi quá trình xử lý hồ sơ.

..., ngày tháng năm 20...

Người nộp hồ sơ

Người tiếp nhận

Handwritten signature

THỎA THUẬN CHỨNG NHẬN HỢP QUY

I. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp quy

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định về chứng nhận hợp quy (CNHQ) theo quy định của Pháp luật và các chương trình chứng nhận của Tổ chức chứng nhận (TCCN). Trình bày, dẫn giải và cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu về sản phẩm, hàng hóa theo yêu cầu của TCCN.
2. Trường hợp phải đánh giá quá trình sản xuất: Tạo điều kiện thuận lợi để TCCN làm việc trong thời gian đánh giá; Cung cấp đầy đủ các tài liệu cần thiết liên quan đến việc đánh giá; Cử cán bộ có thẩm quyền phối hợp làm việc với đoàn đánh giá trong thời gian đánh giá; Thông báo cho TCCN kịp thời nếu có bất kỳ sự thay đổi nào trong hồ sơ trước khi TCCN thực hiện việc đánh giá; Lo toàn bộ chi phí đi lại, ăn nghỉ của đoàn đánh giá; Tuân thủ các quy định về giám sát sau CNHQ theo thông báo của tổ chức chứng nhận (nếu có).
3. Thanh toán đầy đủ và kịp thời chi phí dịch vụ chứng nhận hợp quy theo Thông báo nộp tiền của TCCN.

II. Trách nhiệm của Tổ chức chứng nhận

1. TCCN thực hiện việc đánh giá, cấp giấy CNHQ cho sản phẩm, hàng hóa theo đề nghị của tổ chức, cá nhân.
2. TCCN cam kết không tiết lộ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác về thông tin đã thu nhận trong quá trình đánh giá, cấp chứng nhận.

III. Điều khoản chung

1. Thời điểm hồ sơ đầy đủ, hợp lệ là thời điểm TCCN nhận được đầy đủ tất cả các loại tài liệu hợp lệ theo quy định.
2. Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đến ngày giấy CNHQ hết hiệu lực (đối với trường hợp cấp giấy CNHQ) hoặc đến ngày TCCN phát hành công văn thông báo không cấp giấy CNHQ.

IV. Chi phí dịch vụ chứng nhận hợp quy

Chứng nhận hợp quy trọn gói: Áp dụng đối với những hồ sơ CNHQ có phát sinh việc đánh giá và/hoặc lấy mẫu tại hiện trường (gồm các hồ sơ đề nghị CNHQ theo Phương thức 5, 7 hoặc các Trường hợp 1, 2, 6 nêu tại Phụ lục 1 Hướng dẫn QT-HD02 đối với các hồ sơ đề nghị CNHQ theo Phương thức 1)

Chi phí dịch vụ chứng nhận hợp quy được công khai trên website của TTCN (Trung tâm Đo lường chất lượng viễn thông), đường link tra cứu thông tin: <https://tqc.gov.vn/dich-vu-ttdlclvt/chung-nhan-hop-quy/>

24

QT-BM02-01: MẪU GIẤY CNHQ PHƯƠNG THỨC 1
(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số
166/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Ministry of Science and Technology

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY
TYPE APPROVAL CERTIFICATE

Số:
No:

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỄN THÔNG
Telecom Metrology and Quality Center
CHỨNG NHẬN
It is to certify that

Sản phẩm :
Product
Ký hiệu : ... (1)
Model
Hãng, nơi sản xuất : ... (2)
Manufacturer, place of manufacturing
Đơn vị được cấp :
Certificate Holder
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn : ... (3)
Complies with

Giấy chứng nhận hợp quy này được cấp trên cơ sở Kết quả đo kiểm số: (4)

Phương thức chứng nhận: Phương thức 1 (5)

The Certificate is in reference to Test report No.: (4)

Certification system: System 1 (5)

Hiệu lực của Giấy chứng nhận: Từ ngày ... đến ... (6)

Validity of the certificate: From ... to ... (6)

Thông tin về hiệu lực của Giấy chứng nhận được cập nhật tại website: vnta.gov.vn.

Information about the validity of the certificate is updated on the website: vnta.gov.vn.

Xem (1), (2), (3), (4), (5), (6) tại Phụ lục kèm theo.

See (1), (2), (3), (4), (5), (6) in attached Appendix.

Nơi cấp :
Place of Issue
Ngày cấp :
Date of Issue

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ
Job Title



Trụ sở chính/Head Office

Chi nhánh Miền Trung/
Branch Office in Da Nang City

Chi nhánh Miền Nam/
Branch Office in Ho Chi Minh City

Tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Số 42, đường Trần Quốc Toản, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Số 60, đường Tân Canh, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Signature

PHỤ LỤC GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ ...

Appendix of the Certificate No. ...

Chú thích / Remarks	
(1)	
(2)	
(3)	
(4)	
(5)	Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, các thay đổi trên chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của cơ sở sản xuất phải được báo cáo tới Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông / <i>During the validity of the Certificate, changes on the manufacturer's quality management system certificate must be reported to the Telecom Metrology and Quality Center</i>
(6)	

ea

QT-BM02-02: MẪU GIẤY CNHQ PHƯƠNG THỨC 5
(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số
106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5. năm 2026)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Ministry of Science and Technology

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY
TYPE APPROVAL CERTIFICATE

Số:
No:

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỄN THÔNG
Telecom Metrology and Quality Center
CHỨNG NHẬN
It is to certify that

Sản phẩm :
Product
Ký hiệu : ... (1)
Model
Hãng, nơi sản xuất : ... (2)
Manufacturer, place
of manufacturing
Đơn vị được cấp :
Certificate Holder
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn : ... (3)
Complies with

Giấy chứng nhận hợp quy này được cấp trên cơ sở Kết quả đo kiểm số: (4)

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 (5)

The Certificate is in reference to Test report No.: (4)

Certification system: System 5 (5)

Hiệu lực của Giấy chứng nhận: Từ ngày ... đến ... và được giám sát không quá 12 tháng/lần.

Validity of the certificate: From...to...and monitoring assessment will be conducted not exceeding every 12 months

Thông tin về hiệu lực của Giấy chứng nhận được cập nhật tại website: vnta.gov.vn.

Information about the validity of the certificate is updated on the website: vnta.gov.vn.

Xem (1), (2), (3), (4), (5) tại Phụ lục kèm theo.

See (1), (2), (3), (4), (5) in attached Appendix.

Nơi cấp :
Place of Issue
Ngày cấp :
Date of Issue

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ
Job Title



Trụ sở chính/Head Office

Chi nhánh Miền Trung/
Branch Office in Da Nang City

Chi nhánh Miền Nam/
Branch Office in Ho Chi Minh City

Tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Số 42, đường Trần Quốc Toản, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Số 60, đường Tân Canh, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

PHỤ LỤC GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ ...

Appendix of the Certificate No. ...

Chú thích / Remarks	
(1)	
(2)	
(3)	
(4)	Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, các thay đổi trên chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của cơ sở sản xuất phải được báo cáo tới Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông / <i>During the validity of the Certificate, changes on the manufacturer's quality management system certificate must be reported to the Telecom Metrology and Quality Center</i>
(5)	

29

QT-BM02-03: MẪU GIẤY CNHQ PHƯƠNG THỨC 7
(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số
106./QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5. năm 2026)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Ministry of Science and Technology

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY
TYPE APPROVAL CERTIFICATE

Số:
No:

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỄN THÔNG
Telecom Metrology and Quality Center
CHỨNG NHẬN
It is to certify that

Sản phẩm :
Product
Ký hiệu : ... (1)
Model
Hãng, nơi sản xuất : ... (2)
Manufacturer, place
of manufacturing
Đơn vị được cấp :
Certificate Holder
Phù hợp quy chuẩn : ... (3)
kỹ thuật, tiêu chuẩn :
Complies with

Giấy chứng nhận hợp quy này được cấp trên cơ sở Kết quả đo kiểm số: ⁽⁴⁾
Phương thức chứng nhận: Phương thức 7 (theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012)
The Certificate is in reference to Test report No.: ⁽⁴⁾
Certification system: System 7 (according to Circular No. 28/2012/TT-BKHCHN dated Dec 12, 2012)
Hiệu lực của Giấy chứng nhận cho lô hàng số: ⁽⁵⁾
Validity of the certificate for lottery No.: ⁽⁵⁾
Thông tin về hiệu lực của Giấy chứng nhận được cập nhật tại website: vnta.gov.vn.
Information about the validity of the certificate is updated on the website: vnta.gov.vn.
Xem (1), (2), (3), (4), (5) tại Phụ lục kèm theo.
See (1), (2), (3), (4), (5) in attached Appendix.

Nơi cấp :
Place of Issue
Ngày cấp :
Date of Issue

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ
Job Title



Trụ sở chính/Head Office
Chi nhánh Miền Trung/
Branch Office in Da Nang City
Chi nhánh Miền Nam/
Branch Office in Ho Chi Minh City

Tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy,
thành phố Hà Nội
Số 42, đường Trần Quốc Toản, phường Hải Châu, thành phố
Đà Nẵng
Số 60, đường Tân Canh, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố
Hồ Chí Minh

PHỤ LỤC GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ ...

Appendix of the Certificate No. ...

Chú thích / Remarks	
(1)	
(2)	Thông tin về hãng sản xuất, nơi sản xuất do đơn vị được cấp giấy chứng nhận tự khai báo và chịu trách nhiệm. <i>The information about manufacturer and place of manufacturing based on the declaration and responsibility of the certificate holder.</i>
(3)	
(4)	
(5)	

PHỤ LỤC II GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ ...

Appendix II of the Certificate No. ...

DANH SÁCH SẢN PHẨM THUỘC LÔ HÀNG

List of products in the shipment

STT No	Ký hiệu Model	Serial Number
1
2
3
...

**QT-BM02-04: MẪU GIẤY CNHQ PHƯƠNG THỨC 1
(ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG HỢP KHÔNG BẮT BUỘC CNHQ)**

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số
106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Ministry of Science and Technology

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(CẤP THEO ĐỀ NGHỊ CỦA DOANH NGHIỆP)
CERTIFICATE OF CONFORMITY
(BASE ON APPLICATION OF CERTIFICATE HOLDER)**

Số:
No:

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỄN THÔNG
Telecom Metrology and Quality Center
CHỨNG NHẬN
It is to certify that

Sản phẩm :
Product
Ký hiệu : ... (1)
Model
Hãng, nơi sản xuất : ... (2)
Manufacturer, place of
manufacturing
Đơn vị được cấp :
Certificate Holder
Phù hợp quy chuẩn kỹ
thuật, tiêu chuẩn : ... (3)
Complies with

Giấy chứng nhận hợp quy này được cấp trên cơ sở Kết quả đo kiểm số: (4)

Phương thức chứng nhận: Phương thức 1 (5)

The Certificate is in reference to Test report No.: (4)

Certification system: System 1 (5)

Hiệu lực của Giấy chứng nhận: Từ ngày ... đến ... (6)

Validity of the certificate: From ... to ... (6)

Thông tin về hiệu lực của Giấy chứng nhận được cập nhật tại website: vnta.gov.vn.

Information about the validity of the certificate is updated on the website: vnta.gov.vn.

Xem (1), (2), (3), (4), (5), (6) tại Phụ lục kèm theo.

See (1), (2), (3), (4), (5), (6) in attached Appendix.

Nơi cấp :
Place of Issue
Ngày cấp :
Date of Issue

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ
Job Title



Trụ sở chính/Head Office

Chi nhánh Miền Trung/
Branch Office in Da Nang City

Chi nhánh Miền Nam/
Branch Office in Ho Chi Minh City

Tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy,
thành phố Hà Nội

Số 42, đường Trần Quốc Toản, phường Hải Châu, thành phố
Đà Nẵng

Số 60, đường Tân Canh, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố
Hồ Chí Minh

PHỤ LỤC GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ ...

Appendix of the Certificate No. ...

Chú thích / Remarks	
(1)	
(2)	
(3)	
(4)	
(5)	Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, các thay đổi trên chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của cơ sở sản xuất phải được báo cáo tới Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông / <i>During the validity of the Certificate, changes on the manufacturer's quality management system certificate must be reported to the Telecom Metrology and Quality Center</i>
(6)	

20

**QT-BM02-05: MẪU GIẤY CNHQ PHƯƠNG THỨC 5
(ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG HỢP KHÔNG BẮT BUỘC CNHQ)**

*(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số
1.06/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)*

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Ministry of Science and Technology

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(CẤP THEO ĐỀ NGHỊ CỦA DOANH NGHIỆP)
CERTIFICATE OF CONFORMITY
(BASE ON APPLICATION OF CERTIFICATE HOLDER)**

Số:
No:

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỄN THÔNG
Telecom Metrology and Quality Center
CHỨNG NHẬN
It is to certify that

Sản phẩm :
Product
Ký hiệu : ... (1)
Model
Hãng, nơi sản xuất : ... (2)
Manufacturer, place of manufacturing
Đơn vị được cấp :
Certificate Holder
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn : ... (3)
Complies with

Giấy chứng nhận hợp quy này được cấp trên cơ sở Kết quả đo kiểm số: (4)

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 (5)

The Certificate is in reference to Test report No.: (4)

Certification system: System 5 (5)

Hiệu lực của Giấy chứng nhận: Từ ngày ... đến ... và được giám sát không quá 12 tháng/lần.

Validity of the certificate: From...to...and monitoring assessment will be conducted not exceeding every 12 months

Thông tin về hiệu lực của Giấy chứng nhận được cập nhật tại website: vnta.gov.vn.

Information about the validity of the certificate is updated on the website: vnta.gov.vn.

Xem (1), (2), (3), (4), (5) tại Phụ lục kèm theo.

See (1), (2), (3), (4), (5) in attached Appendix.

Nơi cấp :
Place of Issue
Ngày cấp :
Date of Issue

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ
Job Title



Trụ sở chính/Head Office

Chi nhánh Miền Trung/
Branch Office in Da Nang City

Chi nhánh Miền Nam/
Branch Office in Ho Chi Minh City

Tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy,
thành phố Hà Nội

Số 42, đường Trần Quốc Toản, phường Hải Châu, thành phố
Đà Nẵng

Số 60, đường Tân Canh, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố
Hồ Chí Minh

PHỤ LỤC GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ ...

Appendix of the Certificate No. ...

Chú thích / Remarks	
(1)	
(2)	
(3)	
(4)	Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, các thay đổi trên chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của cơ sở sản xuất phải được báo cáo tới Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông / <i>During the validity of the Certificate, changes on the manufacturer's quality management system certificate must be reported to the Telecom Metrology and Quality Center</i>
(5)	

**QT-BM02-06: MẪU GIẤY CNHQ PHƯƠNG THỨC 7
(ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG HỢP KHÔNG BẮT BUỘC CNHQ)**

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Ministry of Science and Technology

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(CẤP THEO ĐỀ NGHỊ CỦA DOANH NGHIỆP)
CERTIFICATE OF CONFORMITY
(BASE ON APPLICATION OF CERTIFICATE HOLDER)**

Số:
No:

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỄN THÔNG
Telecom Metrology and Quality Center
CHỨNG NHẬN
It is to certify that

Sản phẩm :
Product
Ký hiệu : ... (1)
Model
Hãng, nơi sản xuất : ... (2)
Manufacturer, place of manufacturing
Đơn vị được cấp :
Certificate Holder
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn : ... (3)
Complies with

Giấy chứng nhận hợp quy này được cấp trên cơ sở Kết quả đo kiểm số: (4)

Phương thức chứng nhận: Phương thức 7 (5)

The Certificate is in reference to Test report No.: (4)

Certification system: System 7 (5)

Hiệu lực của Giấy chứng nhận cho lô hàng số: (6)

Validity of the certificate for lottery No.: (6)

Thông tin về hiệu lực của Giấy chứng nhận được cập nhật tại website: vnta.gov.vn.

Information about the validity of the certificate is updated on the website: vnta.gov.vn.

Xem (1), (2), (3), (4), (5), (6) tại Phụ lục kèm theo.

See (1), (2), (3), (4), (5), (6) in attached Appendix.

Nơi cấp :
Place of Issue
Ngày cấp :
Date of Issue

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ
Job Title



Trụ sở chính/Head Office

Chi nhánh Miền Trung/
Branch Office in Da Nang City

Chi nhánh Miền Nam/
Branch Office in Ho Chi Minh City

Tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Số 42, đường Trần Quốc Toản, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Số 60, đường Tân Canh, phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

PHỤ LỤC GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ ...

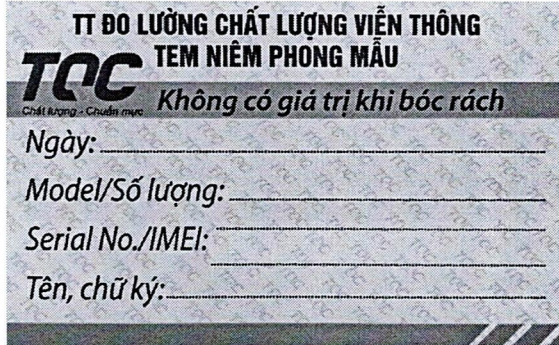
Appendix of the Certificate No. ...

Chú thích / Remarks	
(1)	
(2)	Thông tin về hãng sản xuất, nơi sản xuất do đơn vị được cấp giấy chứng nhận tự khai báo và chịu trách nhiệm. <i>The information about manufacturer and place of manufacturing based on the declaration and responsibility of the certificate holder.</i>
(3)	
(4)	
(5)	
(6)	

QT-BM03: MẪU TEM NIÊM PHONG

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số
106../QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5... năm 2026)

1. Hình dạng tem niêm phong



2. Cách sử dụng

- Tem niêm phong có thể phóng to, thu nhỏ nhưng phải đảm bảo hài hòa về hình thức và có thể ghi được đầy đủ, rõ ràng các thông tin cần thiết của sản phẩm mẫu được niêm phong.
- Dấu niêm phong hợp lệ phải được ghi đầy đủ thông tin, chữ ký hợp lệ.

20

**QT-BM04: MẪU CÔNG VĂN THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ CHỨNG NHẬN HỢP QUY**

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

106./QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5. năm 2026)

**CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTĐLCL-...
V/v thông báo kết quả đánh giá
hồ sơ CNHQ

..., ngày tháng năm 20...

Kính gửi: ...

Địa chỉ: ...

Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông (Trung tâm) cảm ơn Quý Công ty/Quý Đơn vị đã phối hợp trong suốt thời gian qua. Hiện nay, Trung tâm đang xử lý hồ sơ đề nghị chứng nhận hợp quy (CNHQ) số ... của Quý Công ty/Quý Đơn vị đối với sản phẩm có ký hiệu: ... (hồ sơ CNHQ theo phương thức 7). Sau khi tiến hành rà soát, đánh giá hồ sơ, Trung tâm kính đề nghị Quý Công ty/Quý Đơn vị phối hợp làm rõ nội dung như sau:

...

Trung tâm trân trọng thông báo và rất mong tiếp tục nhận được sự phối hợp của Quý Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu VT, Hồ sơ.

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ

QT-BM05: MẪU PHIẾU BÀN GIAO KẾT QUẢ CNHQ

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số
106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

**CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG**

**PHIẾU BÀN GIAO KẾT QUẢ CNHQ
GIỮA BỘ PHẬN MỘT CỬA VÀ CÁC CHI NHÁNH**

1. Ngày giao:

2. Nội dung bàn giao:

STT	Nội dung bàn giao	Số lượng	Ghi chú
1.	Giấy CNHQ		
2.	Thông báo phí		
3.		

3. Ngày nhận:

NGƯỜI GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý: Tại cột ghi chú, người giao phải ghi rõ thông tin về số lượng bàn giao. Ví dụ: đối với Giấy CNHQ, người giao phải ghi rõ số lượng bản gốc kèm số phôi GCN, số lượng bản chính; đối với Thông báo phí phải ghi rõ số của từng thông báo phí; ...

Handwritten signature

QT-BM06: MẪU PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐÁNH GIÁ VÀ LẤY MẪU (PT5, PT7)

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

CỤC VIỆN THÔNG

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG

PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐÁNH GIÁ VÀ LẤY MẪU

(Hồ sơ CNHQ số ...)

Tên tổ chức, cá nhân: ...

Địa chỉ văn phòng: ...

Địa chỉ đánh giá: ...

Thông tin sản phẩm:

STT	Tên sản phẩm	Ký hiệu
1.
2.
...

1. Nội dung:

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Đánh giá quá trình sản xuất | <input type="checkbox"/> Đánh giá quá trình sản xuất bổ sung |
| <input type="checkbox"/> Đánh giá giám sát lần ... | <input type="checkbox"/> Đánh giá giám sát lần ... bổ sung |
| <input type="checkbox"/> Đánh giá lô hàng | <input type="checkbox"/> Đánh giá lô hàng bổ sung |
| <input type="checkbox"/> Lấy mẫu | <input type="checkbox"/> Lấy mẫu bổ sung |

2. Đặc điểm quá trình sản xuất/lô hàng được đánh giá: ...

3. Thời gian: ...

4. Người thực hiện:

Ông/bà: ... - Chức vụ: ... - Vai trò: ...

Ông/bà: ... - Chức vụ: ... - Vai trò: ...

- Đề nghị hỗ trợ phương tiện công tác: ...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN

NGƯỜI ĐỀ XUẤT

Handwritten signature

**QT-BM07: MẪU BÁO CÁO NHỮNG PHÁT HIỆN TRONG ĐÁNH GIÁ
(PT5, PT7)**

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số
106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5. năm 2026)

CỤC VIỄN THÔNG

**TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỄN THÔNG
BÁO CÁO NHỮNG PHÁT HIỆN TRONG ĐÁNH GIÁ
(Hồ sơ CNHQ số ...)**

1. Tổ chức, cá nhân: ...
2. Thời gian đánh giá: ...
3. Danh sách đoàn đánh giá: ...
Trưởng đoàn: ...
Thành viên: ...
4. Loại hình đánh giá:
 - Đánh giá quá trình sản xuất
 - Đánh giá quá trình sản xuất bổ sung
 - Đánh giá giám sát lần ...
 - Đánh giá giám sát lần ... bổ sung
 - Đánh giá lô hàng
 - Đánh giá lô hàng bổ sung
5. Nội dung đánh giá:
 - 5.1. Những điểm phù hợp: ...
 - 5.2. Những điểm không phù hợp và nhận xét:

STT	Nội dung phát hiện	Mức độ không phù hợp	Yêu cầu khắc phục	Ghi chú
1.
2.
...

Ghi chú:

- Mức độ không phù hợp được phân định như sau:

1 - Không phù hợp mức độ nặng;

2 - Không phù hợp mức độ nhẹ;

0 - Điểm nhận xét.

- Trường hợp có điểm không phù hợp tổ chức, cá nhân gửi báo cáo hành động khắc phục tới Trung tâm trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày ... tháng ... năm ...

6. Kết luận: ...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

Mục	Yêu cầu	Đánh giá	Nhận xét
	lượng sản phẩm không? Có bằng chứng không?		
3.	Yêu cầu kiểm soát trang thiết bị sản xuất và trang thiết bị đo lường		
	- Có văn bản quy định việc kiểm soát không?		
	- Có thực hiện việc kiểm soát theo quy định không? Có bằng chứng không?		
4.	Yêu cầu kiểm soát trình độ tay nghề công nhân và cán bộ kỹ thuật		
	- Có văn bản quy định việc kiểm soát không?		
	- Có thực hiện việc kiểm soát theo quy định không? Có bằng chứng không?		

2. Những điểm không phù hợp và nhận xét

STT	Nội dung chưa phù hợp phát hiện được	Yêu cầu
1		
2		
3		
...		

..., ngày ... tháng ... năm 20...
CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ



QT- BM08: MẪU BIÊN BẢN GHI CHÉP CỦA CHUYÊN GIA (PT5)

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

Tên đơn vị được đánh giá: ... Địa chỉ văn phòng: ... Địa chỉ cơ sở sản xuất: ... Quy mô nhân sự: ...		
Chuyên gia đánh giá: ...		
Ngày đánh giá: ...		
Tên sản phẩm đề nghị CNHQ: ... Ký hiệu sản phẩm: ... Hồ sơ CNHQ số: ... Loại hình đánh giá: <input type="checkbox"/> Đánh giá quá trình sản xuất <input type="checkbox"/> Đánh giá giám sát lần ...	<input type="checkbox"/> Đánh giá quá trình sản xuất bổ sung <input type="checkbox"/> Đánh giá giám sát lần ... bổ sung	

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá quá trình sản xuất

Mục	Yêu cầu	Đánh giá	Nhận xét
1.	Yêu cầu đối với quy trình sản xuất		
	- Quy trình sản xuất có được xây dựng thành văn bản không? Văn bản có mô tả đầy đủ các công đoạn sản xuất không?		
	- Có áp dụng quy trình sản xuất theo quy định đã ban hành không? Có bằng chứng không?		
2.	Yêu cầu đối với quy trình đảm bảo chất lượng sản phẩm		
	- Quy trình đảm bảo chất lượng sản phẩm có được xây dựng thành văn bản không? Có mô tả đầy đủ các công đoạn kiểm soát chất lượng không?		
	- Có áp dụng quy trình đảm bảo chất		

**QT-BM09: MẪU KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ
(ÁP DỤNG CHO PHƯƠNG THỨC 5 VÀ PHƯƠNG THỨC 7)**

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

100./QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT
LƯỢNG VIỆN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ VÀ/HOẶC LẤY MẪU

Kính gửi: (tên tổ chức, cá nhân)

Địa chỉ:

Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông báo kế hoạch đánh giá phục vụ việc chứng nhận hợp quy cho (các) sản phẩm ký hiệu ... của Quý Đơn vị/Công ty (hồ sơ chứng nhận hợp quy số ... ngày ...) với các nội dung sau:

I. Sản phẩm:

STT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Nguồn gốc	Phương thức CNHQ	Quy chuẩn đề nghị CNHQ
1.

II. Địa điểm đánh giá: ...

III. Loại hình đánh giá và lấy mẫu:

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Đánh giá quá trình sản xuất | <input type="checkbox"/> Đánh giá quá trình sản xuất bổ sung |
| <input type="checkbox"/> Đánh giá giám sát lần ... | <input type="checkbox"/> Đánh giá giám sát lần ... bổ sung |
| <input type="checkbox"/> Đánh giá lô hàng | <input type="checkbox"/> Đánh giá lô hàng bổ sung |
| <input type="checkbox"/> Lấy mẫu | <input type="checkbox"/> Lấy mẫu bổ sung |

III. Đoàn đánh giá:

STT	Tên đánh giá	Phạm vi	Vai trò trong đoàn
1.	Ông/Bà
2.	Ông/Bà
3.

IV. Chương trình đánh giá và/hoặc lấy mẫu (bổ sung) chi tiết:

Thời gian	Nội dung	Địa điểm	Chuyên gia đánh giá	Ghi chú
.....

Handwritten signature

.....
-------	-------	-------	-------	-------

Ghi chú:

- Chương trình đánh giá và hoặc lấy mẫu (bổ sung) có thể thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế.

Chúng tôi thông báo để Quý Đơn vị/Công ty được biết, chuẩn bị và cho ý kiến chính thức bằng văn bản trong trường hợp không nhất trí với kế hoạch trên gửi về Trung tâm trước ngày

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu ...

..., ngày ... tháng ... năm 20...
CHỨC DANH NGƯỜI KÝ
(KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU)

QT-BM10: MẪU BIÊN BẢN LẤY MẪU SẢN PHẨM (PT5, PT7)

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số
106./QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

CỤC VIỆN THÔNG

**TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG
BIÊN BẢN LẤY MẪU SẢN PHẨM**

(Hồ sơ CNHQ số ...)

I. Thành phần làm việc:

- Đại diện Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông:
 - Ông/Bà: ... Chức vụ: ...
- Đại diện (Tên tổ chức, cá nhân):
 - Ông/Bà: ... Chức vụ: ...

II. Thời gian, địa điểm:

- Thời gian: ...
- Tại: ...

III. Nội dung lấy mẫu:

- Đoàn đánh giá tiến hành lấy ... mẫu/chủng loại sản phẩm, tổng cộng ... mẫu theo nguyên tắc lấy mẫu ngẫu nhiên.
- Sản phẩm mẫu được dán tem niêm phong ngày .../.../20... và có thông tin như sau:

STT	Ký hiệu	Số S/N (hoặc IMEI)
1.
...

IV. Lưu ý đo kiểm:

- (Các) sản phẩm mẫu nêu trên sẽ được Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông thay mặt Công ty ... gửi đến ... (Tên phòng đo kiểm) do Công ty ... chỉ định để tiến hành việc đo kiểm theo QCVN ...
- Trong quá trình đo kiểm, đề nghị Công ty ... phối hợp, hỗ trợ cung cấp các điều kiện kỹ thuật cần thiết để đảm bảo hoàn thành việc đo kiểm.

Đại diện Tổ chức, cá nhân

..., ngày tháng năm 20...
Đại diện Đoàn đánh giá

Handwritten signature

QT-BM11: MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số
10.6/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5. năm 2026)

CỤC VIỆN THÔNG

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG

Tổ chức, Cá nhân:
Số Công văn đến:
Nhận hồ sơ từ:
Tên sản phẩm:
Ký hiệu:
Hãng sản xuất:
Mã nhóm SP:
Nguồn gốc:

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Hồ sơ:
2. Kết quả đo kiểm:
3. Nhận xét khác:
4. Kết luận:
- Thời hạn:
- Số TB nộp tiền:
- Số GCN/CV:

		..., ngày ... tháng ... năm 20...
NGƯỜI THẨM ĐỊNH BƯỚC 1	NGƯỜI THẨM ĐỊNH BƯỚC 2	CHUYÊN VIÊN ĐÁNH GIÁ
Nguyễn Văn A	Nguyễn Văn B	Nguyễn Văn C

Nội dung xử lý	Ngày xử lý	Người Xử Lý	Ghi chú
1. Mô tả việc tiếp nhận, phân công hồ sơ:
2. Đánh giá tính thống nhất trong hồ sơ
3. Đánh giá việc áp dụng phương thức CNHQ:
4. Đánh giá việc áp dụng QCVN
5. Đánh giá việc đo kiểm:
6. Đánh giá sự phù hợp:
...
...



**QT-BM12: MẪU PHIẾU ĐỀ XUẤT CÔNG BỐ THÔNG TIN GIẤY
CNHQ HẾT HIỆU LỰC LÊN WEBSITE (PT5)**

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số
106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

**TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIÊN THÔNG
(ĐƠN VỊ)**

PHIẾU ĐỀ XUẤT

CÔNG BỐ THÔNG TIN GIẤY CNHQ HẾT HIỆU LỰC LÊN WEBSITE

Tên đơn vị chịu giám sát: ...

Địa chỉ: ...

Thông tin sản phẩm được giám sát: ... (Tên sản phẩm/ký hiệu model)

Số giấy CNHQ đã cấp: ...

Đề xuất: Công bố thông tin giấy CNHQ số ... hết hiệu lực từ ngày ... lên website
www.vnta.gov.vn.

Lý do đề xuất: ...

..., ngày ... tháng ... năm 2022

NGƯỜI ĐỀ XUẤT

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM

26

QT-BM13: MẪU QUYẾT ĐỊNH THU HỒI GIẤY CNHQ VÀ QUYỀN SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

10.6/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

**CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG**

Số: /QĐ-TTĐLCL-...

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Thu hồi Giấy chứng nhận hợp quy và quyền sử dụng dấu hợp quy

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 1445/QĐ-BTTTT ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông thuộc Cục Viễn thông;

Xét Báo cáo ... ngày ... của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận hợp quy số (số Giấy chứng nhận) cấp ngày ... cho (tên tổ chức, cá nhân).

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận nêu trên về Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày ký quyết định này.

2. Không sử dụng bản sao Giấy chứng nhận nêu trên dưới mọi hình thức.

3. Không được phép sử dụng dấu hợp quy cho sản phẩm có thông tin sau:

- Sản phẩm:

- Ký hiệu:

- Hãng, nơi sản xuất:

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 20...

Điều 4. ... và (tên tổ chức, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu VT, hồ sơ;

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ

QT-BM14: MẪU THÔNG BÁO CẤP MÃ QUẢN LÝ DẤU HỢP QUY

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

106./QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5. năm 2026)

CỤC VIỄN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTĐLCL-CN

..., ngày tháng năm 20...

THÔNG BÁO CẤP MÃ QUẢN LÝ DẤU HỢP QUY

Kính gửi: ...

Địa chỉ: ...

Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông cấp mã quản lý dấu hợp quy theo đề nghị tại văn bản số ... ngày ... của Quý Đơn vị như sau:

- Cấp mã quản lý dấu hợp quy: ...

- Quý Đơn vị được phép sử dụng mã quản lý nêu trên cho sản phẩm đã được Trung tâm cấp Giấy chứng nhận hợp quy trong thời hạn của Giấy chứng nhận.

- Quý Đơn vị có trách nhiệm đảm bảo chất lượng sản phẩm theo đúng quy chuẩn kỹ thuật áp dụng chứng nhận và các quy định về chứng nhận và công bố hợp quy của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNMT, CNMN;
- Lưu: VT, CN.

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ

QT-BM15: BIỂU MẪU NHẬP DỮ LIỆU XỬ LÝ HỒ SƠ CHỨNG NHẬN HỢP QUY

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

Số hồ sơ	Ngày tiếp nhận	Người tiếp nhận	Đơn vị đề nghị CNHQ (Tiếng Việt)	Đơn vị đề nghị CNHQ (Tiếng Anh)	Mã số DN	Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Email nhận hóa đơn
1	2	3	4	5	6	7	8

Tên đơn vị báo phí	Mã số DN báo phí	Địa chỉ ĐKKD đơn vị báo phí	Người liên hệ	Số điện thoại	Người xử lý	Người thẩm định	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)
9	10	11	12	13	14	15	16

Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Ký hiệu	Thông tin bổ sung	Mã HS	Hãng sản xuất (Tiếng Việt)	Hãng sản xuất (Tiếng Anh)	Nhà máy sản xuất	Địa chỉ nơi sản xuất
17	18	19	20	21	22	23	24

Phương thức chứng nhận	Số GCN ISO (PT1)	Ngày cấp ISO (PT1)	Ngày hết hạn ISO (PT1)	Tổ chức cấp ISO (PT1)	Số Đăng ký KTCL (PT7)	Ngày xác nhận đăng ký KTCL (PT7)	Số tờ khai hải quan (PT7)
25	26	27	28	29	30	31	32

Ngày tờ khai hải quan (PT7)	Số lượng SP của lô hàng (PT7)	Ghi chú thông tin lô hàng (PT7)	Mã nhóm sản phẩm (PPP)	Mã nguồn gốc (TL)	Nguồn gốc (Nhập khẩu/SXTN)	Nguồn gốc SP mẫu	Số kết quả đo kiểm
33	34	35	36	37	38	39	40

Ngày cấp kết quả đo	Tên đơn vị đo kiểm (Tiếng Việt)	Tên đơn vị đo kiểm (Tiếng Anh)	Serial mẫu sản phẩm đo kiểm	Số GCN	Số Thông báo nộp tiền	Ngày cấp GCN	Ngày hết hạn GCN
41	42	43	44	45	46	47	48

Quy chuẩn kỹ thuật	Ghi chú QCVN	Số Serial phối GCN	Ngày ấn thông tin	Ghi chú về hiệu lực GCN	GCN thay thế	Loại chứng chỉ
49	50	51	52	53	54	55

STT	Tên cột	Nội dung	Hướng dẫn nhập dữ liệu
1	Số hồ sơ	NNNN/YYYY/BP	Định dạng: Text NNNN: số hồ sơ YYYY: năm tiếp nhận BP: MB (nếu HS nộp tại HN); MT (nếu HS nộp tại ĐN); MN (nếu HS nộp tại TP. HCM)
2	Ngày tiếp nhận	Ngày tiếp nhận hồ sơ	Định dạng dd-mmm-yyyy Ví dụ: 11-Feb-2025
3	Người tiếp nhận	Người tiếp nhận hồ sơ	Định dạng Text
4	Đơn vị đề nghị CNHQ (Tiếng Việt)	Tên đơn vị đề nghị CNHQ bằng tiếng Việt	- Viết chữ in Hoa, định dạng Text - Trường hợp đơn vị đề nghị CNHQ là đơn vị trong nước thì ghi tên Tiếng Việt theo đăng ký kinh doanh - Trường hợp đơn vị đề nghị CNHQ là đơn vị nước ngoài thì ghi tên Tiếng Anh của đơn vị đó
5	Đơn vị đề nghị CNHQ (Tiếng Anh)	Tên đơn vị đề nghị CNHQ bằng tiếng Anh	- Viết hoa chữ cái đầu mỗi từ, định dạng Text - Trường hợp đơn vị đề nghị CNHQ là đơn vị trong nước thì ghi tên Tiếng Anh theo đăng ký kinh doanh, nếu không có tên Tiếng Anh thì để trống - Trường hợp đơn vị đề nghị CNHQ là đơn vị nước ngoài thì để trống
6	Mã số DN	Mã số doanh nghiệp của đơn vị đề nghị CNHQ	Định dạng Text Trường hợp đơn vị đề nghị CNHQ là đơn vị nước ngoài thì để trống
7	Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Địa chỉ đăng ký kinh doanh của đơn vị nộp hồ sơ	Định dạng Text
8	Email nhận hóa đơn	Email nhận hóa đơn điện tử	Định dạng Text
9	Tên đơn vị báo phí	Tên đơn vị báo phí CNHQ	Định dạng Text
10	Mã số DN đơn vị báo phí	Mã số doanh nghiệp của đơn vị báo phí CNHQ	Định dạng Text
11	Địa chỉ ĐKKD đơn vị báo phí	Địa chỉ đăng ký kinh doanh của đơn vị báo phí	Định dạng Text Ghi theo địa chỉ trên ĐKKD
12	Người liên hệ	Tên người liên hệ	Định dạng Text
13	Số điện thoại	Số điện thoại người liên hệ	Định dạng Text
14	Người xử lý	Tên người xử lý	Viết hoa chữ cái đầu mỗi từ, định dạng Text
15	Người thẩm định	Tên người xử lý	Viết hoa chữ cái đầu mỗi từ, định dạng Text
16	Tên sản phẩm (Tiếng Việt)	Tên sản phẩm chứng nhận hợp quy bằng tiếng Việt	Viết chữ in Hoa, định dạng Text
17	Tên sản phẩm (Tiếng Anh)	Tên sản phẩm chứng nhận hợp quy bằng tiếng Anh	Viết hoa chữ cái đầu mỗi từ. Định dạng Text
18	Ký hiệu	Ký hiệu của sản phẩm	Định dạng Text
19	Thông tin bổ sung	Ghi các thông tin khác để bổ sung cho sản phẩm được chứng nhận. Ví dụ: Bảng tần được chứng nhận, Module được chứng nhận,...	- Định dạng Text - Viết đầy đủ giống như trên GCN. Ví dụ: Tần số được chứng nhận / <i>Certified frequency</i> : 640-664,75 MHz; 665-689,75 MHz Module được chứng nhận / <i>Certified Module</i> : AX211NGW (WLAN)
20	Mã HS	Mã số HS (HS code) của sản phẩm đề nghị CNHQ	Định dạng Text
21	Hãng sản xuất (Tiếng Việt)	Tên hãng sản xuất bằng tiếng Việt	- Viết chữ in hoa, định dạng Text - Trường hợp hãng sản xuất là đơn vị trong nước thì ghi tên Tiếng Việt theo đăng ký kinh doanh - Trường hợp đơn vị đề nghị CNHQ là đơn vị nước ngoài thì ghi tên Tiếng Anh của đơn vị đó
22	Hãng sản xuất (Tiếng Anh)	Tên hãng sản xuất bằng tiếng Anh	- Viết hoa chữ cái đầu mỗi từ, định dạng Text - Trường hợp hãng sản xuất là đơn vị trong nước thì ghi tên Tiếng Anh theo đăng ký kinh doanh, nếu không có tên Tiếng Anh thì để trống - Trường hợp hãng sản xuất là đơn vị nước ngoài thì để trống
23	Nhà máy sản xuất	Thông tin về nhà máy sản xuất	- Định dạng Text - Trường hợp thuê gia công: Điền tên nhà máy sản xuất theo tên trên ISO. Nếu có nhiều nhà máy thì ghi lần lượt từng nhà máy cách nhau bởi ký tự " # " " - Trường hợp hãng trực tiếp sản xuất thì để trống - Trường hợp hãng trực tiếp sản xuất hoặc chứng nhận theo PT7 thì để trống
24	Địa chỉ nơi sản xuất	Thông tin địa chỉ nơi sản xuất	- Định dạng Text - Trường hợp CNHQ theo PT1 (hãng thuê gia công) thì ghi địa chỉ nhà máy theo ISO; Trường hợp CNHQ theo PT5 thì ghi địa chỉ nhà máy theo địa chỉ đã được đánh giá. Nếu có nhiều nhà máy thì ghi tuần tự địa chỉ từng nhà máy, cách nhau bởi ký tự " # " tương ứng với thứ tự tên nhà máy ở cột "Nhà máy sản xuất" - Nếu hãng trực tiếp sản xuất thì ghi theo địa chỉ nơi sản xuất của hãng trên chứng chỉ ISO - Chỉ ghi nước sản xuất trong trường hợp CNHQ theo PT7
25	Phương thức chứng nhận	Phương thức chứng nhận hợp quy	Định dạng Text Chỉ ghi số 1, 5 hoặc 7 tương ứng với phương thức 1, 5 hoặc 7
26	Số GCN ISO (PT1)	Ghi số GCN ISO 9001 (hoặc tương đương)	Định dạng Text Nếu có nhiều GCN ISO thì ghi tuần tự từng số GCN ISO, cách nhau bởi ký tự " # " tương ứng với thứ tự tên nhà máy ở cột "Nhà máy sản xuất", chỉ ghi đối với CNHQ theo PT1
27	Ngày cấp ISO (PT1)	Ngày cấp GCN ISO 9001 (hoặc tương đương)	Định dạng cell: Text Định dạng ngày: dd-mmm-yyyy Chỉ ghi đối với CNHQ theo PT1. Nếu có nhiều ISO thì ghi tuần tự từng ngày cấp ISO, cách nhau bởi ký tự " # " tương ứng với thứ tự tên nhà máy ở cột "Nhà máy sản xuất", chỉ ghi đối với CNHQ theo PT1
28	Ngày hết hạn ISO (PT1)	Ngày hết hạn GCN ISO 9001 (hoặc tương đương).	Định dạng cell: Text Định dạng ngày: dd-mmm-yyyy Nếu có nhiều ISO thì ghi tuần tự từng ngày hết hạn, cách nhau bởi ký tự " # " tương ứng với thứ tự tên nhà máy ở cột "Nhà máy sản xuất", chỉ ghi đối với CNHQ theo PT1
29	Tổ chức cấp ISO (PT1)	Tên tổ chức cấp ISO	Định dạng Text Chỉ ghi đối với CNHQ theo PT1
30	Số Đăng ký KTCL (PT7)	Số đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu	Định dạng Text Chỉ ghi đối với CNHQ theo PT7
31	Ngày xác nhận đăng ký KTCL (PT7)	Ngày ký xác nhận đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu	Định dạng dd-mmm-yyyy Chỉ ghi đối với CNHQ theo PT7
32	Số tờ khai hải quan (PT7)	Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan), chỉ ghi đối với CNHQ theo PT7	Định dạng Text

33	Ngày tờ khai hải quan (PT7)	Ngày tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan), chỉ ghi đối với CNHQ theo PT7	Định dạng dd-mmm-yyyy	
34	Số lượng SP của lô hàng (PT7)	Số lượng sản phẩm của lô hàng CNHQ, chỉ ghi đối với CNHQ theo PT7	Định dạng Text	
35	Ghi chú thông tin lô hàng (PT7)	Ghi các thông tin khác liên quan đến lô hàng CNHQ, định dạng Text, chỉ ghi đối với CNHQ theo PT7	Định dạng Text. Ví dụ: Danh sách serial number	
36	Mã nhóm sản phẩm (PPP)	Mã nhóm sản phẩm	Định dạng Text	
37	Mã nguồn gốc (TL)	Mã nguồn gốc của sản phẩm	Định dạng Text	
38	Nguồn gốc (Nhập khẩu/SXTN)	Nguồn gốc sản phẩm đề nghị CNHQ: ghi "Nhập khẩu" hoặc "Sản xuất trong nước"	Định dạng Text	
39	Nguồn gốc SP mẫu	Nguồn gốc sản phẩm mẫu đã đo kiểm. Ví dụ: Lấy mẫu từ lô hàng nhập khẩu; Hãng gửi mẫu và có văn bản xác nhận mẫu; Hãng lấy mẫu đo kiểm;...	Định dạng Text	
40	Số kết quả đo kiểm	Số của kết quả đo kiểm. Nếu có nhiều kết quả đo thì ghi lần lượt từng số kết quả đo cách nhau bởi ký tự " # " "	Định dạng Text	
41	Ngày cấp kết quả đo	Ngày cấp kết quả đo	Định dạng dd-mmm-yyyy Nếu có nhiều kết quả đo thì ghi lần lượt từng ngày cấp kết quả đo cách nhau bởi ký tự " # " " tương ứng với kết quả đo ở cột "Số kết quả đo"	
42	Tên đơn vị đo kiểm (Tiếng Việt)	Tên đơn vị đo kiểm bằng tiếng Việt	Định dạng Text. Nếu có nhiều kết quả đo thì ghi lần lượt từng đơn vị đo kiểm cách nhau bởi ký tự " # " " tương ứng với kết quả đo ở cột "Số kết quả đo"	
43	Tên đơn vị đo kiểm (Tiếng Anh)	Tên đơn vị đo kiểm bằng tiếng Anh	Định dạng Text. Nếu có nhiều kết quả đo thì ghi lần lượt từng đơn vị đo kiểm cách nhau bởi ký tự " # " " tương ứng với kết quả đo ở cột "Số kết quả đo"	
44	Serial mẫu sản phẩm đo kiểm	Số serial hoặc Imei của mẫu đo	Định dạng Text. Nếu có nhiều mẫu đo thì ghi lần lượt từng số serial hoặc imei của mẫu đo cách nhau bởi ký tự " # " " tương ứng với kết quả đo ở cột "Số kết quả đo"	
45	Số GCN	Số GCN, Ghi đầy đủ số GCN gồm các ký tự "INNNDDMMYYSPPTL" theo quy định tại QT-QĐ01 Quy trình CNHQ	Định dạng Text.	
46	Số Thông báo nộp tiền	Số thông báo nộp tiền, ghi đầy đủ số thông báo "NNNN/YYYY/BP-Bộ phận"	Định dạng Text NNNN: Số thông báo YYYY: Năm báo phí Bộ phận: PCN (nếu PCN xử lý), MT (nếu CNMT xử lý), MN (nếu CNMN xử lý)	
47	Ngày cấp GCN	Ngày cấp GCN	Định dạng dd-mmm-yyyy	
48	Ngày hết hạn GCN	Ngày hết hạn GCN	Định dạng dd-mmm-yyyy	
49	Quy chuẩn kỹ thuật	QCVN được chứng nhận	Định dạng Text Ghi các QCVN được chứng nhận theo thứ tự số hiệu từ bé đến lớn, ngăn cách nhau bởi dấu phẩy. Ví dụ: QCVN 54:2020/BTTTT, QCVN 65:2021/BTTTT, QCVN 117:2023/BTTTT	
50	Ghi chú QCVN	Ghi chú các nội dung ngưng hoặc không/chưa áp dụng liên quan đến các QCVN đã được đánh giá cấp giấy CNHQ	Định dạng Text. Ví dụ: - QCVN 54:2020/BTTTT: Áp dụng mục 2.3 Phụ lục I Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29/03/2024 - QCVN 65:2021/BTTTT: Áp dụng mục 2.4 Phụ lục I Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29/03/2024	
51	Số Serial phôi GCN	Số serial của phôi giấy chứng nhận đã cấp	Định dạng Text	
52	Ngày ấn thông tin	Ngày cuối cùng sẽ ấn thông tin Giấy CNHQ kể từ ngày cấp khi tra cứu Giấy CNHQ, sau ngày này thì thông tin Giấy CNHQ sẽ được công khai khi tra cứu	Định dạng dd-mmm-yyyy Nếu để trống được hiểu là không ấn thông tin GCN khi tra cứu	
53	Ghi chú về hiệu lực GCN	Ghi chú về hiệu lực của GCN, ví dụ cho trường hợp cấp Giấy CNHQ bổ sung, thay thế giấy chứng nhận đã cấp,...	Định dạng Text	
54	GCN thay thế	Ghi số GCN bị thay thế trong trường hợp cấp Giấy CNHQ bổ sung	Định dạng Text	
55	Loại chứng chỉ	Ghi tên của chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (chỉ áp dụng với PT1)	Định dạng Text Ví dụ: ISO 9001:2015; IATF 16949:2016; ...	

QT-BM16: MẪU HỢP ĐỒNG CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số 106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026
của Giám đốc Trung tâm ĐLCLVT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Số: .../.../HCN-(Tên đơn vị thực hiện)

- Căn cứ vào Bộ Luật dân sự năm 2015 của nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào Luật Thương mại năm 2005 của nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Căn cứ Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông;
- Căn cứ Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2018 và Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 05 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông;
- Căn cứ Quyết định số 2246/QĐ-BKHHCN ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông trực thuộc Cục Viễn thông;
- Căn cứ vào Quyết định số .../QĐ-TTĐLCL ngày .../.../... của Giám đốc Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông ban hành “Quy trình chứng nhận hợp quy”;
- Căn cứ văn bản đề nghị chứng nhận hợp quy số ... ngày ... của

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2025

Chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty ...

Địa chỉ: ...

Điện thoại: ...

Email: ...

Tài khoản số: ...

Tại: Ngân hàng ...

Mã số thuế :

Người đại diện: Ông/Bà ...

Chức vụ: ...

Bên B: Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông

Địa chỉ: Tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: ...

Tài khoản: 0300 1010 222 685

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng hải (MSB) - Chi nhánh Hà Nội

Mã số thuế: 0109532637

Người đại diện: Ông

Chức vụ: ...

(Theo giấy uỷ quyền số .../QĐ-TTĐLCL ngày ... tháng ... năm 2025)

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung công việc và thời gian thực hiện

1.1. Nội dung công việc

Bên B thực hiện việc đánh giá, cấp cho Bên A Giấy chứng nhận đối với (các) sản phẩm sau đây:

STT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Hãng sản xuất	Quy chuẩn đánh giá	Phương thức chứng nhận	Ghi chú
1.
2.
3.

2.2. Thời gian thực hiện

- Thời gian thực hiện đánh giá, cấp Giấy chứng nhận hợp quy: ... ngày làm việc, kể từ ngày Bên A cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu và điều kiện cần thiết theo yêu cầu của Bên B.
- Trường hợp có lý do khách quan (thiên tai, dịch bệnh, thay đổi quy định pháp luật, gián đoạn sản xuất, điều kiện kỹ thuật không bảo đảm, ...) ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, hai bên phải trao đổi, thống nhất bằng văn bản để điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng cho phù hợp.

Điều 2. Trách nhiệm của Bên A

- Cung cấp đầy đủ tài liệu hồ sơ theo quy định của phương thức chứng nhận và chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính hợp pháp của các tài liệu do mình cung cấp.

- Tuân thủ các quy định của bên B về quy trình chứng nhận và duy trì hiệu lực của giấy chứng nhận.
- Cung cấp các thông tin cần thiết, tạo điều kiện để Bên B tiến hành đánh giá chứng nhận.
- Thông báo cho Bên B về những thay đổi có thể ảnh hưởng tới phạm vi được chứng nhận.
- Không được phép chuyển nhượng hoặc đưa ra quảng cáo hay công bố sử dụng giấy chứng nhận và dấu phù hợp theo cách gây hiểu nhầm.
- Sử dụng giấy chứng nhận và dấu phù hợp đúng quy định của cơ quan quản lý và quy định quản lý giấy chứng nhận, dấu phù hợp của Bên B.
- Khi bị đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực của giấy chứng nhận vì lý do ngừng sản xuất hoặc không thể khắc phục được các phát hiện không phù hợp phát sinh trong quá trình đánh giá của Bên B thì Bên A sẽ không được tiếp tục sử dụng giấy chứng nhận và dấu phù hợp đối với các sản phẩm trong phạm vi được chứng nhận bởi Bên B.
- Thanh toán đầy đủ chi phí theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.
- Trường hợp yêu cầu chứng nhận hợp quy có phát sinh quá trình đánh giá và/hoặc lấy mẫu tại hiện trường, bên A phải:
 - + Tạo điều kiện cho bên B làm việc tại đơn vị mình trong thời gian đánh giá;
 - + Cử cán bộ có thẩm quyền làm việc với đoàn đánh giá và tuân thủ các yêu cầu của đoàn đánh giá trong thời gian đánh giá;
 - + Thông báo cho bên B kịp thời nếu như có bất kỳ sự thay đổi nào trong hồ sơ đề nghị chứng nhận của mình trước khi việc đánh giá diễn ra.

Điều 3: Trách nhiệm của Bên B

- Sau khi hoàn tất việc đánh giá và xác nhận các hành động khắc phục (nếu có), Bên B sẽ cấp Giấy chứng nhận hợp quy cho Bên A khi Bên B nhận được thanh toán lần 02.
- Bên B cam kết bảo mật mọi thông tin, đảm bảo tính minh bạch, công bằng khách quan trong quá trình đánh giá cho Bên A, không cung cấp thông tin về chứng nhận cho bên thứ ba nào biết nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, ngoại trừ các quy định khác của pháp luật.
- Trường hợp yêu cầu chứng nhận hợp quy của Bên A có phát sinh quá trình đánh giá và/hoặc lấy mẫu tại hiện trường: phải gửi Thông báo chương trình, kế hoạch đánh giá cho bên A trước khi thực hiện đánh giá;

Điều 4: Giá trị của hợp đồng và hình thức thanh toán

4.1. Giá trị hợp đồng: ... VNĐ

(Số tiền viết bằng chữ: ...)

Bao gồm:

STT	Loại Phí	Đơn giá (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
1.
2.
3.
4.
5.
Tổng:				...
Thuế GTGT (VAT 10%)				...
Tổng cộng				...

4.2. Thanh toán

- Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Thời hạn thanh toán: Thanh toán làm hai (02) đợt:
 - + Đợt 1: Ngay sau khi ký hợp đồng: (gồm các chi phí từ mục ... tới mục ...).
 - + Đợt 2: Sau khi kết thúc công việc: (gồm các chi phí từ mục ... tới mục ...) và được Bên B sẽ có thông báo bằng văn bản.

4.3. Chi phí phát sinh: Trong quá trình đánh giá chứng nhận nếu có chi phí phát sinh thì hai bên thỏa thuận và ký Phụ lục hợp đồng.

Điều 5: Giải quyết tranh chấp

- Hợp đồng được chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp sau:
 - Hai bên cùng thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.
 - Bên A không tuân thủ các quy định về chứng nhận, không thực hiện các hành động khắc phục do Đoàn đánh giá đưa ra, không thanh toán đầy đủ các chi phí chứng nhận theo Điều 4 của hợp đồng. Bên B sẽ tiến hành huỷ bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đã cấp cho bên A theo quy định.
- Mọi tranh chấp trước hết sẽ được giải quyết bằng thương lượng. Trong mọi trường hợp không thể thương lượng thì tranh chấp sẽ được một cơ quan có thẩm quyền do hai bên lựa chọn giải quyết.

Điều 6: Sửa đổi và giá trị

- Mọi sửa đổi trong hợp đồng chỉ có giá trị khi hai bên cùng thống nhất bằng văn bản.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ được tự động thanh lý sau khi giấy chứng nhận được cấp cho bên A trong phạm vi hợp đồng này hết hiệu lực.
- Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản tiếng Việt có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

**QT-BM17: MẪU PHIẾU XEM XÉT KHẢ NĂNG THỰC HIỆN
HỢP ĐỒNG CHỨNG NHẬN HỢP QUY**

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số
106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

**CỤC VIỄN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỄN THÔNG**

**PHIẾU XEM XÉT KHẢ NĂNG THỰC HIỆN
HỢP ĐỒNG CHỨNG NHẬN HỢP QUY**

1. Thông tin chung

Số hồ sơ	:	... ngày ...
Tên tổ chức, cá nhân	:	...
Địa chỉ trụ sở chính	:	...
Người liên hệ trực tiếp	:	...
Tên sản phẩm đề nghị CNHQ	:	...
Nguồn gốc	:	<input type="checkbox"/> Nhập khẩu <input type="checkbox"/> Sản xuất trong nước
Ký hiệu	:	...
Phương thức CNHQ	:	<input type="checkbox"/> Phương thức 1 <input type="checkbox"/> Phương thức 5 <input type="checkbox"/> Phương thức 7
Hãng sản xuất	:	...
Địa chỉ cơ sở sản xuất	:	...
Quy chuẩn kỹ thuật đề nghị CNHQ	:	...
Hồ sơ có yêu cầu phải đánh giá và/hoặc lấy mẫu tại hiện trường?	:	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có. Địa điểm thực hiện việc đánh giá và/hoặc lấy mẫu: ...
Khách hàng đề nghị CNHQ trọn gói	:	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có

2. Xem xét về nhân lực

2.1. Nguồn nhân lực hiện có

Chuyên gia đánh giá	:	<input type="checkbox"/> Đáp ứng được <input type="checkbox"/> Không đáp ứng được
Chuyên gia kỹ thuật	:	<input type="checkbox"/> Đáp ứng được <input type="checkbox"/> Không đáp ứng được

2.2. Đề xuất

Thuê chuyên gia đánh giá ngoài	:	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có
Thuê chuyên gia kỹ thuật ngoài	:	<input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có
Thời điểm dự kiến thực hiện đánh giá và/hoặc lấy mẫu	:	...

3. Xem xét về chi phí chứng nhận

Handwritten signature

STT	Loại Phí	Đơn giá (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
1.
2.
3.
4.
5.
6.
7.
8.
...
Tổng:				...
Thuê GTGT (VAT 10%)				...
Tổng cộng tiền thanh toán				...
Số tiền bằng chữ: ...				

Ghi chú: ...

4. Đề xuất:

- Có khả năng thực hiện Hợp đồng chứng nhận
- Không Có khả năng thực hiện Hợp đồng chứng nhận
- Đề xuất khác (nếu có): ...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN

NGƯỜI LẬP PHIẾU

QT-BM19: MẪU QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

**CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTĐLCL

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CỬ VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI CÔNG TÁC

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 2246/QĐ-BKHCN ngày 18/08/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông trực thuộc Cục Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 198/QĐ-TTĐLCL ngày 30/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ;

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-TTĐLCL ngày 29/8/2025 của Giám đốc Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế chi tiêu nội bộ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử các ông có tên sau đây đi công tác tại ... ngày ... gồm:

- Ông/Bà ..., Chuyên viên, Phòng ..., Trưởng đoàn;
- Ông/Bà ..., Chuyên viên, Phòng ..., Thành viên/Lái xe.

Điều 2. Các ông có tên tại Điều 1 được phép sử dụng phương tiện đi lại bằng ô tô. Chi phí đi lại và công tác phí phục vụ công tác được Trung tâm chi trả theo quy định.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Kế toán trưởng Trung tâm và các ông có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PCT ... (để b/c);
- Các nhân sự có tên tại Điều 1 (để t/h);
- Lưu: VT, HCTH.

**ĐẠI DIỆN
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG**

Handwritten signature

QT-HD01: HƯỚNG DẪN TIẾP NHẬN HỒ SƠ CHỨNG NHẬN HỢP QUY

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số 106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

Chỉ tiếp nhận hồ sơ CNHQ có đầy đủ các thành phần sau đây:

STT	Tên và mô tả loại tài liệu	Phương thức 1	Phương thức 5	Phương thức 7
1.	Văn bản đề nghị CNHQ	X	X	X
2.	Giấy giới thiệu người nộp hồ sơ	X	X	X
3.	Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân: - Trường hợp là cơ quan, tổ chức: là bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định hoặc giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận hoặc giấy phép đầu tư; - Trường hợp là cá nhân: là bản sao Chứng minh nhân dân/Căn cước/Hộ chiếu.	X	X	X
4.	Tài liệu kỹ thuật: - Thể hiện bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; - Có đầy đủ các thông tin mô tả về sản phẩm bao gồm: ký hiệu, đặc tính kỹ thuật, ảnh chụp bên ngoài, hãng sản xuất.	X	X	X
5.	Chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015 (hoặc tương đương) còn hiệu lực, có phạm vi phù hợp của cơ sở sản xuất.	X		
6.	Tài liệu và bằng chứng về quá trình sản xuất, tạo sản phẩm đề nghị CNHQ (chỉ áp dụng đối với sản phẩm được sản xuất trong nước).	X		
7.	Quy trình sản xuất, quy trình đảm bảo chất lượng sản phẩm và các tài liệu quy định về việc kiểm soát trang thiết bị sản xuất và đo lường, kiểm soát trình độ		X	

STT	Tên và mô tả loại tài liệu	Phương thức 1	Phương thức 5	Phương thức 7
	tay nghề công nhân và cán bộ kỹ thuật			
8.	Tài liệu về lô hàng: tối thiểu phải gồm danh sách số serial (hoặc tương đương) các sản phẩm thuộc lô hàng, bản sao phiếu đăng ký kiểm tra chất lượng (KTCL), tờ khai thông quan hàng hoá.			X
9.	Kết quả đo kiểm kèm theo bản mô tả và bằng chứng về nguồn gốc của sản phẩm mẫu tại kết quả đo kiểm	X		

Lưu ý: Đối với hồ sơ Phương thức 7, chỉ tiếp nhận những hồ sơ đã thống nhất về thông tin giữa văn bản đề nghị CNHQ với tài liệu về lô hàng. Trường hợp chưa thống nhất thì trước khi tiếp nhận phải báo cáo và được sự đồng ý của Lãnh đạo Trung tâm có thẩm quyền.

QT-HD02: HƯỚNG DẪN CNHQ THEO PHƯƠNG THỨC 1

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

1. Điều kiện cấp Giấy CNHQ theo Phương thức 1

Yêu cầu: chứng chỉ chứng nhận HT QLCL (ISO 9001 hoặc tương đương) của cơ sở sản xuất sản phẩm đề nghị CNHQ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Được thể hiện bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh, nếu được thể hiện bằng ngôn ngữ khác thì phải có bản dịch thuật công chứng sang tiếng Việt hoặc tiếng Anh nộp kèm theo hồ sơ;
- Có giá trị liên tục trong suốt quá trình lấy mẫu, đo kiểm, nộp hồ sơ CNHQ, xử lý hồ sơ CNHQ và cấp giấy CNHQ.
- Có phạm vi phù hợp với lĩnh vực sản xuất chủng loại sản phẩm đề nghị CNHQ.

2. Trình tự đánh giá

a. Đối với Trường hợp 3, 4, 5 nêu tại Phụ lục 1

- Bước 1: Đánh giá sự phù hợp của chứng chỉ ISO 9001:2015;
- Bước 2: Đánh giá sự phù hợp của bằng chứng HSX thuê gia công (chỉ thực hiện đối với Trường hợp 4 và Trường hợp 5);
- Bước 3: Đánh giá sự phù hợp của kết quả đo kiểm;
- Bước 4: Kết luận sự phù hợp:
 - + Nếu KQĐK cho thấy sản phẩm mẫu hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của QCVN thì NXL đề xuất cấp giấy CNHQ;
 - + Nếu KQĐK cho thấy sản phẩm mẫu không hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của QCVN thì NXL đề xuất không cấp giấy CNHQ và dự thảo công văn thông báo (biểu mẫu QT-BM04, ghi rõ lý do không cấp).

b. Đối với Trường hợp 1, 2 nêu tại Phụ lục 1

- Bước 1: Đánh giá sự phù hợp của kết quả đo kiểm;
- Bước 2: Đánh giá tại cơ sở sản xuất.
- Bước 3: Kết luận sự phù hợp:
 - + Nếu KQĐK cho thấy sản phẩm mẫu hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của QCVN thì NXL đề xuất cấp giấy CNHQ;
 - + Nếu KQĐK cho thấy sản phẩm mẫu không hoàn toàn phù hợp với yêu

cầu của QCVN thì NXL đề xuất không cấp giấy CNHQ và dự thảo công văn thông báo (biểu mẫu QT-BM04, ghi rõ lý do không cấp).

3. Yêu cầu đối với kết quả đo kiểm

- Kết quả đo kiểm phải được thực hiện đối với sản phẩm mẫu đã được Trung tâm Đo lường kiểm soát và niêm phong (việc kiểm soát mẫu đo và quá trình đo kiểm được thực hiện theo QT-HD11). Các trường hợp khác phải có Phiếu trình và được sự cho phép, chấp thuận của Lãnh đạo Trung tâm.

- Kết quả đo kiểm (KQĐK) phải được cấp bởi phòng đo kiểm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT và nằm trong danh sách được Trung tâm phê duyệt về năng lực đo kiểm.

- Đối với KQĐK cấp bởi phòng đo kiểm MRA: KQĐK phải được cấp theo QCVN hoặc tiêu chuẩn nêu tại Quyết định thừa nhận trừ những trường hợp được Bộ KH-CN hướng dẫn cụ thể bằng văn bản. KQĐK phải được xác minh với phòng đo MRA về nguồn gốc (Phòng Chứng nhận là đầu mối thực hiện việc xác minh).

- Việc sử dụng KQĐK cấp cho HSX nước ngoài:

+ HSX và cơ quan đại diện của HSX tại Việt Nam được sử dụng KQĐK.

+ Tổ chức, cá nhân trong nước có thể được sử dụng lại KQĐK nếu HSX trực tiếp cho phép bằng văn bản (văn bản phải được gửi trực tiếp đến Trung tâm; phải nêu rõ được thông tin của KQĐK và thông tin của tổ chức, cá nhân được sử dụng; phải được xác minh nguồn gốc thông qua cơ quan đại diện của HSX tại Việt Nam (nếu có) hoặc phải được hợp thức hóa lãnh sự).

- Yêu cầu đối với sản phẩm mẫu tại KQĐK của tổ chức, cá nhân là đơn vị nhập khẩu:

+ Trường hợp sản phẩm mẫu do tổ chức, cá nhân tự nhập khẩu: hồ sơ phải có bằng chứng về việc nhập khẩu. Sản phẩm mẫu phải có tem nhãn phù hợp theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021.

+ Trường hợp sản phẩm mẫu do HSX nước ngoài cung cấp: hồ sơ phải có bằng chứng về việc HSX đã cung cấp sản phẩm mẫu (bằng chứng phải làm rõ các thông tin của sản phẩm mẫu, thông tin của tổ chức, cá nhân và phải được xác minh tính hợp lệ).

+ Các thông tin của sản phẩm mẫu phải được cập nhật vào file theo dõi đặt tại server chung của Trung tâm. Mẫu file theo dõi theo biểu mẫu tại Phụ lục 7.

4. Hướng dẫn việc đánh giá tại cơ sở sản xuất

Trong 06 trường hợp đủ điều kiện để cấp giấy CNHQ theo phương thức 1 nêu tại Phụ lục 1, các trường hợp sau đây phải thực hiện đánh giá tại cơ sở sản xuất gồm:

- Trường hợp HSX trong nước có chứng chỉ chứng nhận HT QLCL (Trường hợp 1): việc đánh giá nhằm đảm bảo việc sản xuất sản phẩm đề nghị CNHQ được HSX thực hiện tại đúng dây chuyền có chứng chỉ chứng nhận HT QLCL.

- Trường hợp HSX trong nước (Trường hợp 2) hoặc nước ngoài (Trường hợp 6) thuê gia công tại nhà máy có chứng chỉ chứng nhận HT QLCL: việc đánh giá nhằm đảm bảo việc sản xuất sản phẩm đề nghị CNHQ được HSX thực hiện tại đúng nhà máy gia công đã khai báo và tại đúng dây chuyền có chứng chỉ chứng nhận HT QLCL.

Trong các trường hợp nêu trên, HSX và nhà máy gia công đều đã có chứng chỉ chứng nhận HT QLCL nên không cần phải đánh giá quá trình sản xuất đầy đủ như đối với Phương thức 5. Do đó, chỉ cần thực hiện việc đánh giá theo các trình tự sau:

- Bước 1: Lập Kế hoạch đánh giá theo mẫu tại Phụ lục 5 và Phiếu đề xuất đánh giá theo mẫu tại Phụ lục 2. Kế hoạch đánh giá phải được thông báo cho khách hàng trước thời điểm đánh giá (trường hợp cần Quyết định cử đoàn đánh giá thì thực hiện theo Biểu mẫu QT-BM19).

- Bước 2: Đánh giá tại hiện trường để xem xét việc sản xuất trong thực tế. Các bằng chứng cần thu thập gồm:

+ Chứng chỉ chứng nhận HT QLCL của dây chuyền sản xuất (để đối chiếu với chứng chỉ nộp kèm theo hồ sơ);

+ Các bằng chứng về hồ sơ đã lưu trữ trong quá trình sản xuất (VD: Đơn đặt hàng; Lệnh/kế hoạch sản xuất; hồ sơ nhập nguyên vật liệu; Tài liệu, hướng dẫn sản xuất; Các bản ghi chép về nhật ký sản xuất; Kết quả kiểm tra nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm; Biên bản nhập kho thành phẩm; ...).

+ Các bằng chứng thực tế: Trường hợp đang sản xuất thì đoàn đánh giá có thể chụp ảnh/quay video quá trình sản xuất thực tế. Trường hợp đang tạm dừng hoặc đã kết thúc việc sản xuất thì đoàn đánh giá quan sát, chụp ảnh/quay video dây chuyền sản xuất (máy móc; trang thiết bị sản xuất, đo lường; nhà kho; ...).

- Bước 3: Lập biên bản đánh giá theo mẫu tại Phụ lục 3. Các chuyên gia đánh giá lập biên bản ghi chép theo mẫu tại Phụ lục 8.

5. Hướng dẫn cách ghi thông tin trên Giấy CNHQ

- Giấy CNHQ cấp theo Phương thức 1 áp dụng theo mẫu giấy CNHQ tại biểu mẫu QT-BM02-01. Cách ghi một số thông tin trên giấy CNHQ xem tại Phụ lục 4.

- Lưu ý: chỉ giấy CNHQ cấp cho HSX mới thể hiện được thông tin của nhiều NSX/nhà máy gia công. Giấy CNHQ cấp cho tổ chức, cá nhân không phải HSX thì chỉ thể hiện thông tin của một NSX/nhà máy gia công.

6. Cấp giấy CNHQ bổ sung (chỉ áp dụng với phương thức 1)

a. Nguyên tắc áp dụng

- Chỉ áp dụng cho đối với Giấy CNHQ cấp theo Phương thức 1 còn hiệu lực và được doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy CNHQ bổ sung cho các trường hợp sau:

+ Trường hợp 1: Đề nghị CNHQ bổ sung QCVN mới để thay thế QCVN đã hết hiệu lực hoặc bổ sung thêm QCVN mới được quy định bắt buộc áp dụng. Lưu ý: Ngoài QCVN đề nghị CNHQ bổ sung, các QCVN khác trên Giấy CNHQ phải phù hợp hoàn toàn với các quy định đo kiểm của Bộ Khoa học và Công nghệ tại thời điểm đề nghị CNHQ bổ sung.

+ Trường hợp 2: Đề nghị CNHQ bổ sung điều kiện khắc nghiệt hoặc điều kiện, yêu cầu kỹ thuật trên QCVN đã được loại trừ trước đó.

+ Trường hợp 3: Đề nghị bổ sung thêm cơ sở sản xuất: chỉ áp dụng với các Giấy CNHQ cấp cho Hãng sản xuất.

b. Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị CNHQ (khuyến khích doanh nghiệp áp dụng Mẫu số 01, ghi rõ nội dung đề nghị CNHQ bổ sung);

- Tài liệu kỹ thuật;

- Bản sao giấy CNHQ cần bổ sung;

- Chứng chỉ chứng nhận HT QLCL của (các) cơ sở sản xuất;

- KQĐK đối với QCVN đề nghị CNHQ bổ sung (đối với Trường hợp 1) hoặc KQĐK đối với phần điều kiện/yêu cầu kỹ thuật cần CNHQ bổ sung.

- Bản sao KQĐK đối với QCVN còn hiệu lực trên giấy CNHQ cũ.

c. Hao phí CNHQ bổ sung

Hao phí CNHQ bổ sung sẽ được giảm trừ so với CNHQ lần đầu, cụ thể:

- Đối với Trường hợp 1: thu phí cấp giấy CNHQ và phí đánh giá sự phù hợp của QCVN mới. Nếu chúng chỉ chứng nhận HT QLCL của (các) cơ sở sản

xuất có thay đổi so với khi cấp Giấy CNHQ lần đầu thì thu thêm phí đánh giá phương thức tương ứng với số tài liệu phương thức có sự thay đổi.

- Đối với Trường hợp 2: chỉ thu phí cấp giấy CNHQ. Nếu chứng chỉ chứng nhận HT QLCL của (các) cơ sở sản xuất có thay đổi so với khi cấp Giấy CNHQ lần đầu thì thu thêm phí đánh giá phương thức tương ứng với số tài liệu phương thức có sự thay đổi.

- Đối với Trường hợp 3: chỉ thu phí cấp giấy CNHQ và phí đánh giá phương thức. Nếu chứng chỉ chứng nhận HT QLCL của (các) cơ sở sản xuất trên Giấy CNHQ cũ có thay đổi so với khi cấp Giấy CNHQ lần đầu thì thu thêm phí đánh giá phương thức tương ứng với số tài liệu phương thức có sự thay đổi.

d. Thông tin thể hiện trên giấy CNHQ bổ sung

- Mẫu giấy CNHQ: áp dụng theo biểu mẫu QT-BM02-01 (ghi thông tin giấy CNHQ theo Phụ lục 4).

- Đối với Trường hợp 1, trên giấy CNHQ phải có thông tin về số hiệu của QCVN bổ sung và QCVN vẫn còn hiệu lực trên giấy CNHQ cũ (kèm theo thông tin của KQĐK mới và KQĐK cũ tương ứng với QCVN vẫn còn hiệu lực).

- Hiệu lực của giấy CNHQ bổ sung là từ ngày cấp đến ngày hết hạn của giấy CNHQ cũ.

- Sau khi cấp giấy CNHQ bổ sung thì phải công bố trạng thái hết hiệu lực của giấy CNHQ cũ.

7. Lưu ý khi cấp giấy CNHQ

Khi cấp giấy CNHQ đối với trường hợp chứng chỉ chứng nhận HT QLCL còn hiệu lực dưới 45 ngày kể từ ngày cấp giấy CNHQ thì NXL dự thảo văn bản thông báo với khách hàng về việc duy trì hiệu lực của chứng chỉ chứng nhận HT QLCL theo mẫu tại Phụ lục 6.

8. Thời gian giải quyết hồ sơ CNHQ

- Trường hợp không phải đánh giá cơ sở sản xuất:

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian giải quyết	Ghi chú
1.	Kiểm tra tính thống nhất của hồ sơ	- Trường hợp bình thường: không quá 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu xử lý hồ sơ. - Trường hợp kéo dài: không quá 05 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Tổng thời gian giải quyết kéo dài không quá 45 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp khách hàng có văn bản
2.	Xem xét việc áp dụng phương thức CNHQ		
3.	Xem xét đặc tính kỹ thuật của sản phẩm		
4.	Đánh giá sự phù hợp		
5.	Thẩm định hồ sơ		

		NXL gửi thẩm định hồ sơ.	đề nghị gia hạn thì
6.	Phê duyệt hồ sơ	Không quá 01 ngày kể từ khi NXL gửi thẩm định hồ sơ.	NXL báo cáo, xin ý kiến Lãnh đạo xem xét đề xuất này.

- Trường hợp phải đánh giá cơ sở sản xuất:

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian giải quyết	Ghi chú
1.	Kiểm tra tính thống nhất của hồ sơ	Không quá 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu xử lý.	Tổng thời gian giải quyết kéo dài không quá 60 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp khách hàng có văn bản đề nghị gia hạn thì NXL báo cáo, xin ý kiến Lãnh đạo xem xét đề xuất này.
2.	Xem xét việc áp dụng phương thức CNHQ		
3.	Xem xét đặc tính kỹ thuật của sản phẩm		
4.	Đánh giá sự phù hợp	<p>- Trường hợp bình thường:</p> <p>+ Việc đánh giá cơ sở sản xuất: phải thực hiện trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ được tiếp nhận.</p> <p>+ Việc đánh giá sự phù hợp: phải thực hiện trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi đánh giá cơ sở sản xuất.</p> <p>- Trường hợp kéo dài:</p> <p>+ Việc đánh giá cơ sở sản xuất: phải thực hiện trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ đáp ứng yêu cầu tại các Điều 10.1, 10.2, 10.3.</p> <p>+ Việc đánh giá sự phù hợp: phải thực hiện trong 05 ngày làm việc kể từ khi đánh giá cơ sở sản xuất.</p>	
5.	Thẩm định hồ sơ	Không quá 01 ngày kể từ khi NXL gửi thẩm định hồ sơ.	
6.	Phê duyệt hồ sơ	Không quá 01 ngày kể từ khi NXL gửi thẩm định hồ sơ.	

Giải thích:

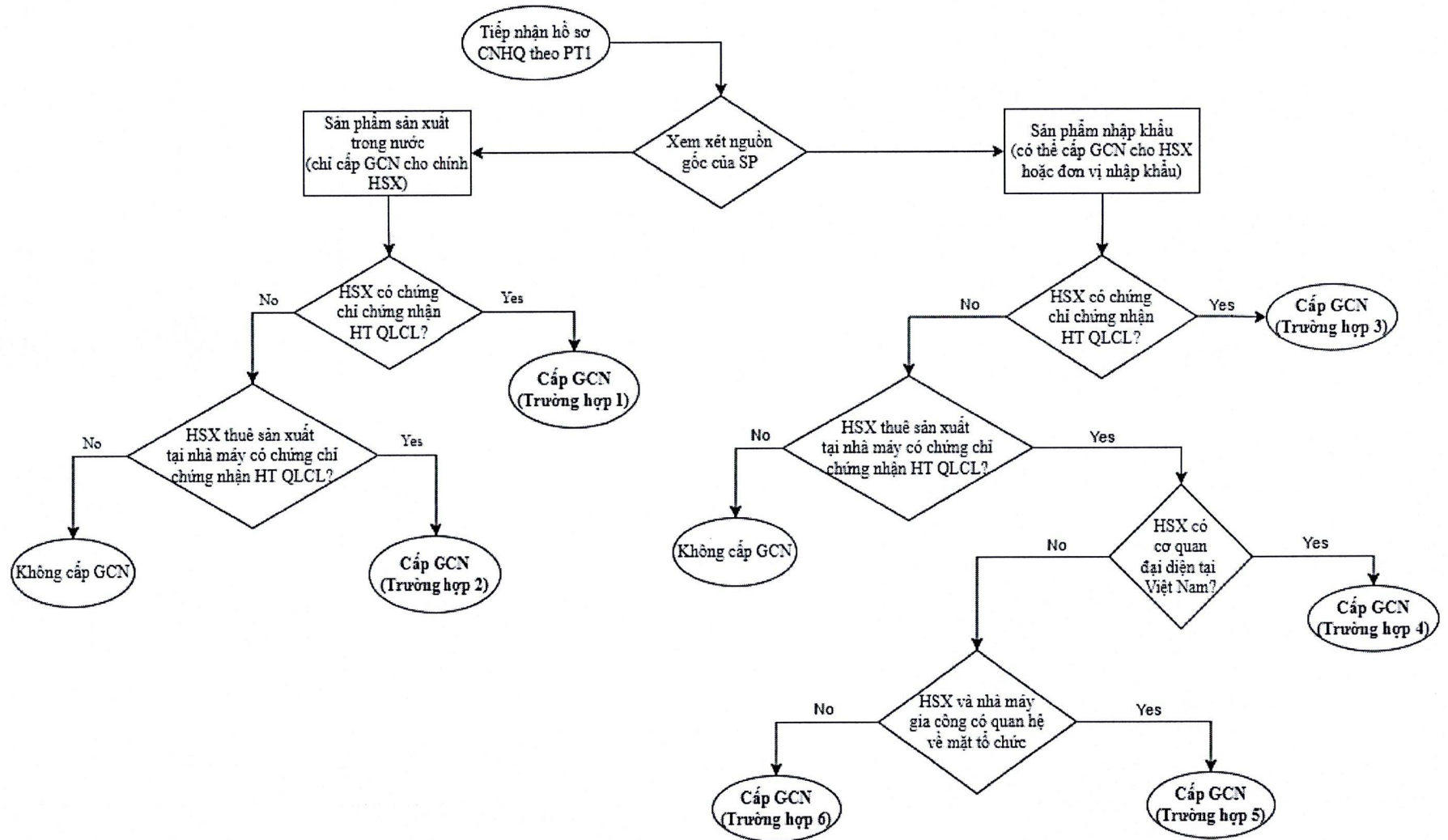
- Trường hợp bình thường: là khi hồ sơ CNHQ đã đầy đủ, hợp lệ ngay từ lúc được tiếp nhận.

- Trường hợp kéo dài: là trường hợp hồ sơ CNHQ chưa đầy đủ, hợp lệ và Trung tâm phải có văn bản thông báo để khách hàng bổ sung.

- Thời điểm bắt đầu xử lý hồ sơ: là ngay sau khi khách hàng nộp tiền Đợt 1.

PHỤ LỤC 1: CÁC TRƯỜNG HỢP CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY THEO PHƯƠNG THỨC 1

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD02)



Mô tả việc áp dụng:

Trường hợp cấp GCN	Chỉ cấp GCN cho HSX	Có thể cấp GCN cho HSX hoặc đơn vị nhập khẩu	Chỉ cấp GCN cho đơn vị nhập khẩu	Lưu ý khi áp dụng
Trường hợp 1	X			<ul style="list-style-type: none"> - Phải thực hiện việc đánh giá tại cơ sở sản xuất của HSX. - Sau 03 lần đánh giá tại cơ sở sản xuất, trường hợp HSX có văn bản đề nghị giảm trừ việc đánh giá cơ sở sản xuất thì có thể xem xét nếu HSX đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Có năng lực tự sản xuất khép kín đối với công đoạn sản xuất mạch điện tử. + Có hệ thống máy móc, nhà xưởng, nhân sự phù hợp với quy mô sản xuất công nghiệp. + Có hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu về sản xuất hoàn thiện, cung cấp được đầy đủ các bằng chứng về quá trình sản xuất ngay tại thời điểm đánh giá. <p>Thời gian giảm trừ: tối đa 12 tháng kể từ lần đánh giá gần nhất.</p>
Trường hợp 2	X			<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ phải có bằng chứng về việc HSX thuê gia công; - Phải thực hiện việc đánh giá việc sản xuất tại nhà máy gia công.
Trường hợp 3		X		Chỉ cấp GCN cho HSX nước ngoài nếu HSX có cơ quan đại diện diện hợp pháp tại Việt Nam để xác thực các tài liệu có trong hồ sơ.
Trường hợp 4		X		<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ phải có bằng chứng về việc HSX thuê gia công và thông tin của nhà máy gia công (bằng chứng này phải được xác thực thông qua cơ quan đại diện của HSX tại Việt Nam). - Đối với trường hợp cấp GCN cho đơn vị nhập khẩu, trong trường hợp cơ quan đại diện của HSX tại Việt Nam không phối hợp xác thực bằng chứng của HSX về việc thuê gia công và thông tin của nhà máy gia công nhưng hồ sơ có bằng chứng về mối quan hệ về tổ chức giữa HSX và nhà máy gia công thì xem xét áp dụng Trường hợp 5.

10

Trường hợp 5			X	<ul style="list-style-type: none">- Hồ sơ phải có bằng chứng về việc HSX thuê gia công và bằng chứng về mối quan hệ về tổ chức giữa HSX với nhà máy gia công (các bằng chứng phải được trao đổi, xác minh về nguồn gốc với HSX).
Trường hợp 6			X	<ul style="list-style-type: none">- Hồ sơ phải có bằng chứng về việc HSX thuê gia công (bằng chứng phải được trao đổi, xác minh về nguồn gốc với HSX);- Phải thực hiện việc đánh giá việc sản xuất tại nhà máy gia công.

**PHỤ LỤC 2: MẪU PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐÁNH GIÁ NHÀ MÁY GIA CÔNG
(PHƯƠNG THỨC 1)**

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD02)

CỤC VIỄN THÔNG

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỄN THÔNG

PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐÁNH GIÁ TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT

(Hồ sơ CNHQ số ...)

Tên đơn tổ chức, cá nhân: ...

Địa chỉ văn phòng: ...

Địa chỉ đánh giá: ...

Thông tin sản phẩm:

STT	Tên sản phẩm	Ký hiệu
1.
2.
...

1. Nội dung: Đánh giá việc sản xuất trong thực tế của sản phẩm ký hiệu ... tại ... (tên HSX hoặc nhà máy gia công), địa chỉ tại ... căn cứ theo hồ sơ CNHQ số .../202x/CNHQ-TTĐLCL ngày ... của ...

2. Phương pháp đánh giá: Đánh giá tại hiện trường.

3. Thời gian: ...

4. Người thực hiện:

Ông/bà: ... - Chức vụ: ... - Vai trò: ...

Ông/bà: ... - Chức vụ: ... - Vai trò: ...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN

NGƯỜI ĐỀ XUẤT

**PHỤ LỤC 3: MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VIỆC SẢN XUẤT TẠI
NHÀ MÁY GIA CÔNG**

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD02)

CỤC VIỆN THÔNG

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT

(Hồ sơ CNHQ số ...)

1. Tên tổ chức, cá nhân: ...
2. Thời gian đánh giá: ...
3. Danh sách đoàn đánh giá:
Trưởng đoàn: ...
Thành viên: ...
4. Loại hình đánh giá: Đánh giá việc sản xuất tại cơ sở sản xuất.
5. Đại diện các đơn vị tham gia đánh giá
 - 5.1. Đại diện đơn vị đề nghị CNHQ: Ông/Bà ... (Họ tên/Bộ phận/email)
 - 5.2. Đại diện Hãng sản xuất: Ông/Bà ... (Họ tên/Bộ phận/email)
 - 5.3. Đại diện Nhà máy gia công: Ông/Bà ... (Họ tên/Bộ phận/email)
6. Nội dung đánh giá
 - 6.1. Những điểm phù hợp: ...
 - 6.2. Những điểm không phù hợp và nhận xét: ...
7. Kết luận: ...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

PHỤ LỤC 4: CÁCH GHI MỘT SỐ THÔNG TIN TRÊN GIẤY CNHQ

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD02)

STT	Mô tả trường hợp	Mặt trước của GCN	Phụ lục của GCN	
I	Cách ghi thông tin “Ký hiệu/Model” và chú thích “(1)” Chỉ sử dụng ghi chú nếu cần làm rõ một số thông tin về ký hiệu sản phẩm (VD: loại module gắn kèm, tần số hoạt động, ...)			
1	Trường hợp chỉ có 01 nội dung cần ghi chú	Ghi thông tin về ký hiệu sản phẩm	Ví dụ về cách ghi: “Module được chứng nhận/ <i>Certified Module</i> : AX211NGW (WLAN); FM350-GL-16 (WWAN); ...”. (Dấu “;” dùng để ngăn cách)	
2	Trường hợp chỉ có 01 nội dung cần ghi chú		Ví dụ về cách ghi: - Module được chứng nhận/ <i>Certified Module</i> : AX211NGW (WLAN); FM350-GL-16 (WWAN); ... - Tần số được chứng nhận/ <i>Certified frequency</i> : 433,92 MHz; 920-923 MHz; ... (Dấu “;” dùng để ngăn cách)	
II	Cách ghi thông tin “Hãng, nơi sản xuất/Manufacturer, place of manufacturing” và chú thích “(2)”			
1	Trường hợp sản phẩm được HSX trực tiếp sản xuất	Chỉ ghi tên HSX	Trường hợp chỉ có 01 nơi sản xuất (NSX)	Ví dụ về cách ghi: Nơi sản xuất: <i>Place of manufacturing</i> : Longgang District, Shenzhen, 518129 Guangdong, P.R. China. Chứng chỉ ISO 9001:2015 số 01 100 1933213, có hiệu lực đến ngày 11/05/2026/ <i>ISO 9001:2015 certificate No. 01 100 1933213, valid until to May 11, 2026.</i> Lưu ý: Trường hợp nơi sản xuất tại Việt Nam thì ghi song ngữ.
			Trường hợp có nhiều NSX	Ví dụ về cách ghi: Nơi sản xuất: <i>Place of manufacturing</i> : - Longgang District, Shenzhen, 518129 Guangdong, P.R. China Chứng chỉ ISO 9001:2015 số 01 100 1933213, có hiệu lực đến ngày 11/05/2026/ <i>ISO 9001:2015 certificate No. 01 100 1933213, valid until to May 11, 2026.</i> - Lot N-1 Que Vo Industrial park (Expansion zone), Nam

STT	Mô tả trường hợp	Mặt trước của GCN	Phụ lục của GCN	
				<p>Son ward, Bac Ninh City, Bac Ninh Province, Vietnam; Chứng chỉ ISO 9001:2015 số 2728CC5-2006-AQ-RGC-UKAS, có hiệu lực đến ngày 06/01/2027/<i>ISO 9001:2015 certificate No. 2728CC5-2006-AQ-RGC-UKAS, valid until to Jan 06, 2027.</i></p> <p>Lưu ý: Trường hợp nơi sản xuất tại Việt Nam thì ghi song ngữ.</p>
2	Trường hợp sản phẩm được HSX sản xuất tại nhà máy gia công	Chỉ ghi tên HSX	Trường hợp HSX chỉ có 01 nhà máy gia công	<p>Ví dụ về cách ghi: Nơi sản xuất:<i>Place of manufacturing:</i> Compal Information (Kunshan) Co., Ltd. Địa chỉ:<i>Address:</i> No.15, Third Avenue, A Zone, Kunshan Comprehensive Free Trade Zone, Kunshan, Jiangsu, China; Chứng chỉ ISO 9001:2015 số 00124Q39121R7M/3200, có hiệu lực đến ngày 02/11/2027/<i>ISO 9001:2015 certificate No. 00124Q39121R7M/3200, valid until Nov 02, 2027.</i></p> <p>Lưu ý: Trường hợp nhà máy sản xuất tại Việt Nam thì ghi song ngữ.</p>
			Trường hợp HSX có nhiều nhà máy gia công	<p>Ví dụ về cách ghi: Nơi sản xuất:<i>Place of manufacturing:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Compal Information (Kunshan) Co., Ltd: Địa chỉ:<i>Address:</i> No.15, Third Avenue, A Zone, Kunshan Comprehensive Free Trade Zone, Kunshan, Jiangsu, China Chứng chỉ ISO 9001:2015 số 00124Q39121R7M/3200, có hiệu lực đến ngày 02/11/2027/<i>ISO 9001:2015 certificate No. 00124Q39121R7M/3200, valid until Nov 02, 2027.</i> - Digitek (Chongqing) Limited: Địa chỉ:<i>Address:</i> B01/B02, Section C, Airport Function Zone, Lianglu Cuntan Free Trade Port Area, Yubei District, Chongqing City, China Chứng chỉ ISO 9001:2015 số 00123Q37542R4L/5000, có

STT	Mô tả trường hợp	Mặt trước của GCN	Phụ lục của GCN
			<p>hiệu lực đến ngày 29/11/2026/<i>ISO 9001:2015 certificate No. 00123Q37542R4L/5000, valid until Nov 29, 2026.</i></p> <p>Lưu ý: Trường hợp nhà máy sản xuất tại Việt Nam thì ghi song ngữ.</p>
III	Cách ghi thông tin “Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn/<i>Complies with</i>” và chú thích “(3)” Chỉ sử dụng nếu cần làm rõ thông tin về việc sản phẩm áp dụng quy định ngưng một phần QCVN (VD: ngưng đo kiểm trong điều kiện khắc nghiệt, ...)		
1	Trường hợp chỉ có 01 QCVN áp dụng quy định ngưng	Ghi số hiệu QCVN	<p>Ví dụ về cách ghi: QCVN 117:2023/BTTTT: Áp dụng mục 1.1.1 Phụ lục I Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29/03/2024; Không bao gồm các yêu cầu kỹ thuật tại Phụ lục C của QCVN 117:2023/BTTTT/<i>Refer to article 1.1.1 Annex I Circular 02/2024/TT-BTTTT dated Mar 29, 2024; Not including the technical requirements in Annex C of QCVN 117:2023/BTTTT.</i></p>
2	Trường hợp có nhiều QCVN áp dụng quy định ngưng		<p>Ví dụ về cách ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - QCVN 117:2023/BTTTT: Áp dụng mục 1.1.1 Phụ lục I Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29/03/2024; Không bao gồm các yêu cầu kỹ thuật tại Phụ lục C của QCVN 117:2023/BTTTT/<i>Refer to article 1.1.1 Annex I Circular 02/2024/TT-BTTTT dated Mar 29, 2024; Not including the technical requirements in Annex C of QCVN 117:2023/BTTTT;</i> - QCVN 54:2020/BTTTT: Áp dụng mục 2.3 Phụ lục I Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29/03/2024/<i>Refer to article 2.3 Annex I Circular 02/2024/TT-BTTTT dated Mar 29, 2024</i>
IV	Ghi thông tin “Giấy chứng nhận hợp quy này được cấp trên cơ sở Kết quả đo kiểm số/<i>The Certificate is in reference to Test report No.</i>” và chú thích “(4)”		
1	Trường hợp chỉ có 01 KQĐK/01 phòng đo kiểm	Không ghi thông tin	<p>Ví dụ về cách ghi: Kết quả đo kiểm số/<i>Test Report No.:</i> 240308.22-TN ngày 15/03/2024 của Trung tâm Kỹ thuật thuộc Cục Tần số Vô tuyến điện/<i>240308.22-TN dated Mar 15, 2024 by Technical Center-The Authority of Radio Frequency Management</i></p>
2	Trường hợp có nhiều KQĐK/01 phòng đo kiểm		<p>Ví dụ về cách ghi: Kết quả đo kiểm số/<i>Test Report No.:</i> 240308.22-TN ngày 15/03/2024; 240119.03-TN ngày 04/03/2024 của Trung tâm Kỹ thuật thuộc Cục Tần số Vô tuyến</p>

STT	Mô tả trường hợp	Mặt trước của GCN	Phụ lục của GCN
			điện/240308.22-TN dated Mar 15, 2024; 240119.03-TN dated Mar 04, 2024 by Technical Center-The Authority of Radio Frequency Management
3	Trường hợp có nhiều KQĐK/nhiều phòng đo kiểm		Ví dụ về cách ghi: Kết quả đo kiểm số/Test Report No.: - 240308.22-TN ngày 15/03/2024; 240119.03-TN ngày 04/03/2024 của Trung tâm Kỹ thuật thuộc Cục Tần số Vô tuyến điện/240308.22-TN dated Mar 15, 2024; 240119.03-TN dated Mar 04, 2024 by Technical Center-The Authority of Radio Frequency Management - DVRRFQCN2403-0315 ngày 05/03/2024 của Công ty Cổ phần DT&C VINA/DVRRFQCN2403-0315 dated Mar 05, 2024 by DT&C VINA JSC.
V	Ghi thông tin “Hiệu lực của Giấy chứng nhận/Validity of the certificate” và chú thích “(5)”		
1	Trường hợp cấp giấy CNHQ lần đầu	Ghi hiệu lực của giấy CNHQ	Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, các thay đổi trên chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của cơ sở sản xuất phải được báo cáo tới Trung Tâm Đo Lường Chất lượng Viễn thông/During the validity of the Certificate, changes on the manufacturer's quality management system certificate must to be reported to the Telecom Metrology and Quality Center.”
2	Trường hợp cấp giấy CNHQ bổ sung QCVN mới	Ghi hiệu lực của giấy CNHQ	- Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, các thay đổi trên chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của cơ sở sản xuất phải được báo cáo tới Trung Tâm Đo Lường Chất lượng Viễn thông/During the validity of the Certificate, changes on the manufacturer's quality management system certificate must to be reported to the Telecom Metrology and Quality Center. - Giấy chứng nhận này được cấp để thay thế Giấy chứng nhận hợp quy số..... cấp ngày ... và số ... cấp ngày .../This Certificate is issued to replace the Certificate No: ... datedand No: ... dated...”
VI	Ghi thông tin chú thích “(6)” Phương thức CNHQ		
	Trước ngày 25/5/2026		Theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012. / According to Circular No. 28/2012/TT-BKHCN dated Dec 12, 2012.
	Kê từ ngày 25/5/2026		Theo Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT ngày 15/11/2018 và Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT ngày 07/05/2020. / According to Circular No. 30/2011/TT-BTTTT dated Oct 31, 2011 amended and supplemented by Circular No. 15/2018/TT-BTTTT

STT	Mô tả trường hợp	Mặt trước của GCN	Phụ lục của GCN
			<i>dated Nov 15, 2018 and Circular No. 10/2020/TT-BTTTT dated May 07, 2020.</i>
VII	Cách ghi một số thông tin khác		
1	Cách ghi ngày, tháng, năm trên giấy CNHQ	Ghi theo định dạng tiếng Việt là dd/mm/yyyy (VD: 18/10/2024) và tiếng Anh là mm dd, yyy (VD: Oct 18, 2024).	
2	Cách ghi Nơi cấp/ <i>Place of Issue</i>	- Hà Nội/ <i>Ha Noi</i>	
3	Cách ghi tên phòng đo kiểm	Ghi theo thông tin trên Quyết định chỉ định/thừa nhận. Đối với phòng đo kiểm được chỉ định, tên tiếng Anh lấy theo thông tin trên đăng ký kinh doanh.	
4	Cách ghi thông tin tên, địa chỉ của HSX/nhà máy gia công và tên của đơn vị được cấp giấy CNHQ	Trường hợp tài liệu kèm hồ sơ chỉ thể hiện các thông tin này bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt thì trên giấy CNHQ cũng chỉ thể hiện các thông tin này theo đúng ngôn ngữ tại tài liệu kèm theo hồ sơ.	
5	Cách đánh số các ghi chú	Trường hợp giấy CNHQ không có nội dung phải làm rõ về ký hiệu sản phẩm và QCVN thì xóa bỏ các ghi chú (1), (3) và đánh lại số thứ tự các ghi chú để đảm bảo tính liên tục.	
VII	Lưu ý	Trong thực tế, nếu phát sinh các trường hợp không phù hợp với các hướng dẫn nêu trên, đề nghị các đơn vị gửi thông tin về Phòng Chứng nhận để tổng hợp và đề xuất cách ghi thống nhất.	

PHỤ LỤC 5: MẪU KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD02)

CỤC VIỄN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT
LƯỢNG VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Kính gửi: (tên tổ chức, cá nhân)

Địa chỉ:

Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông thông báo kế hoạch đánh giá việc sản xuất trong thực tế để chứng nhận hợp quy cho (các) sản phẩm ký hiệu ... của Quý Đơn vị/Công ty (hồ sơ chứng nhận hợp quy số ... ngày ...) với các nội dung sau:

I. Sản phẩm:

STT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Nguồn gốc	Phương thức CNHQ	Quy chuẩn đề nghị CNHQ
1.

II. Đoàn đánh giá:

STT	Tên chuyên gia	Phạm vi	Vai trò trong đoàn
1.	Ông/Bà
2.	Ông/Bà
3.

II. Chương trình đánh giá chi tiết:

Thời gian	Nội dung	Địa điểm	Chuyên gia đánh giá	Ghi chú
.....
.....

Ghi chú:

- Kế hoạch đánh giá có thể thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế.

Chúng tôi thông báo để Quý Đơn vị/Công ty được biết, chuẩn bị và cho ý kiến chính thức bằng văn bản trong trường hợp không nhất trí với kế hoạch trên gửi về Trung tâm trước ngày

Trân trọng!

..., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
VIỄN THÔNG

**PHỤ LỤC 6: MẪU CÔNG VĂN THÔNG BÁO KHI CẤP GIẤY CNHQ ĐỐI
VỚI TRƯỜNG HỢP CHỨNG CHỈ CHỨNG NHẬN HT QLCL CÒN HIỆU
LỰC DƯỚI 45 NGÀY KỂ TỪ NGÀY CẤP GIẤY CNHQ**

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD02)

**CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTĐLCL-...
V/v duy trì hiệu lực chứng chỉ chứng nhận
HT QLCL

..., ngày tháng năm 20...

Kính gửi:
Địa chỉ:

Ngày ..., Trung tâm đã cấp Giấy CNHQ số ... cho Quý Công ty/Đơn vị. Điều kiện để duy trì hiệu lực của Giấy chứng nhận hợp quy theo phương thức 1 nêu trên là hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương (sau đây gọi là ISO) phải được duy trì, Trung tâm đề nghị Quý Công ty/Đơn vị rà soát hiệu lực của ISO (số ... có hiệu lực đến ngày ...) và cung cấp ISO mới để đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng được duy trì liên tục đối với (các) giấy CNHQ đã cấp nêu trên và gửi văn bản phản hồi về Trung tâm trước khi chứng chỉ ISO hết hạn.

Quá thời hạn ISO hết hạn 10 ngày nếu Trung tâm không nhận được chứng chỉ ISO phù hợp thì giấy chứng nhận hợp quy đã cấp sẽ bị hủy bỏ hiệu lực. Trường hợp cần thêm thông tin, Quý Công ty/Đơn vị liên hệ với Trung tâm (*tên người liên hệ, điện thoại, email*) để được hướng dẫn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, ...

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(Tên người ký)

**PHỤ LỤC 7: MẪU FILE THEO DÕI THÔNG TIN SẢN PHẨM MẪU
TẠI KẾT QUẢ ĐO KIỂM KÈM THEO HỒ SƠ CNHQ
THEO PHƯƠNG THỨC 1
(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD02)**

STT	Ngày tiếp nhận	Số hồ sơ	Tên doanh nghiệp đề nghị CNHQ	Địa chỉ	Mã số doanh nghiệp	Tên sản phẩm	Model	Hãng sản xuất	Quy chuẩn đề nghị CNHQ	Số, ngày KQĐK	Nguồn gốc sản phẩm mẫu	Số serial hoặc tương đương	Ngày lấy mẫu
1													
2													
...													

Hướng dẫn cách điền thông tin:

- Ngày tiếp nhận: ghi theo định dạng dd/mm/yyyy;
- Số hồ sơ: ghi theo định dạng: số hồ sơ/năm tiếp nhận/CNHQ-TTĐLCL-... (VD: 0123/2024/CNHQ-TTĐLCL-PCN; 0123/2024/CNHQ-TTĐLCL-CNMN; 0123/2024/CNHQ-TTĐLCL-CNMT);
- Nguồn gốc sản phẩm mẫu: ghi rõ do khách hàng tự lấy hay mẫu của HSX.

PHỤ LỤC 8: MẪU BIÊN BẢN GHI CHÉP CỦA CHUYÊN GIA (PT1)
(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD02)

Tên đơn vị được đánh giá: ...
Địa chỉ văn phòng: ...
Địa chỉ cơ sở sản xuất: ...
Chuyên gia đánh giá: ...
Ngày đánh giá: ...
Tên sản phẩm đề nghị CNHQ: ...
Ký hiệu sản phẩm: ...
Hồ sơ CNHQ số: ...
Loại hình đánh giá:
<input type="checkbox"/> Đánh giá quá trình sản xuất <input type="checkbox"/> Đánh giá quá trình sản xuất bổ sung
<input type="checkbox"/> Đánh giá giám sát lần ... <input type="checkbox"/> Đánh giá giám sát lần ... bổ sung

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá quá trình sản xuất

Mục	Yêu cầu	Đánh giá	Nhận xét
1.	Yêu cầu đối với quy trình sản xuất		
	- Quy trình sản xuất có được xây dựng thành văn bản không? Văn bản có mô tả đầy đủ các công đoạn sản xuất không?		
2.	Yêu cầu đối với quy trình đảm bảo chất lượng sản phẩm		
	- Quy trình đảm bảo chất lượng sản phẩm có được xây dựng thành văn bản không? Có mô tả đầy đủ các công đoạn kiểm soát chất lượng không?		
3.	Bằng chứng liên quan đến sản xuất		
	- Có lưu bằng chứng thiết kế phần cứng hoặc phần mềm của sản phẩm (Cung cấp bằng chứng thuê ngoài (nếu thuê))?		
	- Có các hợp đồng, hóa đơn mua bán đầu vào?		
	- Có hợp đồng, bằng chứng thuê gia công bán thành phẩm hoặc thành phẩm (nếu thuê ngoài)?		

Mục	Yêu cầu	Đánh giá	Nhận xét
	- Tại cơ sở sản xuất có nhân sự, máy móc phụ vụ sản xuất không?		
	- Nhân sự chính tham gia sản xuất có là nhân sự của Công ty không? Đề nghị cung cấp bằng chứng?		
	- Có đang sản xuất sản phẩm không, trường hợp không đang sản xuất, có lưu bằng chứng đã sản xuất?		

2. Những điểm không phù hợp và nhận xét

STT	Nội dung chưa phù hợp phát hiện được	Yêu cầu
1		
2		
3		
...		

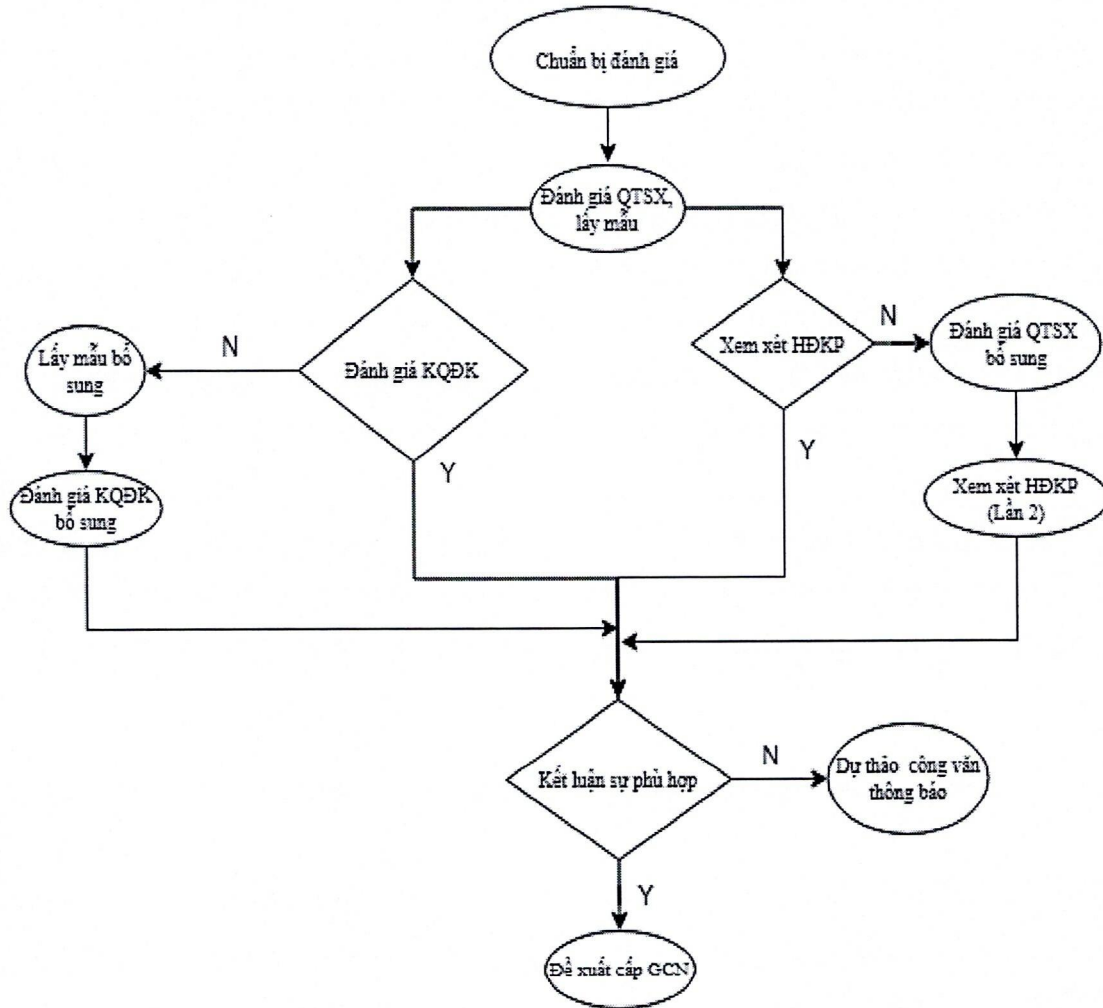
..., ngày ... tháng ... năm 20...

CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ

QT-HD03: HƯỚNG DẪN CNHQ THEO PHƯƠNG THỨC 5

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)



1. Điều kiện để CNHQ theo phương thức 5

Phương thức 5 áp dụng để CNHQ cho trường hợp HSX không có cơ sở sản xuất được cấp chứng chỉ chứng nhận HT QLCL nhưng đã có văn bản quy định các nội dung sau:

- Quy trình sản xuất: mô tả được đầy đủ các công đoạn tạo sản phẩm gồm: thiết kế; mua sắm vật tư, nguyên vật liệu sản xuất; sản xuất bán thành phẩm; lắp ráp, đóng gói sản phẩm hoàn chỉnh.

- Quy trình đảm bảo chất lượng sản phẩm: mô tả được đầy đủ các công đoạn

SB

kiểm soát chất lượng sản phẩm gồm: lựa chọn nhà cung cấp vật tư, nguyên vật liệu sản xuất; kiểm tra chất lượng vật tư, nguyên vật liệu sản xuất; kiểm tra chất lượng bán thành phẩm; kiểm tra chất lượng sản phẩm hoàn chỉnh.

- Kiểm soát hồ sơ, tài liệu kỹ thuật của sản phẩm: phải có các quy định tối thiểu về: danh mục hồ sơ, tài liệu kỹ thuật cần kiểm soát; dấu hiệu nhận biết các thay đổi và tình trạng sửa đổi, cập nhật của tài liệu; việc ngăn ngừa sử dụng các tài liệu cũ, hết hiệu lực.

- Kiểm soát trình độ tay nghề nhân công và cán bộ kỹ thuật: phải có các quy định tối thiểu về: danh sách nhân viên hiệu dụng và vị trí công tác tương ứng; tiêu chí cụ thể đối với từng vị trí công tác; việc đào tạo nội bộ đối với từng vị trí công tác.

- Kiểm soát trang thiết bị sản xuất và thiết bị đo lường: phải có quy định về: danh sách trang thiết bị sản xuất, danh sách trang thiết bị đo lường; việc bảo dưỡng định kỳ đối với trang thiết bị sản xuất; kiểm soát việc hiệu chuẩn đối với trang thiết bị đo lường.

2. Hướng dẫn thực hiện đánh giá quá trình sản xuất

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chuẩn bị đánh giá: NXL thống nhất với khách hàng về thời điểm đánh giá và lập phiếu đề xuất theo biểu mẫu QT-BM06, kế hoạch đánh giá theo biểu mẫu QT-BM09 (trường hợp cần Quyết định cử đoàn đánh giá thì thực hiện theo Biểu mẫu QT-BM19).

- Bước 2: Đánh giá quá trình sản xuất: Đoàn đánh giá xem xét việc áp dụng quy trình sản xuất, quy trình đảm bảo chất lượng và các quy định kiểm soát (nộp kèm theo hồ sơ) vào quá trình sản xuất thực tế. Các kết quả đánh giá được ghi lại theo QT-BM07 (báo cáo đánh giá) QT- BM08 (biên bản ghi chép của chuyên gia đánh giá).

- Bước 3: Lấy mẫu: Lấy ngẫu nhiên sản phẩm mẫu tại cơ sở sản xuất, dán tem niêm phong (biểu mẫu QT-BM03) và chụp ảnh để lưu bằng chứng. Số lượng sản phẩm mẫu phải đủ để thực hiện việc đo kiểm, tối thiểu 01 mẫu/chủng loại sản phẩm.

- Bước 4: Xem xét hành động khắc phục: Căn cứ trên báo cáo khắc phục của khách hàng (trường hợp báo cáo đánh giá có nêu điểm không phù hợp) để thực hiện tiếp theo Bước 5 nếu toàn bộ những điểm không phù hợp đã được khắc phục hoặc thực hiện việc đánh giá bổ sung nếu vẫn còn điểm không phù hợp chưa được khắc

phục (chỉ thực hiện duy nhất một lần đối với những điểm chưa được khắc phục, thực hiện tương tự như Bước 2).

- Bước 5: Đánh giá KQĐK: NXL so sánh KQĐK với các yêu cầu của QCVN và thực hiện tiếp theo Bước 6 nếu KQĐK cho thấy sản phẩm mẫu hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của QCVN hoặc thực hiện lấy mẫu bổ sung nếu KQĐK cho thấy sản phẩm mẫu có chỉ tiêu chưa phù hợp với QCVN (chỉ thực hiện một lần duy nhất, thực hiện tương tự như Bước 3) và yêu cầu khách hàng đo kiểm bổ sung chỉ tiêu chưa phù hợp.

- Bước 6: Kết luận sự phù hợp: Căn cứ trên việc xem xét hành động khắc phục (Bước 4) và đánh giá KQĐK (Bước 5), NXL thực hiện:

+ Đề xuất cấp giấy CNHQ nếu quá trình sản xuất đạt yêu cầu và sản phẩm mẫu hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của QCVN;

+ Đề xuất không cấp giấy CNHQ và dự thảo công văn thông báo (biểu mẫu QT-BM04) nếu quá trình sản xuất không đạt yêu cầu (kết luận sau khi đã xem xét hành động khắc phục bổ sung) hoặc sản phẩm mẫu không hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của QCVN (kết luận sau khi đánh giá KQĐK bổ sung) thì đề xuất không cấp giấy CNHQ và dự thảo công văn thông báo (biểu mẫu QT-BM04, ghi rõ lý do không cấp).

3. Hướng dẫn cách ghi thông tin trên Giấy CNHQ

Giấy CNHQ cấp theo Phương thức 5 áp dụng theo mẫu giấy CNHQ tại biểu mẫu QT-BM02-02. Cách ghi một số thông tin trên giấy CNHQ xem tại Phụ lục 1.

4. Thời gian giải quyết hồ sơ CNHQ

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian giải quyết	Ghi chú
1.	Kiểm tra tính thống nhất của hồ sơ	Không quá 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu xử lý.	Tổng thời gian giải quyết kéo dài không quá 60 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.
2.	Xem xét việc áp dụng phương thức CNHQ		
3.	Xem xét đặc tính kỹ thuật của sản phẩm		
4.	Đánh giá sự phù hợp	- Trường hợp bình thường: + Việc đánh giá cơ sở sản xuất và niêm phong mẫu: phải thực hiện trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ	

MB

		<p>được tiếp nhận.</p> <p>+ Việc đánh giá sự phù hợp: phải thực hiện trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi đánh giá cơ sở sản xuất.</p> <p>- Trường hợp kéo dài:</p> <p>+ Việc đánh giá cơ sở sản xuất và niêm phong mẫu: phải thực hiện trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ đáp ứng yêu cầu tại các Điều 10.1, 10.2, 10.3.</p> <p>+ Việc đánh giá sự phù hợp: phải thực hiện trong 05 ngày làm việc kể từ khi đánh giá cơ sở sản xuất.</p>	
5.	Thẩm định hồ sơ	Không quá 01 ngày kể từ khi NXL gửi thẩm định hồ sơ.	
6.	Phê duyệt hồ sơ	Không quá 01 ngày kể từ khi NXL gửi thẩm định hồ sơ.	

Giải thích:

- Trường hợp bình thường: là khi hồ sơ CNHQ đã đầy đủ, hợp lệ ngay từ lúc được tiếp nhận.
- Trường hợp kéo dài: là trường hợp hồ sơ CNHQ chưa đầy đủ, hợp lệ và Trung tâm phải có văn bản thông báo để khách hàng bổ sung.
- Thời điểm bắt đầu xử lý hồ sơ: là ngay sau khi khách hàng nộp tiền Đợt 1.

PHỤ LỤC 1: CÁCH GHI MỘT SỐ THÔNG TIN TRÊN GIẤY CNHQ

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD03)

STT	Mô tả trường hợp	Mặt trước của GCN	Phụ lục của GCN	
I	Cách ghi thông tin “Ký hiệu/Model” và chú thích “(1)” Chỉ sử dụng ghi chú nếu cần làm rõ một số thông tin về ký hiệu sản phẩm (VD: loại module gắn kèm, tần số hoạt động, ...)			
1	Trường hợp chỉ có 01 nội dung cần ghi chú	Ghi thông tin về ký hiệu sản phẩm	Ví dụ về cách ghi: “Module được chứng nhận/ <i>Certified Module</i> : AX211NGW (WLAN); FM350-GL-16 (WWAN); ...”. (Dấu “;” dùng để ngăn cách)	
2	Trường hợp chỉ có 01 nội dung cần ghi chú		Ví dụ về cách ghi: - Module được chứng nhận/ <i>Certified Module</i> : AX211NGW (WLAN); FM350-GL-16 (WWAN); ... - Tần số được chứng nhận/ <i>Certified frequency</i> : 433,92 MHz; 920-923 MHz; ... (Dấu “;” dùng để ngăn cách)	
II	Cách ghi thông tin “Hãng, nơi sản xuất/Manufacturer, place of manufacturing” và chú thích “(2)”			
1	Trường hợp sản phẩm được HSX trực tiếp sản xuất	Ghi thông tin HSX	Trường hợp chỉ có 01 nơi sản xuất (NSX)	Ví dụ về cách ghi: Nơi sản xuất/ <i>Place of manufacturing</i> : Longgang District, Shenzhen, 518129 Guangdong, P.R. China. Quy mô sản xuất: 1000 nhân sự hiệu dụng/ <i>Production scale: 1000 effective employees.</i>
			Trường hợp có nhiều NSX	Ví dụ về cách ghi: Nơi sản xuất/ <i>Place of manufacturing</i> : Longgang District, Shenzhen, 518129 Guangdong, P.R. China. Quy mô sản xuất: 1000 nhân sự hiệu dụng/ <i>Production scale: 1000 effective employees.</i> - Longgang District, Shenzhen, 518129 Guangdong, P.R. China; Quy mô sản xuất: 1000 nhân sự hiệu dụng/ <i>Production scale: 1000 effective employees.</i> - Lot N-1 Que Vo Industrial park (Expansion zone), Nam Son ward, Bac Ninh City, Bac Ninh Province, Vietnam; Quy mô sản xuất: 500 nhân sự hiệu dụng

STT	Mô tả trường hợp	Mặt trước của GCN	Phụ lục của GCN	
				dụng/ <i>Production scale: 1000 effective employees.</i>
2	Trường hợp sản phẩm được HSX sản xuất tại nhà máy gia công	Chi ghi thông tin HSX	Trường hợp chỉ có 01 nhà máy gia công	Nơi sản xuất: <i>Place of manufacturing:</i> Compal Information (Kunshan) Co., Ltd. Địa chỉ: <i>Address:</i> No.15, Third Avenue, A Zone, Kunshan Comprehensive Free Trade Zone, Kunshan, Jiangsu, China; Quy mô sản xuất: 1000 nhân sự hiệu dụng/ <i>Production scale: 1000 effective employees.</i>
			Trường hợp có nhiều nhà máy gia công	Nơi sản xuất: <i>Place of manufacturing:</i> - Compal Information (Kunshan) Co., Ltd: No.15, Third Avenue, A Zone, Kunshan Comprehensive Free Trade Zone, Kunshan, Jiangsu, China; Quy mô sản xuất: 1000 nhân sự hiệu dụng/ <i>Production scale: 1000 effective employees.</i> - Digitek (Chongqing) Limited: B01/B02, Section C, Airport Function Zone, Lianglu Cuntan Free Trade Port Area, Yubei District, Chongqing City, China; Quy mô sản xuất: 2000 nhân sự hiệu dụng/ <i>Production scale: 2000 effective employees.</i>
III	Cách ghi thông tin “Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn/Complies with” và chú thích “(3)” Chỉ sử dụng nếu cần làm rõ thông tin về việc sản phẩm áp dụng quy định ngưng một phần QCVN (VD: ngưng đo kiểm trong điều kiện khắc nghiệt, ...)			
1	Trường hợp chỉ có 01 QCVN áp dụng quy định ngưng	Ghi số hiệu QCVN	Ví dụ về cách ghi: QCVN 117:2023/BTTTT: Áp dụng mục 1.1.1 Phụ lục I Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29/03/2024; Không bao gồm các yêu cầu kỹ thuật tại Phụ lục C của QCVN 117:2023/BTTTT/ <i>Refer to article 1.1.1 Annex I Circular 02/2024/TT-BTTTT dated Mar 29, 2024; Not including the technical requirements in Annex C of QCVN 117:2023/BTTTT.</i>	
2	Trường hợp có nhiều QCVN áp dụng quy định ngưng		Ví dụ về cách ghi: - QCVN 117:2023/BTTTT: Áp dụng mục 1.1.1 Phụ lục I Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29/03/2024; Không bao gồm các yêu cầu kỹ thuật tại Phụ lục C của QCVN 117:2023/BTTTT/ <i>Refer to article 1.1.1 Annex I Circular 02/2024/TT-BTTTT dated Mar 29, 2024; Not</i>	

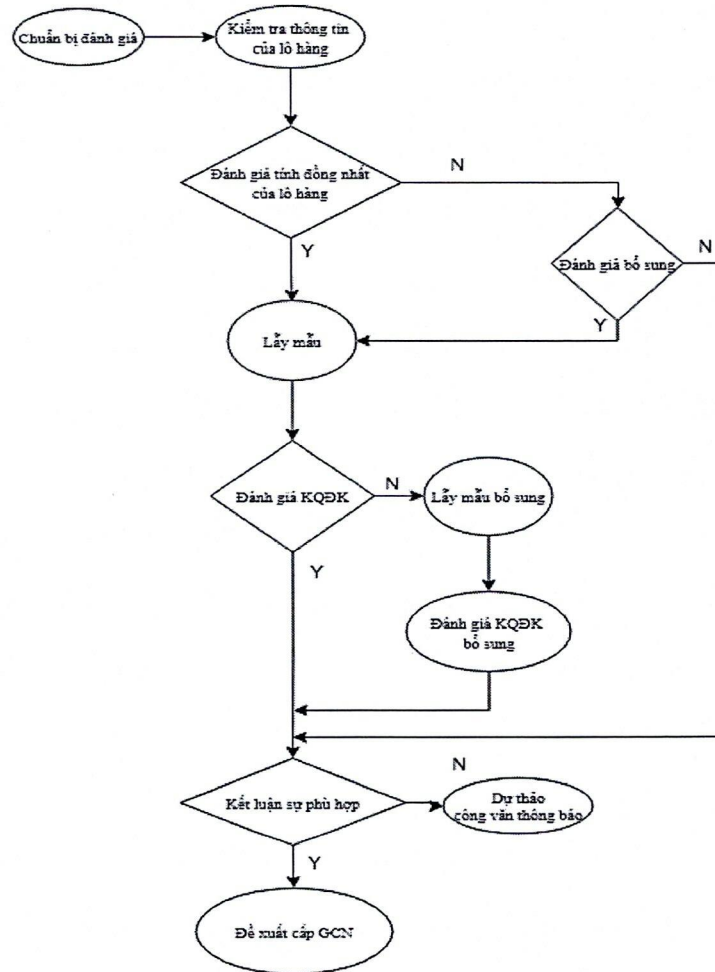
STT	Mô tả trường hợp	Mặt trước của GCN	Phụ lục của GCN
			<p>including the technical requirements in Annex C of QCVN 117:2023/BTTTT;</p> <p>- QCVN 54:2020/BTTTT: Áp dụng mục 2.3 Phụ lục I Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29/03/2024/Refer to article 2.3 Annex I Circular 02/2024/TT-BTTTT dated Mar 29, 2024</p>
IV	Ghi thông tin “Giấy chứng nhận hợp quy này được cấp trên cơ sở Kết quả đo kiểm số/The Certificate is in reference to Test report No.” và chú thích “(4)”		
1	Trường hợp chỉ có 01 KQĐK/01 phòng đo kiểm	Không ghi thông tin	<p>Ví dụ về cách ghi: Kết quả đo kiểm số/Test Report No.: 240308.22-TN ngày 15/03/2024 của Trung tâm Kỹ thuật thuộc Cục Tần số Vô tuyến điện/240308.22-TN dated Mar 15, 2024 by Technical Center-The Authority of Radio Frequency Management</p>
2	Trường hợp có nhiều KQĐK/01 phòng đo kiểm		<p>Ví dụ về cách ghi: Kết quả đo kiểm số/Test Report No.: 240308.22-TN ngày 15/03/2024; 240119.03-TN ngày 04/03/2024 của Trung tâm Kỹ thuật thuộc Cục Tần số Vô tuyến điện/240308.22-TN dated Mar 15, 2024; 240119.03-TN dated Mar 04, 2024 by Technical Center-The Authority of Radio Frequency Management</p>
3	Trường hợp có nhiều KQĐK/nhiều phòng đo kiểm		<p>Ví dụ về cách ghi: Kết quả đo kiểm số/Test Report No.:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 240308.22-TN ngày 15/03/2024; 240119.03-TN ngày 04/03/2024 của Trung tâm Kỹ thuật thuộc Cục Tần số Vô tuyến điện/240308.22-TN dated Mar 15, 2024; 240119.03-TN dated Mar 04, 2024 by Technical Center-The Authority of Radio Frequency Management - DVRRFQCN2403-0315 ngày 05/03/2024 của Công ty Cổ phần DT&C VINA/DVRRFQCN2403-0315 dated Mar 05, 2024 by DT&C VINA JSC.
V	Ghi thông tin chú thích “(5)” Phương thức CNHQ		
	Trước ngày 25/5/2026		Theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012. / According to Circular No. 28/2012/TT-BKHCN dated Dec 12, 2012.
	Kê từ ngày 25/5/2026		Theo Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT ngày 15/11/2018 và Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT ngày 07/05/2020. / According to Circular No.

STT	Mô tả trường hợp	Mặt trước của GCN	Phụ lục của GCN
			30/2011/TT-BTTTT dated Oct 31, 2011 amended and supplemented by Circular No. 15/2018/TT-BTTTT dated Nov 15, 2018 and Circular No. 10/2020/TT-BTTTT dated May 07, 2020.
VI	Cách ghi một số thông tin khác		
1	Cách ghi ngày, tháng, năm trên giấy CNHQ	Ghi theo định dạng tiếng Việt là dd/mm/yyyy (VD: 18/10/2024) và tiếng Anh là mm dd, yyy (VD: Oct 18, 2024).	
2	Cách ghi Nơi cấp/ <i>Place of Issue</i>	- Hà Nội/ <i>Ha Noi</i>	
3	Cách ghi tên phòng đo kiểm	Ghi theo thông tin trên Quyết định chỉ định/thừa nhận. Đối với phòng đo kiểm được chỉ định, tên tiếng Anh lấy theo thông tin trên đăng ký kinh doanh.	
4	Cách ghi thông tin tên, địa chỉ của HSX/nhà máy gia công và tên của đơn vị được cấp giấy CNHQ	Trường hợp tài liệu kèm hồ sơ chỉ thể hiện các thông tin này bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt thì trên giấy CNHQ cũng chỉ thể hiện các thông tin này theo đúng ngôn ngữ tại tài liệu kèm theo hồ sơ.	
5	Cách đánh số các ghi chú	Trường hợp giấy CNHQ không có nội dung phải làm rõ về ký hiệu sản phẩm và QCVN thì xóa bỏ các ghi chú (1), (3) và đánh lại số thứ tự các ghi chú để đảm bảo tính liên tục.	
VI	Lưu ý	Trong thực tế, nếu phát sinh các trường hợp không phù hợp với các hướng dẫn nêu trên, đề nghị các đơn vị gửi thông tin về Phòng Chứng nhận để tổng hợp và đề xuất cách ghi thống nhất.	

QT-HD04: HƯỚNG DẪN CNHQ THEO PHƯƠNG THỨC 7

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)



1. Điều kiện để CNHQ theo phương thức 7

Phương thức 7 áp dụng để CNHQ cho lô sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu nhưng không đủ điều kiện CNHQ theo phương thức 1 hoặc phương thức 5. Để áp dụng phương thức này, lô sản phẩm, hàng hóa đề nghị CNHQ phải đảm bảo tính đồng nhất, có nguồn gốc rõ ràng, thông tin thống nhất trong toàn bộ hồ sơ CNHQ.

2. Hướng dẫn thực hiện

- Bước 1: Chuẩn bị đánh giá: NXL thống nhất với khách hàng về thời điểm đánh giá và lập phiếu đề xuất đánh giá (biểu mẫu QT-BM06) và kế hoạch đánh giá (biểu mẫu QT-BM09, trường hợp cần Quyết định cử đoàn đánh giá thì thực hiện theo Biểu mẫu QT-BM19). Địa điểm thực hiện việc đánh giá là địa điểm tập kết hàng hóa sau khi nhập khẩu (xác định theo tài liệu nhập khẩu nộp kèm hồ sơ).

Handwritten signature

Trường hợp khách hàng đề xuất đánh giá tại địa điểm khác thì khách hàng phải có văn bản cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lô hàng đề nghị đánh giá chính là lô hàng tại hồ sơ nhập khẩu nộp kèm hồ sơ CNHQ. Đối với các lô hàng nhỏ (số lượng không quá 50 chiếc và tổng thể tích chiếm dụng không quá 1m³), khách hàng có thể di chuyển đến Trung tâm để thực hiện việc đánh giá.

- Bước 2: Kiểm tra thông tin lô hàng: đối chiếu thông tin của lô hàng trong thực tế với hồ sơ đề nghị CNHQ. Chỉ thực hiện bước tiếp theo khi các thông tin đã thống nhất.

- Bước 3: Đánh giá tính đồng nhất của lô hàng: Đoàn đánh giá lấy ngẫu nhiên số lượng mẫu theo Phụ lục 1 để đánh giá ngoại quan về ký hiệu sản phẩm, quy cách đóng gói, dán nhãn và lập báo cáo đánh giá (biểu mẫu QT- BM07). Trường hợp lô hàng đã đồng nhất thì thực hiện tiếp theo Bước 4, nếu không thì yêu cầu khách hàng rà soát, loại bỏ những sản phẩm không đồng nhất để thực hiện đánh giá bổ sung (thực hiện như đánh giá lần đầu, nếu lô hàng đã đồng nhất thì thực hiện tiếp theo Bước 4, nếu không thì thực hiện tiếp theo Bước 6).

- Bước 4: Lấy mẫu: Lấy ngẫu nhiên sản phẩm mẫu tại cơ sở sản xuất, dán tem niêm phong (biểu mẫu QT-BM03) và chụp ảnh để lưu bằng chứng. Số lượng sản phẩm mẫu phải đủ để thực hiện việc đo kiểm, tối thiểu 01 mẫu/chủng loại sản phẩm.

- Bước 5: Đánh giá KQĐK: NXL so sánh KQĐK với các yêu cầu của QCVN và thực hiện tiếp theo Bước 6 nếu KQĐK cho thấy sản phẩm mẫu hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của QCVN hoặc thực hiện lấy mẫu bổ sung nếu KQĐK cho thấy sản phẩm mẫu có chỉ tiêu không phù hợp với QCVN (chỉ thực hiện một lần duy nhất, thực hiện tương tự như Bước 4) và yêu cầu khách hàng đo kiểm bổ sung chỉ tiêu chưa phù hợp.

- Bước 6: Kết luận sự phù hợp: Căn cứ trên các kết quả đánh giá tính đồng nhất của lô hàng (Bước 3) và đánh giá KQĐK (Bước 5), NXL thực hiện:

+ Đề xuất cấp giấy CNHQ nếu lô hàng đồng nhất và sản phẩm mẫu hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của QCVN;

+ Đề xuất không cấp giấy CNHQ và dự thảo công văn thông báo (biểu mẫu

29

QT-BM04, ghi rõ lý do không cấp) nếu lô hàng không đồng nhất hoặc sản phẩm mẫu không hoàn toàn phù hợp với QCVN.

3. Hướng dẫn cách ghi thông tin trên Giấy CNHQ

Giấy CNHQ cấp theo Phương thức 7 áp dụng theo mẫu giấy CNHQ tại biểu mẫu QT-BM02-03. Cách ghi một số thông tin trên giấy CNHQ xem tại Phụ lục 2.

4. Thời gian giải quyết hồ sơ CNHQ

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian giải quyết	Ghi chú
1.	Kiểm tra tính thống nhất của hồ sơ	Không quá 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu xử lý.	Tổng thời gian giải quyết kéo dài không quá 60 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.
2.	Xem xét việc áp dụng phương thức CNHQ		
3.	Xem xét đặc tính kỹ thuật của sản phẩm		
4.	Đánh giá sự phù hợp	- Trường hợp bình thường: + Việc đánh giá lô hàng và niêm phong mẫu: phải thực hiện trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ được tiếp nhận. + Việc đánh giá sự phù hợp: phải thực hiện trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi đánh giá cơ sở sản xuất. - Trường hợp kéo dài: + Việc đánh giá lô hàng và niêm phong mẫu: phải thực hiện trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ đáp ứng yêu cầu tại các Điều 10.1, 10.2, 10.3. + Việc đánh giá sự phù hợp: phải thực hiện trong 05 ngày làm việc kể từ khi đánh giá cơ sở sản xuất.	
5.	Thẩm định hồ sơ	Không quá 01 ngày kể từ khi NXL gửi thẩm định hồ sơ.	
6.	Phê duyệt hồ sơ	Không quá 01 ngày kể từ khi NXL gửi thẩm định hồ sơ.	

Giải thích:

- Trường hợp bình thường: là khi hồ sơ CNHQ đã đầy đủ, hợp lệ ngay từ lúc được tiếp nhận.
- Trường hợp kéo dài: là trường hợp hồ sơ CNHQ chưa đầy đủ, hợp lệ và Trung tâm phải có văn bản thông báo để khách hàng bổ sung.
- Thời điểm bắt đầu xử lý hồ sơ: là ngay sau khi khách hàng nộp tiền Đợt 1

**PHỤ LỤC 1 – SỐ LƯỢNG MẪU NGẪU NHIÊN CẦN LẤY ĐỂ
ĐÁNH GIÁ TÍNH ĐỒNG NHẤT CỦA LÔ HÀNG**

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD04)

Số lượng mẫu ngẫu nhiên cần lấy để đảm bảo tính đại diện cho lô hàng theo bảng sau:

Kích cỡ lô sản phẩm, hàng hóa	Số lượng mẫu cần lấy ngẫu nhiên từ lô sản phẩm, hàng hóa	Số chấp nhận	Số loại bỏ
2 tới 8	2	0	1
9 tới 15	3	0	1
16 tới 25	5	0	1
26 tới 50	8	0	1
51 tới 90	13	1	2
91 tới 150	20	1	2
151 tới 280	32	2	3
281 tới 500	50	3	4
501 tới 1200	80	5	6
1201 tới 3200	125	7	8
3201 tới 10000	200	10	11
10001 tới 35000	315	14	15
35001 tới 150000	500	21	22
150001 tới 500000	800	21	22
500001 trở lên	1250	21	22

Lưu ý:

- Lô sản phẩm, hàng hóa đồng nhất là lô sản phẩm, hàng hóa có số lượng mẫu không đồng nhất phát hiện được trong tập hợp mẫu đại diện nhỏ hơn hoặc bằng số chấp nhận. Các trường hợp khác thì được coi là không đồng nhất.
- Đối với lô sản phẩm, hàng hóa chỉ có 01 sản phẩm thì không cần thực hiện việc đánh giá.

06

PHỤ LỤC 2: CÁCH GHI MỘT SỐ THÔNG TIN TRÊN GIẤY CNHQ

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD04)

STT	Mô tả trường hợp	Mặt trước của GCN	Phụ lục của GCN
I	Cách ghi thông tin “Ký hiệu/Model” và chú thích “(1)” Chỉ sử dụng ghi chú nếu cần làm rõ một số thông tin về ký hiệu sản phẩm (VD: loại module gắn kèm, tần số hoạt động, ...)		
1	Trường hợp chỉ có 01 nội dung cần ghi chú	Ghi thông tin về ký hiệu sản phẩm	Ví dụ về cách ghi: “Module được chứng nhận/ <i>Certified Module</i> : AX211NGW (WLAN); FM350-GL-16 (WWAN); ...” (Dấu “;” dùng để ngăn cách)
2	Trường hợp chỉ có 01 nội dung cần ghi chú		Ví dụ về cách ghi: - Module được chứng nhận/ <i>Certified Module</i> : AX211NGW (WLAN); FM350-GL-16 (WWAN); ... - Tần số được chứng nhận/ <i>Certified frequency</i> : 433,92 MHz; 920-923 MHz; ... (Dấu “;” dùng để ngăn cách)
II	Cách ghi thông tin “Hãng, nơi sản xuất/Manufacturer, place of manufacturing” và chú thích “(2)”		
1	Tất cả các trường hợp	Chỉ ghi tên HSX	Ví dụ về cách ghi: - Nơi sản xuất/ <i>Place of manufacturing</i> : China - Thông tin về hãng sản xuất, nơi sản xuất do đơn vị được cấp giấy chứng nhận tự khai báo và chịu trách nhiệm/ <i>The information about manufacturer and place of manufacturing based on the declaration and responsibility of the certificate holder</i> . (Nơi sản xuất chỉ ghi thông tin tiếng Anh của xuất xứ, VD: xuất xứ Trung Quốc thì ghi thành “China”).
III	Cách ghi thông tin “Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn/Complies with” và chú thích “(3)” Chỉ sử dụng nếu cần làm rõ thông tin về việc sản phẩm áp dụng quy định ngưng một phần QCVN (VD: ngưng đo kiểm trong điều kiện khắc nghiệt, ...)		
1	Trường hợp chỉ có 01 QCVN áp dụng	Ghi số hiệu QCVN	Ví dụ về cách ghi:

pb

	quy định ngưng		QCVN 117:2023/BTTTT: Áp dụng mục 1.1.1 Phụ lục I Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29/03/2024; Không bao gồm các yêu cầu kỹ thuật tại Phụ lục C của QCVN 117:2023/BTTTT/Refer to article 1.1.1 Annex I Circular 02/2024/TT-BTTTT dated Mar 29, 2024; Not including the technical requirements in Annex C of QCVN 117:2023/BTTTT.
2	Trường hợp có nhiều QCVN áp dụng quy định ngưng		<p>Ví dụ về cách ghi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - QCVN 117:2023/BTTTT: Áp dụng mục 1.1.1 Phụ lục I Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29/03/2024; Không bao gồm các yêu cầu kỹ thuật tại Phụ lục C của QCVN 117:2023/BTTTT/Refer to article 1.1.1 Annex I Circular 02/2024/TT-BTTTT dated Mar 29, 2024; Not including the technical requirements in Annex C of QCVN 117:2023/BTTTT; - QCVN 54:2020/BTTTT: Áp dụng mục 2.3 Phụ lục I Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29/03/2024/Refer to article 2.3 Annex I Circular 02/2024/TT-BTTTT dated Mar 29, 2024
IV	Ghi thông tin “Giấy chứng nhận hợp quy này được cấp trên cơ sở Kết quả đo kiểm số/The Certificate is in reference to Test report No.” và chú thích “(4)”		
1	Trường hợp chỉ có 01 KQĐK/01 phòng đo kiểm	Không ghi thông tin	<p>Ví dụ về cách ghi: Kết quả đo kiểm số/Test Report No.: 240308.22-TN ngày 15/03/2024 của Trung tâm Kỹ thuật thuộc Cục Tần số Vô tuyến điện/240308.22-TN dated Mar 15, 2024 by Technical Center-The Authority of Radio Frequency Management</p>
2	Trường hợp chỉ có nhiều KQĐK/01 phòng đo kiểm		<p>Ví dụ về cách ghi: Kết quả đo kiểm số/Test Report No.: 240308.22-TN ngày 15/03/2024; 240119.03-TN ngày 04/03/2024 của Trung tâm Kỹ thuật thuộc Cục Tần số Vô tuyến điện/240308.22-TN dated Mar 15, 2024; 240119.03-TN dated Mar 04, 2024 by Technical Center-The Authority of Radio Frequency Management</p>
3	Trường hợp có nhiều KQĐK của nhiều phòng đo kiểm		<p>Ví dụ về cách ghi: Kết quả đo kiểm số/Test Report No.:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 240308.22-TN ngày 15/03/2024; 240119.03-TN ngày 04/03/2024 của Trung tâm Kỹ thuật thuộc Cục Tần số Vô tuyến điện/240308.22-TN dated Mar 15, 2024; 240119.03-TN dated Mar 04, 2024 by Technical

Handwritten mark

			Center-The Authority of Radio Frequency Management - DVRRFQCN2403-0315 ngày 05/03/2024 của Công ty Cổ phần DT&C VINA/DVRRFQCN2403-0315 dated Mar 05, 2024 by DT&C VINA JSC.
V	Ghi thông tin “Hiệu lực của Giấy chứng nhận/Validity of the certificate” và chú thích “(5)”		
1	Tất cả các trường hợp		Ví dụ về cách ghi: Thông tin của lô hàng/ <i>Information of lottery:</i> Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu số 5038/CVT-TT2 ngày 16/07/2025; Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan) số 107369035913 ngày 25/07/2025; Số lượng sản phẩm thuộc lô hàng: 06 <i>Registration for quality inspection No. 5038/CVT-TT2 dated Jul 16, 2025; Import Declaration No. 107369035913 dated Jul 25, 2025; Number of products in the lottery: 06</i>
VI	Ghi thông tin chú thích “(6)” Phương thức CNHQ		
	Trước ngày 25/5/2026		Theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012. / <i>According to Circular No. 28/2012/TT-BKHCN dated Dec 12, 2012.</i>
	Kê từ ngày 25/5/2026		Theo Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT ngày 15/11/2018 và Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT ngày 07/05/2020. / <i>According to Circular No. 30/2011/TT-BTTTT dasted Oct 31, 2011 amended and supplemented by Circular No. 15/2018/TT-BTTTT dated Nov 15, 2018 and Circular No. 10/2020/TT-BTTTT dated May 07, 2020.</i>
VII	Cách ghi một số thông tin khác		
1	Cách ghi ngày, tháng, năm trên giấy CNHQ	Ghi theo định dạng tiếng Việt là dd/mm/yyyy (VD: 18/10/2024) và tiếng Anh là mm dd, yyy (VD: Oct 18, 2024).	
2	Cách ghi Nơi cấp/ <i>Place of Issue</i>	- Hà Nội/ <i>Ha Noi</i>	
3	Cách ghi tên phòng đo kiểm	Ghi theo thông tin trên Quyết định chỉ định/thừa nhận. Đối với phòng đo kiểm được chỉ định, tên tiếng Anh lấy theo thông tin trên đăng ký kinh doanh.	
4	Cách ghi thông tin tên, địa chỉ của	Trường hợp tài liệu kèm hồ sơ chỉ thể hiện các thông tin này bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt thì	

16

	HSX/nhà máy gia công và tên của đơn vị được cấp giấy CNHQ	trên giấy CNHQ cũng chỉ thể hiện các thông tin này theo đúng ngôn ngữ tại tài liệu kèm theo hồ sơ.
5	Cách đánh số các ghi chú	Trường hợp giấy CNHQ không có nội dung phải làm rõ về ký hiệu sản phẩm và QCVN thì xóa bỏ các ghi chú (1), (3) và đánh lại số thứ tự các ghi chú để đảm bảo tính liên tục.
VII	Lưu ý	Trong thực tế, nếu phát sinh các trường hợp không phù hợp với các hướng dẫn nêu trên, đề nghị các đơn vị gửi thông tin về Phòng Chứng nhận để tổng hợp và đề xuất cách ghi thống nhất.

nb

QT-HD05: HƯỚNG DẪN CẤP GIẤY CNHQ CHO SẢN PHẨM, HÀNG HÓA THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA QUY CHUẨN KỸ THUẬT NHƯNG KHÔNG THUỘC “DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG BẮT BUỘC PHẢI CNHQ VÀ CÔNG BỐ HỢP QUY”

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

1. Đối tượng được cấp giấy CNHQ

Đối tượng bao gồm:

- Là sản phẩm, hàng hóa không thuộc Danh mục bắt buộc phải CNHQ và công bố hợp quy nhưng thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN và phạm vi chứng nhận mà Trung tâm được chỉ định.
- Là sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa bắt buộc phải công bố hợp quy.

2. Nguyên tắc xử lý hồ sơ và cấp giấy CNHQ

- Thành phần hồ sơ: tương tự như đối với trường hợp CNHQ bắt buộc.
- Yêu cầu phải thực hiện thông qua Hợp đồng dịch vụ CNHQ (biểu mẫu QT-BM16)
- Trình tự xử lý: tương tự như đối với trường hợp CNHQ bắt buộc.
- Mẫu Giấy CNHQ: áp dụng các mẫu Giấy CNHQ tại biểu mẫu QT-BM02-04 (đối với Phương thức 1), QT-BM02-05 (đối với Phương thức 5) và QT-BM02-06 (đối với Phương thức 7). Cách ghi các thông tin trên Giấy CNHQ áp dụng theo QT-HD02 (đối với Phương thức 1), QT-HD03 (đối với Phương thức 5), QT-HD04 (đối với Phương thức 7).
- Nguyên tắc đánh số Giấy CNHQ áp dụng theo QT-QĐ01, tuy nhiên số thứ tự Giấy CNHQ “NNNN” là dãy số cấp riêng, độc lập với dãy số thứ tự cấp cho sản phẩm bắt buộc phải CNHQ.
- Thời gian xử lý hồ sơ: tương tự như đối với trường hợp CNHQ bắt buộc.
- Phương án cấp giấy CNHQ: trên giấy CNHQ chỉ thể hiện QCVN không bắt buộc phải CNHQ. Ký hiệu của giấy CNHQ theo hướng dẫn QT-QĐ01.
- Cách tính phí dịch vụ CNHQ: xem hướng dẫn QT-HD09.

QT-HD06: HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ PHÔI GIẤY

CHỨNG NHẬN HỢP QUY

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

106./QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5. năm 2026)

1. Phôi giấy chứng nhận hợp quy

- Phôi giấy chứng nhận hợp quy: là phôi giấy được Trung tâm thiết kế độc quyền và in để sử dụng trong hoạt động CNHQ của Trung tâm. Trên mỗi phôi giấy có gắn kèm số serial để quản lý, giám sát việc sử dụng.
- Phòng Chứng nhận là đơn vị trực tiếp thực hiện việc in giấy CNHQ và quản lý phôi giấy.

2. Hủy phôi giấy hỏng

- Trong quá trình in giấy CNHQ, trường hợp có phôi giấy CNHQ bị hỏng (phôi giấy lỗi hoặc bị hỏng khi in), Phòng Chứng nhận đánh dấu và để riêng các phôi giấy này để thực hiện thủ tục hủy theo định kỳ vào Thứ 2 của tuần làm việc đầu tiên hàng năm (Phòng tổng hợp thông tin của các phôi giấy hỏng của năm trước đó theo biểu mẫu tại phụ lục I trình Lãnh đạo trung tâm để đề xuất hủy).

PHỤ LỤC I: MẪU PHIẾU ĐỀ XUẤT HỦY PHÔI GIẤY

CHỨNG NHẬN HỢP QUY

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD06)

CỤC VIỆN THÔNG

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG

ĐỀ XUẤT HỦY CÁC PHÔI GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Kính gửi: (Lãnh đạo Trung tâm)

Căn cứ theo quy định tại "Quy trình chứng nhận hợp quy" ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TTĐLCL ngày .../.../20... của Giám đốc Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông, Phòng Hành chính – Tổng hợp xin báo cáo và đề xuất hủy các phôi giấy hỏng theo danh sách tại bảng sau:

STT	Số Serial phôi giấy hỏng	Lý do phôi hỏng
1		
2		
3		
...		

Trân trọng./.

..., ngày ... tháng ... năm 20...

Đại diện Phòng Chứng nhận

Ý KIẾN CỦA LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM

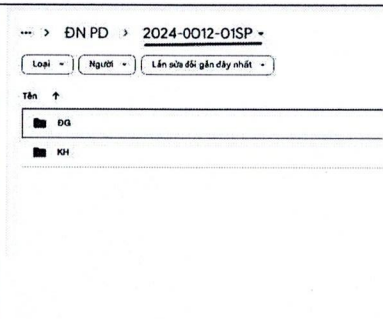
.....
.....
.....

QT-HD07: HƯỚNG DẪN PHÊ DUYỆT HỒ SƠ TẬP TRUNG



(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số 106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5. năm 2026)

STT	Tên thư mục, vị trí và mô tả.	Các thư mục con + file, cách đặt tên.	Quyền truy cập	File mẫu kèm theo/Minh họa
	<ul style="list-style-type: none"> - Tên: CNHQ - Vị trí: Server; Mô tả: Thư mục chứa tất cả dữ liệu phục vụ việc tiếp nhận, phê duyệt hồ sơ CNHQ, báo cáo kết quả CNHQ 	05 Thư mục con (1) TN (2) MB (3) MT (4) MN (5) BC	Toàn bộ nhân sự tham gia công tác CNHQ: <i>download</i>	
1.	<ul style="list-style-type: none"> (1) Tên: MB - Vị trí: Server\CNHQ\ - Mô tả: Thư mục dữ liệu hồ sơ CNHQ trong quá trình xem xét phê duyệt của Phòng Chứng nhận (2) Tên: MT - Vị trí: Server\CNHQ\ - Mô tả: Thư mục dữ liệu hồ sơ CNHQ trong quá trình xem xét phê duyệt của Chi nhánh MT (3) Tên: MN - Vị trí: Server\CNHQ\ - Mô tả: Thư mục dữ liệu hồ sơ CNHQ trong quá trình xem xét phê duyệt của Chi nhánh MN 	03 thư mục con (1) ĐN PD (2) PD (3) TV (4) KT (5) KQ (6) CHS – chỉ có trong các thư mục “MT” và “MN”	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhân sự được giao nhiệm vụ xử lý/thẩm định/phê duyệt tại từng khu vực: (edit/upload/download) - Toàn bộ nhân sự tham gia công tác CNHQ: <i>download</i> 	

29

STT	Tên thư mục, vị trí và mô tả.	Các thư mục con + file, cách đặt tên.	Quyền truy cập	File mẫu kèm theo/Minh họa
	- Mô tả: Thư mục dữ liệu hồ sơ CNHQ trong quá trình xem xét phê duyệt của Chi nhánh MN			
1.1	- Tên: ĐN PD - Vị trí: Server\CNHQ\MB; Mô tả: Thư mục dữ liệu hồ sơ CNHQ trong quá trình xem xét phê duyệt của Phòng Chứng nhận - Vị trí: Server\CNHQ\MT; Mô tả: Thư mục dữ liệu hồ sơ CNHQ trong quá trình xem xét phê duyệt của Chi nhánh MT - Vị trí: Server\CNHQ\MN; Mô tả: Thư mục dữ liệu hồ sơ CNHQ trong quá trình xem xét phê duyệt của Chi nhánh MN	- Các thư mục con là các hồ sơ đã thực hiện việc đánh giá, thẩm định và xem xét phê duyệt. - Tên thư mục: YYYY-AAAA-BBSP, trong đó YYYY là năm nhận hồ sơ; AAAA là số hồ sơ; BB là số lượng sản phẩm thuộc hồ sơ đề nghị phê duyệt. <i>Ví dụ: 2024-0012-03SP: Hồ sơ số 0012 năm 2024 có 03 sản phẩm đủ điều kiện cấp giấy của Phòng Chứng nhận đã đánh giá + thẩm định đề nghị LĐ Trung tâm phê duyệt.</i> - Đối với các hồ sơ phải phê duyệt nhiều lần, tên thư mục sẽ thêm hậu tố -v2, -v3, ...	- Các nhân sự được giao nhiệm vụ xử lý/thẩm định/phê duyệt tại từng khu vực: (edit/upload/download) - Toàn bộ nhân sự tham gia công tác CNHQ: <i>download</i>	
1.1.1	Tên: YYYY-AAAA-BBSP - Vị trí: Server\CNHQ\MB\ĐN PD; Mô tả: Thư mục chứa bộ hồ sơ của khách hàng hồ sơ CNHQ trong quá trình xem xét phê duyệt của Phòng Chứng nhận. - Vị trí: Server\CNHQ\MT\ĐN PD; Mô tả: Thư mục chứa bộ hồ sơ của khách hàng hồ sơ CNHQ trong quá trình xem xét phê duyệt của Chi nhánh MT	02 Thư mục con (1) KH (2) ĐG	- Các nhân sự được giao nhiệm vụ xử lý/thẩm định/phê duyệt tại từng khu vực: (edit/upload/download) - Toàn bộ nhân sự tham gia công tác CNHQ: <i>download</i>	 <p>... > ĐN PD > 2024-0012-01SP - Loại - Người - Liên hệ để gắn đầy nhất - Tên ↑ ĐG KH</p>

Handwritten signature

STT	Tên thư mục, vị trí và mô tả.	Các thư mục con + file, cách đặt tên.	Quyền truy cập	File mẫu kèm theo/Minh họa
	- Vị trí: Server\CNHQ\MN\ĐN PD\YYYY-AAAA-BBSP; Mô tả: Thư mục chứa bộ hồ sơ của khách hàng hồ sơ CNHQ trong quá trình xem xét phê duyệt của Chi nhánh MN.	(3) Các dự thảo GCN - Tên file: TT.GCN-ABC, trong đó, TT là số thứ tự tương ứng với số thứ tự sản phẩm đề nghị phê duyệt, ABC là model sản phẩm (4) Thông báo nộp tiền Tên file: TBNT-YYYY-AAAA, trong đó YYYY là năm nhận hồ sơ; AAAA là số hồ sơ.		
1.2	- Tên: PD - Vị trí: Server\CNHQ\MB; Mô tả: Thư mục dữ liệu hồ sơ CNHQ đã được Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt của Phòng Chứng nhận - Vị trí: Server\CNHQ\MT; Mô tả: Thư mục dữ liệu hồ sơ CNHQ đã được Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt của Chi nhánh MT - Vị trí: Server\CNHQ\MN; Mô tả: Thư mục dữ liệu hồ sơ CNHQ đã được Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt của Chi nhánh MN	Các thư mục con + file, cách đặt tên tương tự như thư mục ĐN PD. - Đối với phiếu đề nghị phê duyệt hồ sơ, LĐ Trung tâm có ý kiến nhất trí kèm theo thông tin về số GCN và số Thông báo nộp tiền được cấp.	- Các nhân sự được giao nhiệm vụ xử lý/thẩm định/phê duyệt tại từng khu vực: (edit/upload/download) - Toàn bộ nhân sự tham gia công tác CNHQ: <i>download</i>	 PD-2024-0123.xlsx
1.3	- Tên: TV - Vị trí: Server\CNHQ\MB; Mô tả: Thư mục dữ liệu hồ sơ CNHQ đã được Lãnh đạo Trung tâm xem xét nhưng không phê duyệt của Phòng Chứng nhận - Vị trí: Server\CNHQ\MT; Mô tả: Thư mục dữ liệu hồ sơ CNHQ đã được	Các thư mục con + file, cách đặt tên tương tự như thư mục ĐN PD. - Đối với phiếu đề nghị phê duyệt hồ sơ, LĐ Trung tâm có ý kiến nhất trí kèm theo thông tin về số GCN và số Thông báo nộp tiền được cấp.	- Các nhân sự được giao nhiệm vụ xử lý/thẩm định/phê duyệt tại từng khu vực: (edit/upload/download) - Toàn bộ nhân sự tham gia công tác CNHQ: <i>download</i>	 PD-2024-0123.xlsx

90

STT	Tên thư mục, vị trí và mô tả.	Các thư mục con + file, cách đặt tên.	Quyền truy cập	File mẫu kèm theo/Minh họa
	- Ví trí: Server\CNHQ\MN\ĐN PD; Mô tả: Thư mục chứa bộ hồ sơ của khách hàng hồ sơ CNHQ trong quá trình xem xét phê duyệt của Chi nhánh MN			
1.1.1.1	Tên: KH - Ví trí: Server\CNHQ\MB\ĐN PD\YYYY-AAAA-BBSP; Mô tả: Thư mục chứa bộ hồ sơ của khách hàng hồ sơ CNHQ trong quá trình xem xét phê duyệt của Phòng Chứng nhận. Ví trí: Server\CNHQ\MT\ĐN PD\YYYY-AAAA-BBSP; Mô tả: Thư mục chứa bộ hồ sơ của khách hàng hồ sơ CNHQ trong quá trình xem xét phê duyệt của Chi nhánh MT. Ví trí: Server\CNHQ\MN\ĐN PD\YYYY-AAAA-BBSP; Mô tả: Thư mục chứa bộ hồ sơ của khách hàng hồ sơ CNHQ trong quá trình xem xét phê duyệt của Chi nhánh MN.	<i>Thư mục có thể chứa 01 file hoặc nhiều file nhưng để đảm bảo tuân tự sắp xếp theo trình tự:</i> (1) <i>Phiếu tiếp nhận hồ sơ,</i> (2) <i>Văn bản đề nghị CNHQ,</i> (3) <i>Giấy tờ tư cách pháp nhân,</i> (4) <i>Tài liệu kỹ thuật,</i> (5) <i>Tài liệu phương thức,</i> (6) <i>Kết quả đo kiểm,</i> (7) <i>Tài liệu khác, ...</i>	- Các nhân sự được giao nhiệm vụ xử lý/thẩm định/phê duyệt tại từng khu vực: (edit/upload/download) - Toàn bộ nhân sự tham gia công tác CNHQ: <i>download</i>	
1.1.1.2	Tên: ĐG - Ví trí: Server\CNHQ\MB\ĐN PD\YYYY-AAAA-BBSP; Mô tả: Thư mục chứa bộ hồ sơ của khách hàng hồ sơ CNHQ trong quá trình xem xét phê duyệt của Phòng Chứng nhận. - Ví trí: Server\CNHQ\MT\ĐN PD\YYYY-AAAA-BBSP; Mô tả: Thư mục chứa bộ hồ sơ của khách hàng hồ sơ CNHQ trong quá trình xem xét phê duyệt của Chi nhánh MT.	Bao gồm các file như sau: (1) <i>Phiếu đề nghị phê duyệt hồ sơ (theo mẫu)</i> - Tên file: PD-YYYY-AAAA trong đó YYYY là năm nhận hồ sơ; AAAA là số hồ sơ (2) <i>Các phiếu đánh giá</i> - Tên file: TT. PĐG-ABC, trong đó, TT là số thứ tự tương ứng với số thứ tự sản phẩm đề nghị phê duyệt, ABC là model sản phẩm	- Các nhân sự được giao nhiệm vụ xử lý/thẩm định/phê duyệt tại từng khu vực: (edit/upload/download) - Toàn bộ nhân sự tham gia công tác CNHQ: <i>download</i>	

Handwritten signature or mark in blue ink.

STT	Tên thư mục, vị trí và mô tả.	Các thư mục con + file, cách đặt tên.	Quyền truy cập	File mẫu kèm theo/Minh họa
	CNHQ của Phòng Chứng nhận vào xử lý tại Chi nhánh MT. - Vị trí: Server\CNHQ\MN; Mô tả: Thư mục dùng để LĐTĐ luân chuyển hồ sơ CNHQ của Phòng Chứng nhận vào xử lý tại Chi nhánh MN			

26

STT	Tên thư mục, vị trí và mô tả.	Các thư mục con + file, cách đặt tên.	Quyền truy cập	File mẫu kèm theo/Minh họa
	Lãnh đạo Trung tâm xem xét nhưng không phê duyệt của Chi nhánh MT - Ví trí: Server\CNHQ\MN; Mô tả: Thư mục dữ liệu hồ sơ CNHQ đã được Lãnh đạo Trung tâm xem xét nhưng không phê duyệt của Chi nhánh MN			
1.4	- Tên: KT - Ví trí: Server\CNHQ\MB; Mô tả: Thư mục lưu hồ sơ CNHQ đã được Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt của Phòng Chứng nhận - Ví trí: Server\CNHQ\MT; Mô tả: Thư mục lưu hồ sơ CNHQ đã được Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt của Chi nhánh MT - Ví trí: Server\CNHQ\MN; Mô tả: Thư mục lưu hồ sơ CNHQ đã được Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt của Chi nhánh MN		Toàn bộ nhân sự tham gia công tác CNHQ: <i>download</i>	
1.5	- Tên: KQ - Ví trí: Server\CNHQ\MB; Mô tả: Thư mục lưu file scan kết quả xử lý hồ sơ CNHQ của Phòng Chứng nhận. - Ví trí: Server\CNHQ\MT; Mô tả: Thư mục lưu file scan kết quả xử lý hồ sơ CNHQ của Chi nhánh MT - Ví trí: Server\CNHQ\MN; Mô tả: Thư mục lưu file scan kết quả xử lý hồ sơ CNHQ của Chi nhánh MN		Toàn bộ nhân sự tham gia công tác CNHQ: <i>download</i>	
1.6	- Tên: CHS - Ví trí: Server\CNHQ\MT; Mô tả: Thư mục dùng để LĐTĐ luân chuyển hồ sơ		Toàn bộ nhân sự tham gia công tác CNHQ: <i>download</i>	

**QT-HD08: HƯỚNG DẪN XEM XÉT HIỆU LỰC CỦA
GIẤY CHỨNG NHẬP HỢP QUY ĐÃ CẤP**

*(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số
106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5. năm 2026)*

I. Đối với giấy CNHQ đã cấp theo Phương thức 1

Các đơn vị chủ động giám sát hiệu lực của chứng chỉ ISO đối với các GCN đã cấp theo Phương thức 1. Trên cơ sở danh sách các GCN có chứng chỉ ISO đã hết hiệu lực (và các GCN có chứng chỉ ISO còn hiệu lực 30 ngày, chủ động thông báo cho khách hàng (qua email hoặc điện thoại) để bổ sung bằng chứng duy trì hiệu lực của chứng chỉ ISO trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thông báo.

- Doanh nghiệp cần có văn bản gửi Trung tâm cung cấp bằng chứng duy trì hiệu lực của chứng chỉ ISO đối với GCN nào, nhà máy nào để Trung tâm xem xét, xử lý.

Có các trường hợp cụ thể sau:

1.1. Doanh nghiệp không gửi văn bản cung cấp bằng chứng duy trì hiệu lực chứng chỉ ISO

Trường hợp doanh nghiệp không gửi văn bản cung cấp bằng chứng duy trì hiệu lực của chứng chỉ ISO thì được hiểu là không có nhu cầu duy trì hiệu của GCN. Khi đó sẽ cập nhật trạng thái GCN như sau:

+ Nếu có nhiều site thì site nào có chứng chỉ ISO hết hạn sẽ cập nhật trạng thái hủy hiệu lực đối với site đó;

+ Nếu tất cả các site trên GCN có chứng chỉ ISO hết hạn sẽ cập nhật trạng thái hủy hiệu lực đối với GCN đó.

1.2. Doanh nghiệp có văn bản gửi bằng chứng duy trì hiệu lực chứng chỉ ISO

Trường hợp doanh nghiệp có văn bản cung cấp bằng chứng duy trì hiệu lực của chứng chỉ ISO thì đơn vị nào đã đánh giá, cấp GCN sẽ tiếp tục xử lý văn bản này của doanh nghiệp. Có 2 trường hợp:

a. Trường hợp 1:

Bằng chứng duy trì hiệu lực của chứng chỉ ISO phù hợp thì đơn vị xử lý cập nhật file dữ liệu thông tin ISO và trạng thái GCN (trong đó có gửi đầu mối theo dõi dữ

liệu của từng đơn vị để tổng hợp, gửi đầu mỗi quản trị dữ liệu CNHQ của Trung tâm (CNMT) cập nhật trên hệ thống).

b. Trường hợp 2:

- Bằng chứng duy trì hiệu lực của chứng chỉ ISO không phù hợp thì đơn vị xử lý có văn bản thông báo trình Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt để gửi doanh nghiệp (thời hạn bổ sung, hoàn thiện trong 5 ngày kể từ ngày ký văn bản);

- Nếu doanh nghiệp bổ sung bằng chứng và được đánh giá phù hợp thì xử lý tương tự như trường hợp 1;

- Nếu doanh nghiệp bổ sung không phù hợp hoặc không bổ sung thì sẽ hủy hiệu lực của GCN (nếu tất cả các site trên GCN không duy trì hiệu lực của chứng chỉ ISO) hoặc hủy hiệu lực đối với site không duy trì hiệu lực của chứng chỉ ISO. Đơn vị xử lý có phiếu đánh giá, dự thảo văn bản trả lời và thông báo phí đánh giá giám sát gửi doanh nghiệp;

- Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu cấp lại GCN mới loại bỏ nhà máy sản xuất có chứng chỉ ISO hết hạn thì cần nộp hồ sơ để Trung tâm xem xét cấp lại GCN thay thế GCN cũ và hiệu lực theo hiệu lực của GCN cũ (trường hợp này chỉ thu phí cấp GCN theo mức phí quy định).

- Trường hợp doanh nghiệp có văn bản đề nghị gia hạn thời gian bổ sung chứng chỉ ISO mới thì cập nhật trạng thái GCN sang "chờ xem xét", nếu trong thời gian 30 ngày kể từ khi chứng chỉ ISO hết hạn mà không bổ sung chứng chỉ ISO mới phù hợp thì cập nhật trạng thái "hủy hiệu lực". Nếu doanh nghiệp cung cấp bằng chứng duy trì chứng chỉ ISO phù hợp thì đơn vị xử lý thực hiện giống như trường hợp 1. Trường hợp chứng chỉ ISO không phù hợp thì đơn vị xử lý có văn bản thông báo, nếu doanh nghiệp bổ sung và được đánh giá phù hợp thì xử lý tương tự như trên, nếu không phù hợp hoặc không bổ sung thì sẽ hủy hiệu lực của GCN và cập nhật trạng thái này của GCN trên hệ thống.

II. Đối với Giấy CNHQ đã cấp theo Phương thức 5

1. Lập kế hoạch giám sát

- Việc giám sát được thực hiện theo kế hoạch định kỳ được lập hàng Quý.

- Người được giao lập kế hoạch giám sát lập kế hoạch giám sát (biểu mẫu tại Phụ lục 2) và dự thảo Phiếu trình (biểu mẫu tại Phụ lục 3) và trình Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt trước ngày làm việc đầu tiên của tháng cuối cùng của Quý trước đó.

2. Gửi công văn thông báo kế hoạch giám sát

Người được phân công xử lý hồ sơ giám sát (NXL) dự thảo công văn thông báo (biểu mẫu tại Phụ lục 4) gửi khách hàng trước 10 ngày làm việc tính đến thời điểm giám sát nêu tại văn bản và yêu cầu trả lời trước 03 ngày làm việc tính đến thời điểm giám sát.

3. Xem xét phản hồi của khách hàng

STT	Mô tả trường hợp	Thực hiện
Trường hợp 1	Khách hàng có văn bản phản hồi đúng thời hạn và nhất trí với kế hoạch của Trung tâm	Thực hiện tiếp Bước 3
Trường hợp 2	Khách hàng có văn bản phản hồi đúng thời hạn và nhất trí với chương trình đánh giá của Trung tâm nhưng đề xuất việc đánh giá đến thời điểm mới nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày cấp giấy CNHQ hoặc lần giám sát trước đó.	Thực hiện tiếp Bước 3
Trường hợp 3	Khách hàng có văn bản phản hồi đúng thời hạn và nhất trí với chương trình đánh giá của Trung tâm nhưng đề xuất việc đánh giá đến thời điểm mới nhưng vượt quá 12 tháng kể từ ngày cấp giấy CNHQ hoặc lần giám sát trước đó.	NXL báo cáo, xin ý kiến Lãnh đạo Trung tâm để: - Nếu Lãnh đạo Trung tâm nhất trí với đề xuất của khách hàng: Thực hiện tiếp theo Bước 3; - Nếu không: Lập Phiếu đề xuất theo biểu mẫu QT-BM12 trình Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt việc công bố giấy CNHQ hết hiệu lực lên website www.vnta.gov.vn .
Trường hợp 4	Khách hàng không phản hồi đúng thời hạn yêu cầu hoặc có văn bản thông báo đã dừng sản xuất sản phẩm đã được cấp giấy CNHQ	Lập Phiếu đề xuất theo biểu mẫu QT-BM12 trình Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt việc công bố giấy CNHQ hết hiệu lực lên

4. Đánh giá giám sát và lấy mẫu

- NXL lập dự thảo Thông báo nộp tiền đánh giá giám sát và lấy mẫu (thực hiện theo Hướng dẫn QT-HD09) trình Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt. Chỉ thực hiện đánh giá, lấy mẫu sau khi khách hàng đã nộp tiền đầy đủ;

- Thực hiện việc chuẩn bị đánh giá, đánh giá quá trình sản xuất, lấy mẫu, xem xét hành động khắc phục và đánh giá KQĐK tương tự theo các bước nêu tại Hướng dẫn QT-HD03.

- Các trường hợp phải thực hiện việc đánh giá và/hoặc lấy mẫu bổ sung, NXL lập dự thảo Thông báo nộp tiền bổ sung (thực hiện theo Hướng dẫn QT-HD09, ghi rõ công việc cần thực hiện bổ sung) trình Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt. Chỉ thực hiện công việc bổ sung sau khi khách hàng đã nộp tiền.

5. Đánh giá kết quả giám sát

- Trường hợp quá trình sản xuất vẫn được duy trì như khi cấp giấy CNHQ lần đầu hoặc lần giám sát trước đó và KQĐK cho thấy sản phẩm mẫu hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của QCVN: NXL lập báo cáo kết quả giám sát (biểu mẫu tại Phụ lục 5), dự thảo công văn thông báo kết quả giám sát (biểu mẫu tại Phụ lục 6) và dự thảo Thông báo nộp tiền cấp kết luận giám sát (thực hiện theo Hướng dẫn QT-HD09) trình Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt;

- Trường hợp quá trình sản xuất không được duy trì như khi cấp giấy CNHQ lần đầu hoặc lần giám sát trước đó hoặc KQĐK cho thấy sản phẩm mẫu không hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của QCVN: NXL lập báo cáo kết quả giám sát (biểu mẫu tại Phụ lục 5), dự thảo Quyết định thu hồi giấy CNHQ và quyền sử dụng dấu hợp quy (biểu mẫu QT-BM13) trình Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt. Sau đó, NXL lập Phiếu đề xuất theo biểu mẫu QT-BM12 và trình Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt để công bố giấy CNHQ hết hiệu lực lên website www.vnta.gov.vn.

6. Trả kết quả giám sát

- Trường hợp cấp kết luận giám sát: NXL trả khách hàng 01 bản chính công văn thông báo kết quả giám sát và 01 bản chính Thông báo nộp tiền cấp kết luận giám sát. Chỉ trả kết quả sau khi khách hàng đã nộp tiền;

- Trường hợp không cấp kết luận giám sát: NXL trả khách hàng 01 bản chính Quyết định thu hồi giấy CNHQ và quyền sử dụng dấu hợp quy.

**PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC GIẤY CNHQ THEO PHƯƠNG THỨC 1 CÓ CHỨNG CHỈ
CHỨNG NHẬN HT QLCL SẮP HẾT HIỆU LỰC**

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD08)

BÁO CÁO

Danh sách giấy CNHQ theo Phương thức 1 có chứng chỉ chứng nhận

HT QLCL sắp hết hiệu lực

(Giai đoạn: từ ... đến ...)

Kính gửi: Phòng Chứng nhận

STT	Thông tin Giấy chứng nhận đã cấp								Thông tin chứng chỉ ISO			
	Số GCN	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Hãng sản xuất	Nơi sản xuất	Ngày cấp	Ngày hết hạn	Trạng thái (còn hiệu lực/hết hiệu lực)	Số chứng chỉ ISO	Đơn vị được cấp/đơn vị sản xuất đã đánh giá CNHQ	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1												
2												
3												

Người làm báo cáo

Trưởng đơn vị

ga

PHỤ LỤC 2: MẪU KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ (PHƯƠNG THỨC 5)

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD08)

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT
LƯỢNG VIÊN THÔNG
(ĐƠN VỊ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ
ĐỐI VỚI SẢN PHẨM ĐÃ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY THEO PHƯƠNG THỨC 5
(QUÝ ... NĂM ...)

STT	Tên doanh nghiệp chịu giám sát	Tên sản phẩm được giám sát	Ký hiệu	Hãng sản xuất	Số Giấy CNHQ	Ngày cấp
1						
2						

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ

Nơi nhận

- Lưu (Đơn vị).

MB

PHỤ LỤC 3: MẪU KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ (PHƯƠNG THỨC 5)

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD08)

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỄN THÔNG
(ĐƠN VỊ)

Số: /PTr-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU TRÌNH

Về việc triển khai kế hoạch giám sát sau chứng nhận hợp quy
Quý ... năm 20...

Kính gửi: ...

Ý kiến phê duyệt của ...

Nội dung trình

1. Lý do trình

Thực hiện theo “Trình tự thực hiện giám sát sau chứng nhận hợp quy” tại Điều ... của Quy trình chứng nhận hợp quy ban hành kèm theo Quyết định số ... ngày ... của Giám đốc Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông, (Đơn vị) xin báo cáo ... như sau:

2. Nội dung trình

(Đơn vị) đã rà soát các sản phẩm đề nghị chứng nhận theo Phương thức 5 và được cấp giấy chứng nhận hợp quy (CNHQ) vào Quý ... năm 20..., theo đó có ... tổ chức, cá nhân được cấp giấy CNHQ:

- ...

Danh sách giấy CNHQ theo Phương thức 5 Quý ... năm 20... kèm theo.

3. Đề xuất

Trên cơ sở nội dung đã rà soát, (Đơn vị) đề xuất kế hoạch giám sát định kỳ đối với các sản phẩm đã được cấp giấy CNHQ theo Phương thức 5 vào Quý ... năm 20... (dự thảo kế hoạch kèm theo).

Phòng kính trình ... phê duyệt.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: CN.

PHỤ TRÁCH ĐƠN VỊ

Nguyễn Văn A
Chuyên viên soạn thảo: ...

Các tài liệu trình kèm:

- Danh sách giấy CNHQ đã cấp theo Phương thức 5 trong Quý .../20...;
- Dự thảo kế hoạch giám sát định kỳ Quý .../20....

**PHỤ LỤC 4: MẪU CÔNG VĂN THÔNG BÁO KẾ HOẠCH GIÁM SÁT
(PHƯƠNG THỨC 5)**

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD08)

**CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GSĐK-TTĐLCL-...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO

Về việc Giám sát đối với sản phẩm đã được chứng nhận hợp quy

Kính gửi: ...

Địa chỉ: ...

Thực hiện quy định về giám sát đối với sản phẩm đã được chứng nhận hợp quy theo Phương thức 5 nêu tại Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư số 15/2011/TT-BTTTT ngày 15/11/2018 và Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT ngày 07/05/2020, Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông báo kế hoạch giám sát định kỳ đối với sản phẩm sau:

1. Sản phẩm được giám sát:

STT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Hãng sản xuất	Số GCN	Ngày cấp
1
2

2. Đoàn giám sát gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

- Ông/Bà: ... – Trưởng đoàn

- Ông/Bà: ... – Thành viên

3. Thời gian thực hiện: Ngày ...

4. Nội dung giám sát: Đánh giá quá trình sản xuất, lấy mẫu và niêm phong mẫu.

Đề nghị Quý Công ty cho ý kiến về kế hoạch nêu trên trước ngày ...

Trường hợp Quý Công ty không có ý kiến trước ngày ... hoặc sản phẩm được chứng nhận hợp quy đã dừng sản xuất, Trung tâm sẽ không thực hiện việc giám sát và sẽ thực hiện thủ tục công bố giấy chứng nhận hợp quy số ... của Quý Công ty hết hiệu lực kể từ ngày ... lên website www.vnta.gov.vn.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, hồ sơ.

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ



**PHỤ LỤC 5: MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT
(PHƯƠNG THỨC 5)**

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD08)

**CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG
BÁO CÁO**

Kết quả giám sát đảm bảo chất lượng sản phẩm chứng nhận hợp quy
(Theo Thông báo giám sát số ... ngày ...)

1. Tên tổ chức, cá nhân:

2. Đoàn giám sát gồm:

Ông/Bà:		- (Chức vụ)		- Trưởng đoàn
Ông/Bà:		- (Chức vụ)		- Thành viên

3. Thời gian thực hiện: từ ngày ... đến ngày ...

4. Danh sách sản phẩm được giám sát:

STT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Hãng sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày cấp/Ngày giám sát trước	Kết luận (Đạt/Không đạt)	Lý do
1.							
2.							

5. Kiến nghị:

..., ngày ..., tháng ... năm 20...

NGƯỜI BÁO CÁO

EL

**PHỤ LỤC 6: MẪU CÔNG VĂN THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT
(PHƯƠNG THỨC 5)**

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD08)

**CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../KLGS-TTĐLCL-...

... , ngày ... tháng ... năm 20...

**KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM
(Lần: ...)**

Sản phẩm <i>Product</i>	:	(TÊN SẢN PHẨM) <i>(Product name)</i>
Ký hiệu <i>Model</i>	:	(KÝ HIỆU SẢN PHẨM)
Được sản xuất tại <i>Produced in</i>	:	(TÊN HÃNG SẢN XUẤT) <i>(Manufacture name)</i>
Địa chỉ <i>Address</i>	:	(ĐỊA CHỈ CỦA NƠI SẢN XUẤT) <i>(Manufacture address)</i>
Ngày đánh giá giám sát <i>Date of Monitoring Assessment</i>	:	ngày/tháng/năm mm dd, yyyy
Kết quả đánh giá giám sát <i>Result of Monitoring Assessment</i>	:	Sản phẩm đạt chất lượng theo quy chuẩn đã áp dụng chứng nhận tại Giấy chứng nhận hợp quy số ... ngày ... <i>Re-assessed to comply with standard attached in Certificate No. ... dated ...</i>

**CHỨC DANH NGƯỜI KÝ
(Job title)**



**PHỤ LỤC 7: MẪU CÔNG VĂN THÔNG BÁO DUY TRÌ HIỆU LỰC GCN
SAU GIÁM SÁT (PHƯƠNG THỨC 1)**
(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD08)

**CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTĐLCL-...
V/v duy trì hiệu lực giấy chứng nhận
hợp quy

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

Kính gửi:
Địa chỉ:

Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông đã cấp (các) Giấy chứng nhận hợp quy số ... cho Quý Đơn vị.

Sau khi xem xét, đánh giá (các) chứng chỉ ... (ghi tiêu chuẩn ISO 9001:2015 hoặc tương đương, ví dụ: IATF 16949:2016, ...) số ... ngày cấp ... ngày hết hạn ... do Quý Đơn vị gửi kèm theo văn bản số ... ngày ..., Trung tâm thông báo (các) chứng chỉ này phù hợp để duy trì hiệu lực của (các) giấy chứng nhận nêu trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (đề b/c);
- PCT Nguyễn Anh Cường (đề b/c);
- Giám đốc (đề b/c);
- Lưu: VT,

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Ngọc Dũng



**PHỤ LỤC 8: MẪU CÔNG VĂN THÔNG BÁO HỦY HIỆU LỰC GCN SAU
GIÁM SÁT (PHƯƠNG THỨC 1)**

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD08)

**CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTĐLCL-...
V/v chứng nhận hợp quy

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

Kính gửi:

Địa chỉ:

Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông đã cấp (các) Giấy chứng nhận hợp quy số ... cho Quý Đơn vị.

Giấy chứng nhận số ... được cấp trên cơ sở chứng chỉ ISO 9001:2015/ IATF 16949:2016... số ... cấp ngày ..., hết hạn ngày ... Điều kiện để duy trì hiệu lực của Giấy chứng nhận nêu trên là chứng chỉ ISO 9001:2015/ IATF 16949:2016... phải được duy trì, tuy nhiên Trung tâm chưa nhận được bằng chứng duy trì hiệu lực của chứng chỉ này. Vì vậy, (các) giấy chứng nhận nêu trên sẽ hết hiệu lực kể từ ngày....

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- PCT Nguyễn Anh Cường (để b/c);
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT,

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Ngọc Dũng

QT-HD09: HƯỚNG DẪN THU PHÍ DỊCH VỤ CNHQ

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số
106/QĐ-TTĐLCL ngày 2.5 tháng 5 năm 2026)

I. Báo giá dịch vụ

- Thực hiện theo biểu mẫu tại Phụ lục 1;
- Thời điểm phát hành: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ (phát hành 02 bản, 01 bản gửi khách hàng, 01 bản lưu hồ sơ).
- Báo giá phải liệt kê được toàn bộ loại chi phí cần thiết để thực hiện đối với hồ sơ CNHQ.
- Đối với các trường hợp phát sinh việc đánh giá và/hoặc lấy mẫu tại hiện trường:
 - + Trường hợp khách hàng đề nghị CNHQ trọn gói: trên Báo giá phải liệt kê đầy đủ tất cả các loại chi phí để thực hiện, bao gồm: chi phí CNHQ (xác định theo quy định “Mức hao phí dịch vụ chứng nhận hợp quy sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông” tại Quyết định do Trung tâm ban hành) và các chi phí khác xác định theo Hướng dẫn tại văn bản số 56/HCTH ngày 11/04/2025.
 - + Trường hợp khách hàng không đề nghị CNHQ trọn gói: trên Báo giá chỉ liệt kê chi phí CNHQ, đồng thời phải có nội dung ghi chú về việc báo giá không bao gồm các chi phí khác xác định theo Hướng dẫn tại văn bản số 56/HCTH ngày 11/04/2025.
- Trên báo giá gồm các thông tin:
 - + Chi phí thực hiện: NTN liệt kê toàn bộ các loại chi phí để thực hiện việc CNHQ theo đề nghị của khách hàng.
 - + Đề nghị thanh toán Đợt 1: gồm phí tiếp nhận hồ sơ, phí xem xét phương thức áp dụng, phí xem xét đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, phí lấy mẫu sản phẩm (nếu có), phí đánh giá lô hàng (nếu có), phí đánh giá quá trình sản xuất (nếu có) và các chi phí thực hiện khác xác định theo Hướng dẫn tại văn bản số 56/HCTH ngày 11/04/2025 (nếu có).

+ Các nội dung ghi chú cần thiết.

II. Hợp đồng chứng nhận hợp quy

- Áp dụng trong trường hợp khách hàng có nhu cầu ký hợp đồng;

- Thực hiện theo Biểu mẫu QT-BM16.

III. Chi phí CNHQ

- Sau khi đã hoàn tất việc xử lý hồ sơ, NXL dự thảo Thông báo nộp tiền dịch vụ CNHQ Đợt 2 (theo biểu mẫu tại Phụ lục 2) trình NTĐ, NPD. Sau khi NPD ký duyệt, NXL chuyển bản gốc và 02 bản sao sang bộ phận kế toán để đóng dấu (01 bản trả khách, 01 bản lưu hồ sơ, 01 bản chuyển kế toán Trung tâm).

- Nếu quá trình thực hiện việc CNHQ phát sinh thêm các loại phí khác ngoài báo giá (phí đánh giá và/hoặc lấy mẫu bổ sung) thì phải thể hiện rõ trên Thông báo nộp tiền.

IV. Chi phí giám sát sau CNHQ đối với Phương thức 5

1. Thông báo nộp tiền thực hiện việc giám sát

- Trước khi thực hiện việc giám sát, Trung tâm gửi Thông báo nộp tiền theo biểu mẫu tại Phụ lục 4, liệt kê được toàn bộ các loại phí cần thiết để thực hiện việc giám sát.

- Nếu quá trình thực hiện việc giám sát phát sinh thêm chi phí đánh giá/và hoặc lấy mẫu bổ sung thì lập và gửi Thông báo nộp tiền bổ sung theo biểu mẫu tại Phụ lục 5.

- Tùy theo quy định của Trung tâm trong từng thời kỳ, việc giám sát có thể thực hiện thông qua hình thức trọn gói trên cơ sở thỏa thuận với khách hàng.

2. Thông báo nộp tiền cấp Kết luận giám sát

- Sau khi hoàn tất việc giám sát, Trung tâm phát hành Thông báo nộp tiền cấp kết luận giám sát theo biểu mẫu tại Phụ lục 6.

gla

PHỤ LỤC 1: MẪU BÁO GIÁ DỊCH VỤ

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD09)

CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../20.../BG-...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO GIÁ DỊCH VỤ

Kính gửi: ...

Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông kính gửi Quý Công ty/Quý Đơn vị báo giá chi phí dịch vụ chứng nhận hợp quy cho hồ sơ chứng nhận hợp quy có Phiếu tiếp nhận số ... ngày ... như sau:

1. Chi phí thực hiện

STT	Loại phí dịch vụ	Đơn giá (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
1
2
3
...
Cộng				...
Thuế GTGT (10% VAT)				...
Tổng cộng				...

(Bằng chữ: ...)

2. Đề nghị thanh toán Đợt 1

Để triển khai hoạt động xử lý, đánh giá hồ sơ, Trung tâm đề nghị Quý Công ty nộp tiền trước ngày ... cho các chi phí sau đây:

STT	Loại phí dịch vụ	Đơn giá (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
1
2
3
...
Cộng				...
Thuế GTGT (10% VAT)				...
Tổng cộng tiền thanh toán				...

Số tiền bằng chữ: ...

Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Đơn vị thụ hưởng: Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông.

Địa chỉ: Tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Số tài khoản: 0300 1010 222 685

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng hải (MSB) - Chi nhánh Hà Nội.

Đối với các chi phí còn lại, Trung tâm sẽ thông báo bằng văn bản tới Quý Đơn vị các chi phí còn lại sau khi kết thúc xử lý hồ sơ CNHQ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ.

NGƯỜI LẬP BÁO GIÁ

Ghi chú:

- Báo giá trên sẽ thay đổi nếu phát sinh theo thực tế.
- Báo giá trên chưa bao gồm chi phí đo kiểm.
- Báo giá trên chưa bao gồm chi phí lưu trữ, chi phí phòng nghỉ, chi phí đi lại bằng ô tô, máy bay, tàu thuyền hoặc các phương tiện khác để thực hiện việc đánh giá và/hoặc lấy mẫu tại hiện trường (chỉ ghi chú nội dung này đối với trường hợp hồ sơ CNHQ phải đánh giá tại hiện trường nhưng khách hàng không lựa chọn CNHQ trọn gói).

Hướng dẫn việc ghi thông tin:

- Định dạng số Báo giá: Số hồ sơ/Năm tiếp nhận/BG-Tên đơn vị tiếp nhận (VD: 0123/2024/BG-PCN, 0123/2024/BG-CNMT, 0123/2024/BG-CNMN).
- Trường đơn vị tiếp nhận hồ sơ ký và phát hành Báo giá dịch vụ;
- Liệt kê đầy đủ tên các loại phí dịch vụ và đơn giá tương ứng theo quy định của Trung tâm về mức phí dịch vụ chứng nhận hợp quy sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông tại thời điểm lập báo giá. Việc xác định các loại phí dịch vụ phụ thuộc vào đặc điểm của hồ sơ và phương thức CNHQ. Việc xác định các loại phí dịch vụ căn cứ theo đặc điểm của từng hồ sơ CNHQ và phương thức CNHQ.

PHỤ LỤC 2: MẪU THÔNG BÁO NỘP TIỀN DỊCH VỤ CNHQ

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD09)

CỤC VIỄN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../20.../BP-...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO NỘP TIỀN ĐỢT 2

Kính gửi: ...

Địa chỉ: ...

Mã số thuế: ...

Email nhận hóa đơn: ...

Đề nghị Quý Công ty/ Quý Đơn vị nộp tiền dịch vụ chứng nhận hợp quy theo Báo giá dịch vụ số ... ngày .../Hợp đồng chứng nhận số ... ngày ... (Giấy CNHQ số .../Công văn thông báo số ... ngày ...). (ghi chú 1)

Mức thu theo ... quy định tại Quyết định số ... ngày ... của Giám đốc Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông. (ghi chú 2)

STT	Loại phí dịch vụ	Đơn giá (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
1
2
3
Cộng				...
Thuế GTGT (10% VAT)				...
Tổng cộng tiền thanh toán				...

Số tiền bằng chữ: ...

Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Đơn vị thụ hưởng: Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông.

Địa chỉ: Tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Số tài khoản: 0300 1010 222 685

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng hải (MSB) - Chi nhánh Hà Nội.

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (đề b/c);
- Bộ phận KHTC;
- Lưu hồ sơ.

Hướng dẫn việc ghi thông tin:

- Định dạng số Thông báo nộp tiền: Số thông báo/Năm phát hành/BP-Tên đơn vị phát hành (VD: 0123/2024/BP-PCN).
- Cách ghi các ghi chú:
 - + Ghi chú 1: Trường hợp không ký Hợp đồng thì chỉ liệt kê số, ngày của Báo giá, nếu ký Hợp đồng thì chỉ liệt kê số, ngày của Hợp đồng; Nếu cấp giấy CNHQ thì liệt kê số giấy CNHQ, nếu không cấp giấy CNHQ thì liệt kê số, ngày của công văn thông báo. Trường hợp không cấp giấy nêu tại điểm b khoản 3 Điều 10 thì không điền các thông tin này.
 - + Ghi chú 2: Ghi thông tin số, ngày của Quyết định mức phí dịch vụ CNHQ mà thông báo áp dụng.

**PHỤ LỤC 3: MẪU THÔNG BÁO NỘP TIỀN DỊCH VỤ CNHQ
(ÁP DỤNG CHO SẢN PHẨM, HÀNG HÓA KHÔNG THUỘC DANH MỤC
BẮT BUỘC PHẢI CHỨNG NHẬN HỢP QUY)**

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD09)

**CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../20.../BPTN-...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**THÔNG BÁO NỘP TIỀN DỊCH VỤ CHỨNG NHẬN HỢP QUY
ÁP DỤNG CHO SẢN PHẨM, HÀNG HÓA KHÔNG THUỘC DANH MỤC
BẮT BUỘC PHẢI CHỨNG NHẬN HỢP QUY**

Kính gửi: ...

Địa chỉ: ...

Mã số thuế: ...

Email nhận hóa đơn: ...

Đề nghị Quý Công ty/ Quý Đơn vị nộp tiền dịch vụ chứng nhận hợp quy theo Báo giá dịch vụ số ... ngày .../Hợp đồng chứng nhận số ... ngày ... (Giấy CNHQ số .../Công văn thông báo số ... ngày ...). (ghi chú 1)

Mức thu theo ... quy định tại Quyết định số ... ngày ... của Giám đốc Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông. (ghi chú 2)

STT	Loại phí dịch vụ	Đơn giá (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
1
2
3
...
Cộng				...
Thuê GTGT (10% VAT)				...
Tổng cộng tiền thanh toán				...

Ghi chú: Thông báo này không bao gồm các mức hao phí ... nêu tại Báo giá dịch vụ số ... ngày ... (ghi chú 3)

Số tiền bằng chữ: ...

Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Đơn vị thụ hưởng: Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông.

Địa chỉ: Tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Số tài khoản: 0300 1010 222 685

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng hải (MSB) - Chi nhánh Hà Nội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (đề b/c);
- Bộ phận KHTC;
- Lưu hồ sơ.

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ



Hướng dẫn việc ghi thông tin:

- Định dạng số Thông báo nộp tiền: Số thông báo/Năm phát hành/BP-Tên đơn vị phát hành (VD: 0123/2024/BPTN-PCN).
- Cách ghi các ghi chú:
 - + Ghi chú 1: Trường hợp không ký Hợp đồng thì chỉ liệt kê số, ngày của Báo giá, nếu ký Hợp đồng thì chỉ liệt kê số, ngày của Hợp đồng; Nếu cấp giấy CNHQ thì liệt kê số giấy CNHQ, nếu không cấp giấy CNHQ thì liệt kê số, ngày của công văn thông báo.
 - + Ghi chú 2: Ghi thông tin số, ngày của Quyết định mức phí dịch vụ CNHQ mà thông báo áp dụng.
 - + Ghi chú 3: Áp dụng cho trường hợp không cấp giấy CNHQ, nêu rõ các loại phí không áp dụng so với Báo giá

gh

**PHỤ LỤC 4: MẪU THÔNG BÁO NỘP TIỀN PHỤC VỤ GIÁM SÁT
SAU CNHQ ĐỐI VỚI PHƯƠNG THỨC 5**

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD09)

**CỤC VIỄN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỄN THÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../20.../PGS- ...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO NỘP TIỀN

PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT SAU CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Kính gửi:

Địa chỉ:

Mã số thuế: ...

Email nhận hóa đơn: ...

Đề nghị Quý Đơn vị nộp tiền phục vụ đánh giá giám sát sau chứng nhận hợp quy theo Thông báo số ... ngày ... của Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông.

Mức thu theo ... quy định tại Quyết định số ... ngày ... của Giám đốc Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông. (ghi chú)

STT	Loại phí dịch vụ	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền (đ)
1
2
3
...
Cộng				...
Thuế GTGT (VAT)				...
Tổng cộng tiền thanh toán				...

Số tiền bằng chữ: ...

Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Đơn vị thụ hưởng: Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông.

Địa chỉ: Tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Số tài khoản: 0300 1010 222 685

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng hải (MSB) - Chi nhánh Hà Nội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ phận KH-TC;
- Lưu hồ sơ.

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ

Hướng dẫn việc ghi thông tin:

- Định dạng số Thông báo nộp tiền: Số thông báo/Năm phát hành/PGS-Tên đơn vị phát hành (VD: 0123/2024/PGS-PCN).
- Ghi chú: Ghi thông tin số, ngày của Quyết định mức phí dịch vụ CNHQ mà thông báo áp dụng

SA

**PHỤ LỤC 5: MẪU THÔNG BÁO NỘP TIỀN BỔ SUNG PHỤC VỤ
GIÁM SÁT SAU CNHQ ĐỐI VỚI PHƯƠNG THỨC 5**

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD09)

**CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../20.../PGSBS- ...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO NỘP TIỀN BỔ SUNG

PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT SAU CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Kính gửi:

Địa chỉ:

Mã số thuế: ...

Email nhận hóa đơn: ...

Đề nghị Quý Đơn vị nộp tiền bổ sung phục vụ đánh giá giám sát sau chứng nhận hợp quy theo Thông báo số ... ngày ... của Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông.

Mức thu theo ... quy định tại Quyết định số ... ngày ... của Giám đốc Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông. (ghi chú)

STT	Loại phí dịch vụ bổ sung	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền (đ)
1
2
3
...
Cộng				...
Thuê GTGT (VAT)				...
Tổng cộng tiền thanh toán				...

Số tiền bằng chữ: ...

Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Đơn vị thụ hưởng: Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông.

Địa chỉ: Tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Số tài khoản: 0300 1010 222 685

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng hải (MSB) - Chi nhánh Hà Nội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ phận KH-TC;
- Lưu hồ sơ.

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ

Hướng dẫn việc ghi thông tin:

- Định dạng số Thông báo nộp tiền: Số thông báo/Năm phát hành/PGSBS-Tên đơn vị phát hành (VD: 0123/2024/PGSBS-PCN).
- Ghi chú: ghi thông tin số, ngày của Quyết định mức phí dịch vụ CNHQ mà thông báo áp dụng



9 1 1 4

**PHỤ LỤC 6: MẪU PHIẾU THÔNG BÁO NỘP TIỀN CẤP
KẾT LUẬN GIÁM SÁT**

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD09)

**CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG**

Số: .../20.../BPKL-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO NỘP TIỀN CẤP KẾT LUẬN GIÁM SÁT

Kính gửi:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Mã số thuế:

Fax:

Đề nghị Quý Đơn vị nộp tiền cấp kết luận giám sát theo Thông báo số ... ngày ... của Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông.

Mức thu theo ... quy định tại Quyết định số ... ngày ... của Giám đốc Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông. (ghi chú)

STT	Loại phí dịch vụ	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền (đ)
1.	Phí cấp kết luận giám sát
Cộng				...
Thuế GTGT (10% VAT)				...
Tổng cộng tiền thanh toán				...

Số tiền bằng chữ: ...

Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Đơn vị thụ hưởng: Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông.

Địa chỉ: Tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

Số tài khoản: 0300 1010 222 685

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng hải (MSB) - Chi nhánh Hà Nội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ phận KH-TC;
- Lưu hồ sơ.

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ

Hướng dẫn việc ghi thông tin:

- Định dạng số Thông báo nộp tiền: Số thông báo/Năm phát hành/BPKL-Tên đơn vị phát hành (VD: 0123/2024/BPKL-PCN).
- Ghi chú: ghi thông tin số, ngày của Quyết định mức phí dịch vụ CNHQ mà thông báo áp dụng

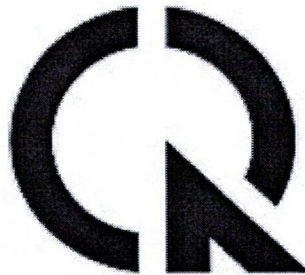
QT-HD10: HƯỚNG DẪN CẤP DẤU HỢP QUY

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số
106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5. năm 2026)

I. Nguyên tắc thực hiện

Trung tâm thực hiện việc cấp dấu hợp quy cho sản phẩm đã được cấp Giấy CNHQ bao gồm các thông tin như sau:

1. Dấu hợp quy: có hình dạng tuân thủ theo dấu hợp quy tại Phụ lục I Thông tư 14/2026/TT-BKHCN ngày 09/4/2026, cụ thể:



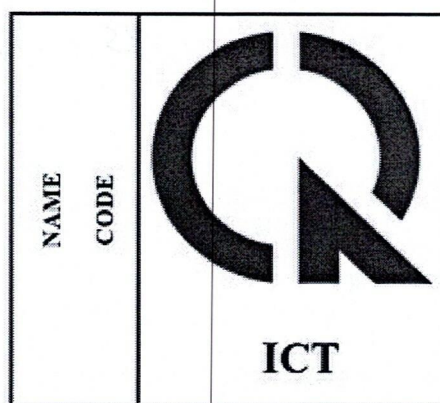
2. Thông tin bổ sung kèm theo dấu hợp quy: là thông tin gắn kèm theo dấu hợp quy để thuận tiện cho việc cơ quan quản lý và tổ chức, cá nhân thuận tiện trong việc nhận diện sản phẩm lĩnh vực ICT. Thông tin bổ sung gồm:

- ICT: dấu hiệu nhận biết sản phẩm lĩnh vực ICT;
- NAME: là tên nhận diện của tổ chức, cá nhân và được gắn trên dấu hợp quy;
- CODE: mã quản lý dấu hợp quy (gồm 08 ký tự, đồng bộ với phương án cấp mã quản lý do Trung tâm áp dụng trước ngày 01/01/2025). Lưu ý, tổ chức, cá nhân có thể sử dụng mã quản lý đã được cấp trước đây hoặc đề xuất cấp mã quản lý mới (chỉ cấp mới duy nhất 01 lần/tổ chức, cá nhân).

Việc thể hiện các thông tin bổ sung như sau:

NAME	ICT
CODE	

Việc thể hiện dấu hợp quy đầy đủ (gồm dấu hợp quy và thông tin bổ sung kèm theo dấu hợp quy) như sau:



II. Trình tự thực hiện

Trên cơ sở đề nghị cấp dấu hợp quy của tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy CNHQ, chuyên viên xử lý thực hiện việc cấp dấu hợp quy theo các bước sau:

- Bước 1: Lập Phiếu đề xuất cấp dấu theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Hướng dẫn này.
- Bước 2: Dự thảo Công văn cấp dấu hợp quy theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo Hướng dẫn này.
- Bước 3: Trình Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt Công văn cấp dấu hợp quy (Phiếu đề xuất trình kèm Dự thảo Công văn cấp dấu hợp quy).

III. Mã quản lý

- Mã quản lý được cấp cho đơn vị đã được Trung tâm cấp giấy CNHQ và được sử dụng để gắn trên mẫu dấu công bố hợp quy tại Phụ lục V Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011.

- Mã quản lý gồm các ký tự “XXXNNNNN” (VD: A0900001), được thiết lập để gắn kèm dấu hợp quy cấp cho sản phẩm, hàng hoá đã được cấp Giấy CNHQ nhằm quản lý thông tin của tổ chức, cá nhân sở hữu dấu hợp quy. Trong đó:

+ “XXX” (03 ký tự): là mã khu vực nơi tổ chức, cá nhân xin cấp dấu hợp quy đăng ký hoạt động. Đối với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài: mã khu vực cố định là “INT”. Đối với đơn vị trong nước, mã khu vực xác định theo Bảng tại Phụ lục III.

+ “NNNNN” (05 ký tự) là số thứ tự của mã quản lý, chạy theo dải số từ 00001 đến 99999. Số thứ tự mã quản lý cấp cho đơn vị trong nước và đơn vị nước ngoài độc lập nhau (đều sử dụng dải số từ 00001 đến 99999).

- Nguyên tắc tạo mã quản lý: chỉ tạo cho mỗi tổ chức, cá nhân 01 mã quản lý duy nhất để gắn kèm trên mẫu dấu hợp quy dùng chung.

- Các mã quản lý đã được cấp trước đây bởi các Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 1, 2, 3 vẫn được sử dụng nếu tổ chức, cá nhân không có nhu cầu thay đổi mã quản lý được cấp trước đó.

11/07/2018

Handwritten signature

PHỤ LỤC 1: MẪU PHIẾU ĐỀ XUẤT CẤP DẤU HỢP QUY

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD10)

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỄN THÔNG

PHÒNG CHỨNG NHẬN

PHIẾU ĐỀ XUẤT CẤP DẤU HỢP QUY

1. Thông tin tổ chức, cá nhân:

- Tên tổ chức, cá nhân: ...

- Địa chỉ: ...

Đã được cấp Giấy chứng nhận hợp quy số ...

Đã được cấp mã quản lý số ...

Chưa được cấp mã quản lý

2. Thông tin về dấu hợp quy đề xuất cấp:

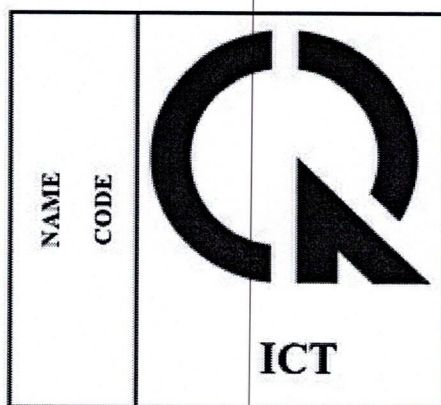
- Dấu hợp quy có hình dạng như Phụ lục I kèm theo Thông tư 14/2026/TT-BKHHCN ngày 09/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- NAME: ...

- CODE: ...

3. Đề xuất:

Cấp dấu hợp quy và phần thông tin kèm theo như sau:



Phòng xin báo cáo và đề xuất các nội dung nêu trên.

PHỤ TRÁCH PHÒNG

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐỀ XUẤT



PHỤ LỤC 2: MẪU CÔNG VĂN THÔNG BÁO CẤP DẤU HỢP QUY

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD10)

CỤC VIỄN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../20.../BP-...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO CẤP DẤU HỢP QUY

Kính gửi: ...

Địa chỉ: ...

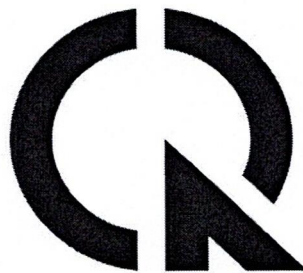
Căn cứ khoản 2 Điều 15 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BTTTT ngày 31/12/2024 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc liên tịch ban hành;

Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông cấp dấu hợp quy cho (Tên tổ chức, cá nhân) để sử dụng cho sản phẩm, hàng hóa đã được Trung tâm cấp Giấy chứng nhận hợp quy như sau:

1. Dấu hợp quy

- Dấu hợp quy: theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư 14/2026/TT-BKHCN ngày 09/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ (có thể tải về tại địa chỉ: https://files.tqc.gov.vn/public/Ma_Dau_Hop_Quy.jpg):



- Việc sử dụng dấu hợp quy phải tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư Thông tư 14/2026/TT-BKHCN ngày 09/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Về thông tin bổ sung

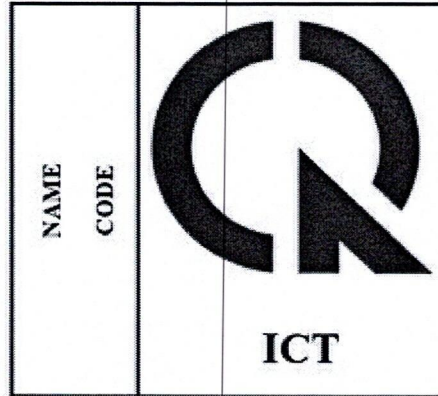
Để thuận tiện cho các Cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân nhận diện các sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông, Trung tâm cấp kèm dấu hợp quy các thông tin sau:

- ICT: ...;

- NAME: ... là tên nhận diện của (Tên tổ chức, cá nhân);

- CODE: ... là mã quản lý việc cấp dấu hợp quy của Trung tâm.

Việc thể hiện dấu hợp quy và phần thông tin kèm theo như sau:



Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- PCT phụ trách (để b/c);
- Giám đốc (để b/c);
- Phòng CNDV;
- CNMT, CNMN;
- Lưu: VT, CN.

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ

PHỤ LỤC III: BẢNG XÁC ĐỊNH MÃ KHU VỰC

(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD10)

STT	TÊN TỈNH, TP	Mã khu vực	STT	TÊN TỈNH, TP	Mã khu vực
1	TP. Hà Nội	A09	18	TP. Hải Phòng	A11
2	TP. Huế	C13	19	Ninh Bình	A19
3	Quảng Ninh	A21	20	Quảng Trị	C12
4	Cao Bằng	A04	21	TP. Đà Nẵng	C02
5	Lạng Sơn	A15	22	Quảng Ngãi	C10
6	Lai Châu	A14	23	Gia Lai	C05
7	Điện Biên	A05	24	Khánh Hòa	C06
8	Sơn La	A22	25	Lâm Đồng	B14
9	Thanh Hóa	A25	26	Đắk Lắk	C03
10	Nghệ An	A18	27	TP. Hồ Chí Minh	B21
11	Hà Tĩnh	A08	28	Đồng Nai	B10
12	Tuyên Quang	A26	29	Tây Ninh	B18
13	Lào Cai	A16	30	TP. Cần Thơ	B09
14	Thái Nguyên	A24	31	Vĩnh Long	B22
15	Phú Thọ	A20	32	Đồng Tháp	B11
16	Bắc Ninh	A03	33	Cà Mau	B08
17	Hưng Yên	A13	34	An Giang	B01

QT-HD11: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN KIỂM SOÁT MẪU ĐO KIỂM

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

I. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với toàn bộ các sản phẩm mẫu được sử dụng trong các kết quả đo kiểm tại hồ sơ CNHQ được Trung tâm tiếp nhận.

II. Nguyên tắc thực hiện

1. Đối với Phương thức 1

- Bước 1: Tiếp nhận và niêm phong mẫu đo kiểm:
 - + Yêu cầu phải thực hiện trước thời điểm đo kiểm;
 - + Việc tiếp nhận và niêm phong mẫu phải được ghi nhận bằng biên bản theo mẫu tại Phụ lục I của Hướng dẫn này.
- Bước 2: Nhập thông tin sản phẩm mẫu vào File theo dõi theo biểu mẫu tại Phụ lục II của Hướng dẫn này.
- Bước 3: Trung tâm thực hiện hoặc hướng dẫn khách hàng thực hiện việc chuyển, bàn giao mẫu tới phòng thử nghiệm. Yêu cầu: phòng thử nghiệm phải nằm trong danh sách được Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt.

Việc tiếp nhận, niêm phong và bàn giao mẫu cho phòng thử nghiệm như sau:

- Trường hợp tiếp nhận mẫu tại Hà Nội: Tổ 1 của chịu trách nhiệm thực hiện;
- Trường hợp tiếp nhận mẫu tại Đà Nẵng: CNMT chịu trách nhiệm thực hiện;
- Trường hợp tiếp nhận mẫu tại TP. Hồ Chí Minh: CNMN chịu trách nhiệm thực hiện.

2. Đối với Phương thức 5 và Phương thức 7

- Bước 1: Tiếp nhận và niêm phong mẫu đo kiểm: Thực hiện khi tiến hành bước niêm phong mẫu như tại QT-HD03 (đối với Phương thức 5) và QT-HD04 (đối với Phương thức 7).
- Bước 2: Nhập thông tin sản phẩm mẫu vào File theo dõi theo biểu mẫu tại Phụ lục II của Hướng dẫn này.
- Bước 3: Trung tâm thực hiện hoặc hướng dẫn khách hàng thực hiện việc chuyển, bàn giao mẫu tới phòng thử nghiệm. Yêu cầu: phòng thử nghiệm phải nằm trong danh sách được Lãnh đạo Trung tâm phê duyệt.

III. Lưu mẫu

- Số lượng mẫu tối thiểu cần niêm phong đối với Phương thức 1, Phương thức 5, Phương thức 7 là không quá 01 mẫu/chủng loại sản phẩm đề nghị CNHQ.
- Chỉ thực hiện lưu mẫu dưới dạng hình ảnh điện tử.

Handwritten signature

PHỤ LỤC I – MẪU BIÊN BẢN TIẾP NHẬN MẪU ĐO KIỂM
(*Kèm theo Hướng dẫn QT-HD11*)

CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG
BIÊN BẢN TIẾP NHẬN MẪU ĐO KIỂM

I. Thành phần làm việc:

- Đại diện Công ty ...

1) Ông/Bà ...

Chức vụ: ...

- Đại diện Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông:

1) Ông/Bà

Chức vụ: ...

II. Thời gian, địa điểm:

- Thời gian: Ngày ...

- Địa chỉ: ...

III. Nội dung đã thống nhất:

- Đại diện Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông đã thực hiện việc niêm phong và tiếp nhận ... sản phẩm mẫu từ Đại diện Công ty ... Thông tin của (các) sản phẩm mẫu đã tiếp nhận theo bảng sau (*Ảnh chụp sản phẩm mẫu tại Phụ lục kèm theo*):

STT	Tên sản phẩm	Hãng sản xuất	Ký hiệu/Model	Số S/N	Phòng thử nghiệm được khách hàng chỉ định
1.	
2.	
3.	

- (Các) sản phẩm mẫu nêu trên sẽ được Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông thay mặt Công ty ... gửi đến phòng thử nghiệm do Công ty ... chỉ định để tiến hành việc đo kiểm theo QCVN ...

- Trong quá trình đo kiểm, đề nghị Công ty ... phối hợp, hỗ trợ cung cấp các điều kiện kỹ thuật cần thiết để đảm bảo hoàn thành việc đo kiểm.

Hà Nội, ngày ...

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY ...

ĐẠI DIỆN
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG

...

...

QA

ẢNH CHỤP CÁC MẪU ĐÃ TIẾP NHẬN
(Kèm theo Biên bản tiếp nhận mẫu đo kiểm ngày ...)

PHỤ LỤC II – MẪU FILE THEO DÕI VIỆC TIẾP NHẬN MẪU ĐO KIỂM
(Kèm theo Hướng dẫn QT-HD11)

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Mã số doanh nghiệp	Tên sản phẩm	Hãng sản xuất	Ký hiệu/Model	Số S/N	QCVN đề nghị đo kiểm và chứng nhận hợp quy	Phòng thử nghiệm được khách hàng chỉ định
1.					
2.					
3.					

Handwritten signature or mark in blue ink.

QT-QĐ01: QUY ĐỊNH VỀ NGUYÊN TẮC ĐÁNH SỐ GIẤY CNHQ, XÁC ĐỊNH MÃ SẢN PHẨM VÀ TÊN SẢN PHẨM

(Kèm theo Quy trình CNHQ ban hành kèm theo Quyết định số

106/QĐ-TTĐLCL ngày 25 tháng 5 năm 2026)

1. Cách đánh số giấy CNHQ

Số Giấy chứng nhận hợp quy gồm các ký tự “INNNNDDMMYYSPPTL”, trong đó:

- “I” là mã nhận dạng đơn vị cấp giấy CNHQ (“A” là Phòng Chứng nhận, “B” là CNMN, “C” là CNMT).
- “NNNN” là số thứ tự giấy CNHQ cấp theo năm, bắt đầu từ 0001 đến số 9999 (độc lập tại mỗi đơn vị).
- “DDMMYY” là thời gian cấp giấy CNHQ (định dạng ngày, tháng, năm).
- “S” là loại hình CNHQ (ghi là “A” nếu sản phẩm được cấp Giấy CNHQ thuộc đối tượng bắt buộc, ghi là “B” nếu sản phẩm được cấp Giấy CNHQ thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN đề nghị CNHQ nhưng không thuộc Danh mục bắt buộc).
- “PPP” là mã sản phẩm.
- “T” là mã phương thức CNHQ (“A” là phương thức 1, “E” là phương thức 5, “H” là phương thức 7).
- “L” là mã nguồn gốc sản phẩm.

2. Cách xác định mã sản phẩm (PPP)

Mã PPP gồm 3 ký tự gồm: Mã nhóm sản phẩm + Mã sản phẩm + Số lượng quy chuẩn áp dụng. Trong đó:

a. Mã nhóm sản phẩm:

- “E” là mã nhóm của thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện có băng tần nằm trong khoảng 9 kHz đến 400 GHz;
- “F” là mã nhóm của thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn;
- “C” là mã nhóm của thiết bị Công nghệ thông tin;
- “H” là mã nhóm của thiết bị phát thanh, truyền hình.

b. Mã sản phẩm: sử dụng các số từ 0 đến 9 và các chữ cái A, B, ...

c. Số lượng quy chuẩn áp dụng: sử dụng các số từ 1 đến 9

Bảng xác định “Mã nhóm sản phẩm + Mã sản phẩm”

103

STT	Sản phẩm, hàng hóa	Mã nhóm sản phẩm	Mã sản phẩm	Ghi chú
1	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện có băng tần nằm trong khoảng 9 kHz đến 400 GHz	E		
1.1	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất/Thiết bị đầu cuối thông tin di động thể hệ thứ năm (5G)	E	1	Điện thoại
		E	2	Không phải điện thoại
1.2	Thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM	E	3	
1.3	Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD	E		
1.4	Thiết bị trạm gốc thông tin di động E-UTRA	E		
1.5	Thiết bị trạm gốc thông tin di động thể hệ thứ năm (5G)	E		
1.6	Thiết bị lặp thông tin di động GSM	E		4
1.7	Thiết bị lặp thông tin di động W-CDMA FDD	E		
1.8	Thiết bị lặp thông tin di động E-UTRA	E		
1.9	Thiết bị lặp thông tin di động thể hệ thứ năm (5G)	E		
1.10	Thiết bị vô tuyến mạng diện rộng công suất thấp (LPWAN)	E	5	
1.11	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho thoại tương tự	E	6	
1.12	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự	E		
1.13	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho truyền dữ liệu (và thoại)	E		
1.14	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten rời dùng cho truyền số liệu (và thoại)	E		
1.15	Máy phát hình kỹ thuật số DVB-T2	E		7
1.16	Thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều biên (AM)	E		
1.17	Thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều tần (FM)	E		
1.18	Thiết bị truyền thanh không dây sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) băng tần từ 54 MHz đến 68 MHz	E		
1.19	Thiết bị Ra đa (trừ thiết bị Ra đa dùng cho tàu thuyền đi biển và Ra đa thuộc loại thiết bị phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn)	E	8	
1.20	Thiết bị trạm gốc thông tin di động đa công nghệ NR và E-UTRA	E	9	
1.21	Thiết bị khác	E	0	

STT	Sản phẩm, hàng hóa	Mã nhóm sản phẩm	Mã sản phẩm	Ghi chú
2	Thiết bị vô tuyến điện cự ly ngắn	F		
2.1	Thiết bị điện thoại không dây loại kéo dài thuê bao vô tuyến DECT	F	1	
2.2	Thiết bị phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn dùng cho mục đích chung	F	2	
2.3	Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz	F	3	
2.4	Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz	F		
2.5	Thiết bị truy nhập vô tuyến Wi-Fi 6E, Wi-Fi 7	F		
2.6	Thiết bị Ra đa ứng dụng trong giao thông đường bộ hoặc đường sắt	F	4	
2.7	Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện	F	5	
2.8	Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện	F	6	
2.9	Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID)	F	7	
2.10	Thiết bị thu phí giao thông không dừng áp dụng công nghệ nhận dạng vô tuyến điện (RFID)	F		
2.11	Thiết bị âm thanh không dây	F	8	
2.12	Thiết bị truyền dữ liệu băng siêu rộng (UWB)	F	9	
2.13	Thiết bị khác	F	0	
3	Thiết bị công nghệ thông tin	C		
3.1	Máy tính cá nhân để bàn (Desktop computer)	C	1	
3.2	Máy tính công nghiệp	C		
3.3	Máy tính xách tay	C	2	
3.4	Máy tính bảng	C	3	
4	Thiết bị phát thanh, truyền hình	H		
4.1	Thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình (Set Top Box) trong mạng truyền hình vệ tinh (trừ thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình số vệ tinh DVB-S/S2)	H	1	
4.2	Thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình số vệ tinh DVB-S/S2	H	2	
4.3	Thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình (Set Top Box) trong mạng truyền hình cáp sử dụng kỹ thuật số	H	3	
4.4	Thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình (Set Top Box) trong mạng truyền hình IPTV	H	4	
4.5	Thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình số mặt đất DVB-T2 (Set Top Box DVB-T2)	H	5	
4.6	Máy thu hình có tích hợp chức năng thu tín hiệu truyền hình số mặt đất DVB-T2 (iDTV)	H	6	
4.7	Thiết bị khuếch đại trong hệ thống phân phối truyền hình cáp	H	7	
5	Camera IP	S	1	

Ví dụ minh họa: Điện thoại di động có tên sản phẩm là “Thiết bị đầu cuối

thông tin di động mặt đất/5G truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz, truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz và truyền dữ liệu băng siêu rộng (UWB) và được CNHQ theo 06 quy chuẩn kỹ thuật (QCVN 47/54/65/117/127/129).

=> Căn cứ theo cách xác định nêu tại Bảng trên, mã “PPP” của sản phẩm là E16.

3. Cách xác định mã phương thức và nguồn gốc (TL)

Mã phương thức và nguồn gốc gồm 2 ký tự: Mã phương thức (T) + Mã nguồn gốc (L). Trong đó:

- Mã phương thức: “A” là Phương thức 1, “E” là Phương thức 5, “H” là Phương thức 7.
- Mã nguồn gốc: sử dụng các chữ số từ 1 đến 9.

a. Bảng xác định mã “TL” đối với Phương thức 1

Mã “TL”	Ý nghĩa
A1	Phương thức 1, áp dụng cho SP nhập khẩu, hãng sản xuất đề nghị CNHQ và tự sản xuất
A2	Phương thức 1, áp dụng cho SP nhập khẩu, hãng sản xuất đề nghị CNHQ và thuê gia công (OEM)
A3	Phương thức 1, áp dụng cho SP nhập khẩu, nhà nhập khẩu đề nghị CNHQ và hãng sản xuất tự sản xuất
A4	Phương thức 1, áp dụng cho SP nhập khẩu, nhà nhập khẩu đề nghị CNHQ và hãng sản xuất thuê gia công (OEM)
A5	Phương thức 1, áp dụng cho SP sản xuất trong nước, hãng sản xuất đề nghị CNHQ và tự sản xuất
A6	Phương thức 1, áp dụng cho SP sản xuất trong nước, hãng sản xuất đề nghị CNHQ và hãng sản xuất thuê gia công (OEM)

b. Bảng xác định mã “TL” đối với Phương thức 5

Mã “TL”	Ý nghĩa
E1	Phương thức 5, áp dụng cho SP nhập khẩu, hãng tự sản xuất
E2	Phương thức 5, áp dụng cho SP nhập khẩu, hãng thuê gia công OEM
E3	Phương thức 5, áp dụng cho SP sản xuất trong nước, hãng tự sản xuất
E4	Phương thức 5, áp dụng cho SP sản xuất trong nước, hãng thuê gia công OEM

c. Bảng xác định mã “TL” đối với PT7

Mã “TL”	Ý nghĩa
H1	Phương thức 7, áp dụng cho SP nhập khẩu, hãng tự sản xuất
H2	Phương thức 7, áp dụng cho SP nhập khẩu, hãng thuê gia công OEM
H3	Phương thức 7, áp dụng cho SP sản xuất trong nước, hãng tự sản xuất
H4	Phương thức 7, áp dụng cho SP sản xuất trong nước, hãng thuê gia công OEM

Ví dụ minh họa: Điện thoại di động có tên sản phẩm là “Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất/5G truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz, truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz và truyền dữ liệu băng siêu rộng (UWB) và được CNHQ theo phương thức 1 gồm 06 quy chuẩn kỹ thuật (QCVN 47/54/65/117/127/129). Sản phẩm được nhập khẩu và được hãng sản xuất gia công tại một nhà máy khác có chứng chỉ ISO 9001:2015.

=> Căn cứ theo cách xác định nêu trên, cụm mã “PPPTL” của sản phẩm là E16A2.

4. Quản lý mã sản phẩm

- Bảng mã sản phẩm quy định mã cho loại sản phẩm thuộc “Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông” nhằm mục đích để phân loại, thống kê, báo cáo khi cần.

- Cách đặt tên sản phẩm dựa trên các chức năng của sản phẩm thuộc “Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông” và tên quy chuẩn áp dụng.

- Phòng Chứng nhận chủ trì việc xây dựng và cập nhật bảng mã sản phẩm.

- Trường hợp cần cập nhật bảng mã, các đơn vị lập Phiếu đề xuất theo biểu mẫu tại Phụ lục 1 gửi Phòng Chứng nhận xem xét cho ý kiến để thống nhất áp dụng trong Trung tâm.

MB

PHỤ LỤC 1: MẪU PHIẾU ĐỀ XUẤT CẬP NHẬT BẢNG MÃ
(Kèm theo Hướng dẫn QT-QĐ01)

CỤC VIỆN THÔNG
TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VIỆN THÔNG
PHIẾU ĐỀ XUẤT CẬP NHẬT BẢNG MÃ

Đơn vị đề xuất: (Tên đơn vị)

Nội dung đề xuất:

Thực hiện quy định tại "Quy trình chứng nhận hợp quy" ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TTĐLCL ngày .../.../20... của Giám đốc Trung tâm Đo lường Chất lượng Viện thông, (Tên đơn vị) đề xuất cập nhật Bảng mã sản phẩm như sau:

1. Đề nghị loại bỏ:

STT	Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Lý do
1			

2. Đề nghị sửa đổi:

STT	Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Nội dung sửa đổi	Lý do
1				

3. Đề nghị bổ sung:

STT	Tên sản phẩm	Tên tiếng Anh	Quy chuẩn	Đối tượng áp dụng	Mã sản phẩm	Lý do
1						

Ý KIẾN CỦA PHÒNG CHỨNG NHẬN

..., ngày ... tháng ... năm 20...
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT